

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

LÊ TÂY NGUYÊN

**GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ
VĂN HÓA DÂN TỘC JARAI Ở GIA LAI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**2014 | PDF | 108 Pages
buihuuhanh@gmail.com**

Đà Nẵng – Năm 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

LÊ TÂY NGUYÊN

**GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ
VĂN HÓA DÂN TỘC JARAI Ở GIA LAI**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60.22.80

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Người hướng dẫn khoa học: TS.Trần Ngọc Ánh

Đà Nẵng – Năm 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

Lê Tây Nguyên

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	3
4. Cơ sở lý luận và Phương pháp nghiên cứu của đề tài	3
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	3
6. Bố cục của đề tài.....	4
7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu	4
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ VĂN HÓA.....	8
1.1.KHÁI NIỆM VỀ VĂN HÓA.....	8
1.2.NGUỒN GỐC, VAI TRÒ VÀ CHỨC NĂNG CỦA VĂN HÓA.....	13
1.3. GIÁ TRỊ VÀ GIÁ TRỊ VĂN HÓA	18
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	21
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC JARAI Ở TỈNH GIA LAI.....	22
2.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH VĂN HÓA JARAI Ở TỈNH GIA LAI.....	22
2.1.1.Tự nhiên và kinh tế xã hội	22
2.1.2. Đặc điểm văn hóa dân tộc Jarai ở tỉnh Gia Lai.....	27
2.2. NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA VĂN HÓA DÂN TỘC JARAI Ở TỈNH GIA LAI	47
2.2.1. Văn hóa công chiêng.....	47
2.2.2. Văn hóa Nhà rông	48
2.2.3. Nghệ thuật tạo hình tượng nhà mồ	49
2.2.4. Văn hóa lễ hội	49

2.3. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC JARAI Ở TỈNH GIA LAI	54
2.3.1. Thuận lợi.....	54
2.3.2. Khó khăn.....	57
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	61
CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ VỀ GÌN GIỮ, PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC JARAI Ở GIA LAI.....	62
3.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH CÁC GIẢI PHÁP	62
3.1.1. Cơ sở lý luận	62
3.1.2. Cơ sở thực tiễn.....	70
3.2. CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ	78
3.2.1. Các giải pháp.....	78
3.2.2. Kiến nghị.....	93
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	98
KẾT LUẬN	99
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI (bản sao)	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự phát triển toàn diện của xã hội loài người trong giai đoạn hiện nay diễn ra trên tất cả các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, khoa học và công nghệ, văn hóa... Trong đó, văn hóa có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của mỗi dân tộc, quốc gia và toàn thế giới, văn hóa sẽ đưa đến cho loài người cuộc sống tốt đẹp hơn về vật chất và tinh thần. Có thể nói văn hóa là nhân tố quyết định đến sự phát triển toàn diện của đất nước bởi vì khi nói đến văn hóa là nói đến cả một quá trình lịch sử hình thành, phát triển và hòa nhập trong giai đoạn hiện nay. Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa riêng thể hiện bản sắc của dân tộc ấy. Chính những bản sắc văn hóa tạo nên giá trị, tinh hoa cho dân tộc mà mỗi chúng ta sống trong giai đoạn hiện nay phải có ý thức gìn giữ, bảo vệ các giá trị tinh hoa văn hóa ấy. Vấn đề gìn giữ, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa của các dân tộc là mối quan tâm của Đảng và nhà nước ta hiện nay cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới. Hiện nay, Đảng và nhà nước ta đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, tạo điều kiện để cùng phát triển trong đó có vùng Tây Nguyên để đóng góp vào việc thực hiện mục tiêu chung của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Trước tình hình đó thì việc giữ gìn, kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Jarai ở Gia Lai là vấn đề mang tính thời sự, cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

Đất nước ta trong giai đoạn hiện nay là mở cửa và hội nhập, đã làm cho kinh tế, kết cấu xã hội thay đổi một cách nhanh chóng từ nông thôn đến thành thị, từ miền núi đến đồng bằng. Văn hóa cũng bị ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đã làm cho nhiều vấn đề mới nảy sinh đòi hỏi các cấp quản lý phải thay đổi tư duy mới. Bên cạnh đó, trình độ dân trí cũng

được nâng lên, nhu cầu và mức hưởng thụ văn hóa cũng có sự thay đổi về quy mô, chất lượng văn hóa. Hiện nay, có sự chuyển tiếp từ thế hệ trước sang thế hệ sau nên đòi hỏi quá trình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc là một việc làm rất quan trọng, đặc biệt là giá trị văn hóa của dân tộc bản địa ở Tây Nguyên càng có ý nghĩa.

Người Jarai ở Gia Lai đứng sau người Kinh về số dân, với lịch sử hình thành và phát triển lâu đời đã có một kho tàng các giá trị văn hóa phong phú và đa dạng. Hiện nay, do sự phát triển của kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa, quá trình tái định cư, quá trình quy hoạch phát triển kinh tế... đã làm mai một đi dần các giá trị văn hóa truyền thống. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc Jarai ở Gia Lai trong giai đoạn hiện nay là vấn đề cấp thiết nhằm giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc trong thời kì mở cửa hội nhập.

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh với sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa, việc gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc Jarai ở Gia Lai là một trong những vấn đề thu hút sự quan tâm của Đảng và chính quyền tỉnh nhà. Chính vì vậy mà bản thân tôi đã chọn đề tài: ***“Gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Jarai ở Gia Lai”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ chuyên ngành triết học, với hi vọng đóng góp một phần công sức vào việc gìn giữ, bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc bản địa ở tỉnh Gia Lai vào xu thế phát triển chung của các giá trị văn hóa các dân tộc Việt Nam.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm chỉ đạo của Đảng về văn hóa, luận văn trình bày các giá trị văn hóa dân tộc Jarai và phân tích thực trạng của đời sống hiện nay đang ảnh hưởng, đang tác động đến những giá trị văn hóa của dân tộc Jarai. Qua đó luận văn

xây dựng các giải pháp nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc Jarai ở tỉnh Gia Lai hiện nay.

2.2. Để thực hiện mục tiêu trên, nhiệm vụ luận văn sẽ là

- Phân tích thực trạng đời sống văn hóa của dân tộc Jarai.
- Chỉ ra các giá trị và hạn chế của đời sống văn hóa dân tộc Jarai.
- Xây dựng các giải pháp nhằm phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc Jarai hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là đời sống văn hóa của dân tộc Jarai ở tỉnh Gia Lai.

Phạm vi nghiên cứu chỉ tập trung vào đời sống văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc Jarai ở tỉnh Gia Lai.

4. Cơ sở lý luận và Phương pháp nghiên cứu của đề tài

4.1. Cơ sở lý luận

Dựa trên những quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về văn hóa và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trong sự nghiệp đổi mới. Đồng thời có kế thừa một số thành tựu của các công trình nghiên cứu đã được trình bày trong luận văn.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Vận dụng những nguyên tắc của phép biện chứng duy vật với các phương pháp logic và lịch sử, phân tích và tổng hợp, trừu tượng hóa và khái quát hóa, so sánh, thâm nhập và khảo sát thực tế, phỏng vấn trực tiếp...nhằm đạt mục đích và nhiệm vụ luận văn đề ra.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận văn góp phần làm rõ những giá trị văn hóa của dân tộc Jarai ở tỉnh Gia Lai phân tích thực trạng, giải pháp và đề xuất giải pháp gìn giữ, phát huy những giá trị văn hóa ở Gia Lai trong giai đoạn hiện nay.

Luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn, nhất là những nghiên cứu về văn hóa, góp phần tích cực cho việc tìm kiếm các giải pháp bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Jarai ở Gia Lai. Ngoài ra luận văn còn làm tài liệu tham khảo cho cán bộ hoạch định chính sách và quản lý văn hóa ở tỉnh Gia Lai.

6. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn gồm 3 chương, 8 tiết.

7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Đảng ta xác định: “văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế, xã hội”. Trên cơ sở chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan niệm mới về văn hóa mà điểm cốt lõi là đề cao các giá trị văn hóa truyền thống, phát huy những giá trị văn hóa trong phát triển, coi trọng việc bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc. Vì vậy đã có rất nhiều công trình, nhiều tác giả nghiên cứu về văn hóa với nhiều nội dung khía cạnh khác nhau, trong số đó có những công trình tiêu biểu sau đây.

Tác giả Phạm Duy Đức (2008) trong cuốn *Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về văn hóa*. Nội dung cuốn sách bàn về quan điểm của một số nhà triết học Mácxit xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Trong đó, có một số nội dung cơ bản như: Văn hóa chính trị, con người với đạo đức mới, lối sống mới, tín ngưỡng. Tác giả Đỗ Huy (2002) trong cuốn *Cơ sở triết học của văn hóa nghệ thuật Việt Nam* Tác giả đã chỉ ra phương pháp luận cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh liên quan mật thiết đến nền tảng tư tưởng và tư duy triết học của sự phát triển văn hóa nghệ thuật nói chung và văn hóa của dân tộc Việt Nam nói riêng. Tác giả Nguyễn Huy Hoàng (2002)

trong cuốn *Mấy vấn đề triết học văn hóa*. Nội dung xem xét văn hóa trong sự phát triển tri thức triết học từ góc độ lịch sử đến góc độ phương pháp luận từ đó đưa ra một số vấn đề cấp bách đối với cuộc sống thực tiễn hiện nay.

Khi nghiên cứu về sự tác động của cơ chế thị trường, mở cửa và hội nhập trong xu thế toàn cầu hóa thì có tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn và Nguyễn Văn Huyền (2002) trong cuốn *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa*. Nội dung cuốn sách đã phân tích thực chất của toàn cầu hóa nhìn từ góc độ triết học, giá trị học với việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, những giải pháp và dự báo trong sự phát triển của văn hóa nước ta hiện nay. Tác giả Nguyễn Khoa Điềm (2001) trong cuốn *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc*. Từ lý luận và thực tiễn của hoạt động văn hóa mà Đảng ta xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Qua đó, đưa ra những kiến nghị, đề xuất, giải pháp để xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mở cửa và hội nhập.

Nghiên cứu dưới góc độ chuyên sâu bản sắc văn hóa có những tác giả và tác phẩm tiêu biểu như:

Huy Cận (1994) trong cuốn *Suy nghĩ về bản sắc văn hóa dân tộc*. Trần Ngọc Thêm (2001) trong cuốn *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. Phan Ngọc (2002) trong cuốn *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nguyễn Khoa Điềm (2003) trong cuốn *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*. Hồ Bá Thâm (2003) trong cuốn *Bản sắc văn hóa dân tộc*.

Nghiên cứu về văn hóa các dân tộc thiểu số có:

Jacques Dournes (2013) *PoTao một lý thuyết về quyền lực ở người Jarai Đông Dương*, chuyên khảo về vua Lửa, vua Nước trong vùng Ayunpa, tỉnh Gia Lai. Sống ở Tây Nguyên hai mươi bốn năm Jacques Dournes đã nghiên cứu văn học, thần thoại, ước mơ và tín ngưỡng của tộc người Jarai. Nguồn tư

liệu văn hóa gian gian chiếm một vị trí quan trọng trong công trình nghiên cứu của ông được Nguyễn Ngọc dịch và xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Việt. Cuốn sách nghiên cứu về văn hóa phong tục tập quán phong phú của người Jarai mà dường như đến nay các giá trị ấy đã mai một dần.

Henri Maitre (1982) *Rừng người thượng*. Được viết dựa trên những ghi chép của Maitre ở cao nguyên và nghiên cứu thư viện sau khi ông trở về, trình bày một cách khách quan những gì ông nhìn thấy: về rừng núi, và trên hết là con người sống trong đó. Cuốn sách không chỉ cho chúng ta một cái nhìn lướt qua cao nguyên trong một thời điểm lịch sử cụ thể, như những công trình của những nhà du hành khác. Chương một của phần III là một nghiên cứu địa lý hoàn chỉnh về vùng Tây Nguyên và nam Trường Sơn. Chương hai là một nỗ lực nhằm phân loại người Thượng thành những nhóm ngôn ngữ dân tộc một cách khoa học. Và chương ba là một công trình độc đáo về hợp thể lịch sử, dẫn tới công trình lịch sử dân tộc đầu tiên được viết về vùng cao nguyên Việt Nam, Cambodge và Lào.

Nguyễn Kinh Chi, Nguyễn Đồng Chi (2011) *Người Ba Na ở Kon Tum (mọi Kon Tum)*. Đây là một công trình nghiên cứu về dân tộc học về cư dân người Ba Na ở Kon Tum, hai tác giả đã lí giải những “huyền bí” về phong tục, tập quán, lối sống người Ba Na mà lúc bấy giờ ít người biết đến. Hai tác giả đã sử dụng những câu tục ngữ của người Việt để làm sáng rõ sự tương đồng trong tín ngưỡng của người Bahnar cũng như người Việt. Những nghi lễ của người Bahnar được giải thích bằng cách đối chiếu với những lễ nghi tương ứng của người Việt. Họ cũng chỉnh lại những nhận thức sai lầm, khẳng định người Bahnar “ăn ở nhất định chứ không rày đây mai đó như các dân du mục”.

Nguyễn Quang Tuệ (2008) *Câu đố Jarai* Tác giả đã sưu tầm và trình bày một cách có hệ thống về câu đố Jarai rất phong phú và đa dạng. Nội dung câu

đồ Jarai phản ánh hầu hết các vấn đề, các khía cạnh liên quan đến cuộc sống của đồng bào từ ngàn xưa đến nay. Họ thường đồ nhau về các loại cây con, đồ vật, thiên nhiên, sinh hoạt lao động.

Lò Giàng Páo (2003) *Tìm hiểu văn hóa vùng các dân tộc thiểu số*. Ngô Văn Lệ (1998) trong cuốn *Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Luận văn thạc sĩ Triết học của Lê Thị Mỹ Vân (1999) Đại học khoa học xã hội và nhân văn Đại học Quốc gia Hà Nội với đề tài: "*Văn hóa truyền thống của các dân tộc Jarai và Bahnar ở tỉnh Gia Lai hiện nay - thực trạng và giải pháp*", Luận văn thạc sĩ Triết học của Đỗ Văn Hòa (2003) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh với đề tài: "*Vấn đề giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số ở Gia Lai trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay*".

Như vậy, có rất nhiều các công trình nghiên cứu về văn hóa và đi sâu vào nghiên cứu đặc điểm chung của văn hóa, nhưng họ chỉ dừng lại ở cách trình bày hay nêu ra, phân tích các giá trị văn hóa chứ chưa tìm ra các giải pháp để gìn giữ các giá trị văn hóa đó. Một số đề tài, công trình cũng đề cập tới vấn đề bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Jarai nhưng mới chỉ đề cập một cách chung chung hoặc đi sâu tìm hiểu một số nét văn hóa cụ thể. Hơn nữa, cho đến nay chưa có công trình nào xuất bản và công bố mà trùng với hướng tiếp cận và nội dung đề tài: "*Gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Jarai ở Gia Lai*". Điểm mới của đề tài ở chỗ, vận dụng quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như đường lối, quan điểm của Đảng ta về văn hóa. Đề tài đã tiếp cận các giá trị văn hóa dân tộc Jarai ở Gia Lai, qua đó nêu giải lên thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa đó trong giai đoạn hiện nay.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ VĂN HÓA

1.1.KHÁI NIỆM VỀ VĂN HÓA

- *Quan niệm Mác xít về văn hóa*

+ *Quan niệm của C.Mác và Ăng-ghen*

C. Mác và Ph. Ăng- ghen, trong một số tác phẩm của mình đã không trực tiếp bàn đến văn hóa như một lĩnh vực độc lập. Nhưng trong khi phân tích mối quan hệ biện chứng giữa con người và xã hội, tồn tại xã hội và ý thức xã hội, Mác đã gián tiếp thể hiện quan điểm về văn hóa. Do vậy, văn hóa được xem là một dạng hoạt động người và những thành tố văn hóa thuộc về ý thức xã hội, bị quy định bởi tồn tại xã hội. Như vậy, lao động cùng với ngôn ngữ và tư duy là cơ sở hình thành và phát triển văn hóa.

Trong "*Luận cương về Feuerbach*", C. Mác đã chỉ ra tính siêu hình máy móc và phiến diện của chủ nghĩa duy vật cũ trong việc xem xét mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể. Đó là mặt hoạt động của con người không được nhìn nhận đúng đắn. Ngược lại, chủ nghĩa duy tâm lại đề cập và phát triển mặt hoạt động của con người trong quan hệ với khách thể nhưng theo hình thức duy tâm, thần bí.

Trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, hai ông còn khẳng định rằng, "Người ta phải có kỹ năng sống đã rồi mới có thể làm ra lịch sử. Nhưng muốn sống được thì trước hết phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa. Như vậy, hành vi lịch sử đầu tiên là sản xuất ra bản thân đời sống vật chất. Hơn nữa, đó là một hành vi lịch sử, một điều kiện cơ bản của mọi lịch sử mà người ta phải thực hiện hàng ngày, hàng giờ để nhằm duy trì đời sống của con người" [28, tr.39-40].

Từ sự phân tích mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể, hoạt động và đối tượng, C. Mác đã có cách nhìn biện chứng về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, nên đã chỉ ra rằng: con người là “một thực thể song trùng” giữa “cái tự nhiên” và “cái xã hội”. Giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người, nhưng cái quyết định làm nên bản chất người của con người chính là “thực thể xã hội”. Trong “Luận cương về Feuerbach”, Mác viết: “... bản chất con người không phải là cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội”. Như vậy, C. Mác cho rằng đời sống xã hội như một chỉnh thể hữu cơ bao gồm sản xuất vật chất, sản xuất tinh thần và cả sản xuất ra con người, trong đó sản xuất con người giữ vị trí trung tâm và quan trọng nhất. Trong hoạt động thực tiễn, con người đã khai thác và cải tạo tự nhiên để duy trì cuộc sống của mình đã vô tình tạo nên “thiên nhiên thứ hai” cái mà con người hay gọi là văn hóa. Nhờ sự đối tượng hóa và giải đối tượng hóa, các hình thức và phương thức hoạt động của con người không chỉ tồn tại ở thân thể hữu cơ mà còn ở thân thể văn hóa, thân thể vô cơ của của mình.

+ *Quan niệm của Lênin về văn hóa*

V. I. Lênin trên cơ sở kế thừa có chọn lọc, bảo vệ và phát triển các nguyên lý của triết học Mác, V.I. Lênin đã phân tích sâu sắc thêm về mặt xã hội của văn hoá với cách tiếp cận từ hình thái kinh tế xã hội. Chính Lênin đã đề ra nguyên tắc quan trọng trong quá trình xây dựng nền văn hoá mới. Đó là những nguyên tắc về tính đảng, tính nhân dân, tính dân tộc và tính nhân loại trong văn hoá.

Trong tác phẩm “*Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*”, Lênin đã xem “ý thức xã hội chính là toàn bộ văn hóa tinh thần của nhân loại như một chỉnh thể được phát triển trong lịch sử... Văn hóa tinh thần được tạo thành từ sự tác động qua lại biện chứng của vô vàn các ý thức cá nhân khác nhau” [12, tr.191]. Như vậy, quan điểm về văn hóa của Lênin bao

hàm cả hai lĩnh vực đó là hoạt động vật chất và tinh thần của con người gắn với quá trình phát triển của lịch sử. Với ý nghĩa quan trọng đó, văn hóa theo Lênin là phương tiện trong tất cả các loại hình hoạt động của con người, đồng thời là kết quả sáng tạo của con người cho tất cả các hoạt động đó.

V.I.Lênin đã đứng trên quan điểm biện chứng khi xem xét đời sống xã hội để áp dụng vào thực tiễn, nhằm cải tạo xã hội và phát triển văn hóa xã hội chủ nghĩa, đó là thời kỳ sản xuất ra con người tự do. Bên cạnh việc phê phán yếu tố tiêu cực của văn hóa tư sản thì Lênin cũng nhìn nhận việc kế thừa văn hóa tư sản phương Tây là một trong những yêu cầu cấp thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới.

+ *Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa.*

Nói đến bản chất của văn hoá, Hồ Chí Minh người học trò xuất sắc của C.Mác, Ph. Ăngghen, V. I. Lênin , người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới có quan niệm về văn hoá rất rộng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, “Vi lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với những biểu hiện của nó mà loài người sản sinh ra nhằm thích ứng nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” [22,tr.143].

Như vậy, Người coi văn hóa là kết quả tổng hợp của mọi hoạt động sản xuất của con người nhằm để sinh tồn với cuộc sống hiện tại và tương lai. Hồ Chí Minh đã suất phát từ phạm trù “sinh tồn” để lí giải cho phạm trù văn hóa. Do đó, văn hóa có vai trò quan trọng, vai trò trung tâm cho mọi hoạt động của con người trong quá trình phát triển. Nó biểu hiện sự thống nhất của yếu tố tự

nhiên, yếu tố xã hội trong con người, biểu hiện khả năng và sức sáng tạo của con người.

- Định nghĩa về văn hóa của Unesco

Unesco thông qua bản tuyên bố về những chính sách văn hóa tại Hội nghị quốc tế do Unesco chủ trì từ ngày 26 tháng 7 đến ngày 6 tháng 8 năm 1982 tại Mêhicô đã đưa ra khái niệm về văn hóa như sau: “Trong ý nghĩa rộng nhất, văn hóa là tổng thể những nét riêng biệt tinh thần và vật chất, trí tuệ và xúc cảm, quyết định tính cách của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội. Văn hóa bao gồm nghệ thuật và văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống các giá trị, những tập tục và những tín ngưỡng. Văn hóa đem lại cho con người những suy xét về bản thân. Chính văn hóa làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt nhân bản, có lý tính, có óc phê phán và dẫn thân một cách đạo lý. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, tự biết mình là một phương án chưa hoàn thành được đặt ra để xem xét những thành tựu của bản thân, tìm tòi không biết mệt những ý nghĩ mới mẻ, sáng tạo nên những công trình mới mẻ và tạo nên những công trình vượt trội lên bản thân” [42, tr.17].

Đến năm 2002, Unesco lại tiếp tục khẳng định về văn hóa như sau: “Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin” [36, tr.64].

Văn hóa theo cách hiểu đơn giản nhất, là những gì còn lại sau những quá trình lịch sử phát triển khác nhau, qua đó con người có thể phân biệt được các dân tộc với nhau, cái còn lại này được gọi là bản sắc. Hay văn hóa là bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc kia.

- Quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa

Trong xu thế hiện nay mở cửa và hội nhập để đổi mới phát triển kinh tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định đường lối xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Quan điểm này đã đánh dấu sự phát triển về tư duy lý luận chính trị của Đảng, đồng thời là kết quả tổng kết kinh nghiệm thực tiễn xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam trong suốt quá trình Đảng lãnh đạo.

Trong bản đề cương văn hoá (1943) Đảng ta khẳng định nền văn hoá mới, phải đảm bảo tính dân tộc, tức là bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống của văn hoá dân tộc. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội lần thứ VII (6-1991) đã xác định nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc là một trong sáu đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Tư tưởng về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc tiếp tục được bổ sung, phát triển đầy đủ và hoàn thiện hơn trong các văn kiện của Đảng sau này. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã chỉ rõ: "Nền văn hóa mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc". Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ra nghị quyết riêng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng tiếp tục khẳng định: "Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội" [9, tr.114].

Đại hội lần thứ X của Đảng (4-2006) khẳng định: "Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội"[10, tr.106].

Như vậy, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu phấn đấu, vừa là một nhiệm vụ hàng đầu trong giai đoạn hiện nay của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

1.2. NGUỒN GỐC, VAI TRÒ VÀ CHỨC NĂNG CỦA VĂN HÓA

- Nguồn gốc của văn hóa

Mốc ra đời của văn hóa kể từ khi con người phát hiện ra lửa, biết sử dụng lửa để ăn chín, uống sôi... biết chế tạo ra công cụ lao động để làm ra của cải, vật chất sơ khai nhất, đơn giản nhất phục vụ cho bản thân. Chính lao động, hoạt động sản xuất là nguồn gốc của văn hóa. Chính những hoạt động này con người đã làm nên tất cả các giá trị vật chất và tinh thần phong phú đa dạng như ngày hôm nay.

Trong hai tác phẩm *Gia đình thần thánh* và *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph. Ăngghen đã đối lập hai quan niệm sau: “Quan niệm lao động như một phạm trù kinh tế với quan niệm lao động như hoạt động sáng tạo. Nếu phương diện kinh tế của lao động là sự sản xuất ra của cải vật chất, thì phương diện văn hóa của lao động là sáng tạo, biểu hiện của các lực lượng bản chất người. Đó chính là quá trình sức sáng tạo được vật thể hóa trong các hoạt động thích ứng và cải tạo thế giới, trong đó có bản thân con người” [13, tr.29].

Như vậy, văn hóa ra đời song hành cùng với quá trình con người hoạt động sản xuất ra của cải vật chất và đời sống tinh thần của mình. Những gì phù hợp thì được con người chọn lọc và gìn giữ phát huy trong suốt quá trình phát triển xã hội. Văn hóa nói lên mặt tích cực này. Đó là tất cả những giá trị về đời sống vật chất, phương tiện sản xuất của xã hội, tri thức, khoa học, công nghệ, chuẩn mực đạo đức xã hội, tín ngưỡng, tập tục... của con người. Qua hoạt động thực tiễn trong suốt chiều dài lịch sử thì con người đã tạo nên các giá trị vật giá trị vật chất và tinh thần của mình. Văn hóa cũng nói lên quá

trình lịch sử mà con người sinh sống và hành trình đi tìm và vươn tới những giá trị chân- thiện- mỹ.

- Vai trò của văn hóa

Văn hóa là động lực to lớn thúc đẩy quá trình phát triển lịch sử xã hội loài người thông qua chủ thể của nó là con người, thể hiện qua những phương cách giải quyết công việc trước đòi hỏi thực tiễn của cuộc sống. Trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại, cái được coi là thước đo của sự tiến hóa và phát triển chính là những giá trị mà con người sáng tạo ra nhằm đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao trong cuộc sống của chính mình. Tất cả những thành tựu có giá trị vật chất và có giá trị tinh thần mà con người tạo ra nhằm phục vụ cho cuộc sống của chính mình trên tất cả các phương diện ngày một tốt hơn đó chính là văn hóa.

Vai trò động lực của văn hóa đối với sự phát triển được loài người nhận thức từ rất sớm với cách hiểu văn hóa là trí tuệ của loài người. Ngay từ thời mông muội, trong tổ chức cuộc sống bầy đàn, đã có mối quan hệ đan xen giữa các thể hệ. Những tri thức là giá trị văn hóa được các thể hệ con người nối nhau tạo ra, được ghi chép, tổng kết lại thành lịch sử giúp các thế hệ sau học tập, nghiên cứu phục vụ cuộc sống hiện tại và tương lai. Cùng với sự phát triển, con người càng ý thức được vai trò to lớn của văn hóa.

- Chức năng của văn hóa

Chức năng của văn hóa là phản ánh năng lực sáng tạo của con người và biểu hiện thái độ của chủ thể trước hiện thực cuộc sống. Đó chính là khát vọng khám phá, chinh phục tự nhiên, cải tạo xã hội và khát vọng thẩm mỹ vươn tới cái đẹp của chính chủ thể con người. Từ tính chất đó, văn hóa có nhiều chức năng như nhận thức, cải tạo tự nhiên và xã hội, giáo dục, thẩm mỹ, điều tiết quan hệ xã hội, dự báo...

+ Chức năng nhận thức, cải tạo tự nhiên và xã hội

Hoạt động lao động sáng tạo của con người nhằm mục đích làm chủ giới tự nhiên, xã hội và bản thân con người đồng thời sản sinh ra tri thức. Qua những hoạt động thực tiễn giúp tăng khả năng sáng tạo của con người góp phần nâng cao nhận thức và mọi hoạt động thực tiễn. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác, văn hóa ra đời trong quá trình hoạt động thực tiễn của con người. Khi những tri thức, giá trị, chuẩn mực được khẳng định trong đời sống xã hội thì nó sẽ trở thành cơ sở lý luận, phương hướng, tư tưởng, tình cảm, ý chí của con người trong hoạt động nhận thức, cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội. Như vậy, chức năng nhận thức, cải tạo tự nhiên và xã hội đã giúp con người nhận thức và hành động theo đúng quy luật của tự nhiên.

+ Chức năng giáo dục

Đây là chức năng bao trùm xuyên suốt và quan trọng nhất của văn hóa. Thông qua chức năng này, văn hóa sẽ định hướng cho con người hành động phù hợp với lý tưởng, chuẩn mực, đạo đức xã hội. Văn hóa góp phần định hướng việc hình thành nhân cách, phẩm chất, chuẩn mực, lối sống của con người, thông qua đó sẽ giáo dục con người biết tôn trọng những giá trị, tự hào về truyền thống của dân tộc và tôn trọng những dân tộc khác cùng sinh sống. Văn hóa sẽ là ngọn lửa thắp sáng thêm tình yêu cuộc sống trong trái tim và tâm hồn mỗi con người, gắn kết con người với cộng đồng, dân tộc và cuối nguồn của mỗi người.

Văn hóa chứa đựng trong nó những phẩm chất giá trị, những chuẩn mực xã hội tương đối bền vững, ổn định, nên nó có chức năng giáo dục con người, gây ảnh hưởng và xâm nhập vào mọi mặt của đời sống xã hội.

+ Chức năng thẩm mỹ

C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định thẩm mỹ có tầm quan trọng đặc biệt đối với xã hội. Theo đó, trong hoạt động của mình, con người luôn có nhu cầu “nhào nặn hiện thực theo quy luật của cái đẹp”. Chỉ ở con người mới có nhu

cầu nên con người chủ động tác động vào giới tự nhiên và cải biến nó theo nhu cầu thẩm mỹ, nhu cầu sống của mình.

Chính trong nội dung văn hóa chứa đựng những giá trị thẩm mỹ như cái hay cái đẹp, cái đẹp, đã làm cho con người thoát khỏi những bản năng hấp hèn và hướng đến những giá trị nhân văn, cao cả. Chính sự rung động trước cái chân- thiện- mỹ đã giúp con người cảm thụ được cái đẹp trong tự nhiên, nhận diện được cái văn hóa và cái phản văn hóa trong đời sống xã hội, thúc đẩy vươn tới những giá trị, chuẩn mực của xã hội. Do đó, chức năng thẩm mỹ của văn hóa luôn gắn liền với chức năng nhận thức và hướng tới chức năng giáo dục, tạo nên động lực cho hành động của con người trong quá trình sáng tạo ra cái đẹp và hưởng thụ cái đẹp. Từ những chức năng và vai trò của văn hóa, Đảng ta xác định tầm quan trọng của văn hóa trong đời sống xã hội. Đặc biệt đối với cách mạng Việt Nam, văn hóa không chỉ là mặt trận có tác động trực tiếp đến các mặt trận khác (kinh tế, chính trị) mà còn là nhân tố cho sự phát triển đất nước, góp phần đem đến thắng lợi trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Cho nên, Đảng ta xác định “đưa nhân tố văn hóa, tinh thần nhân văn thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội” [8, tr.112].

Văn hóa là nhân sinh quan của con người, là thái độ và cách ứng xử của con người thông qua các hoạt động vật chất và xã hội. Với các chức năng giáo dục, thẩm mỹ, nhận thức và cải tạo thực tiễn, văn hóa có tầm quan trọng trong việc xây dựng con người và là động lực của tiến bộ xã hội.

+ *Chức năng định hướng giá trị*

Văn hóa do con người sáng tạo ra, là tiêu chí để phân biệt bản chất của con người với con vật, nó cấu thành nên định hướng giá trị của con người. Giới tự nhiên và văn hóa đều có giá trị vì đều làm thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người. Nhưng lại khác ở chỗ giới tự nhiên là cái vốn có, giá trị của nó

không do con người tạo ra, còn văn hóa là sản phẩm sáng tạo của con người, do hoạt động thực tiễn và cải tạo của con người. Thông qua hoạt động thực tiễn, hoạt động văn hóa mà con người mới làm nên giá trị và ý thức giá trị trong cuộc sống.

Chức năng định hướng giá trị của văn hóa phải được đặt trong bối cảnh cụ thể và liên quan đến nhiều yếu tố như không gian, thời gian, chủ thể. Không thể khen hay chê một giá trị văn hóa nào mà phải xét giá trị ấy trong tổng thể. Chẳng hạn như nền văn minh công nghiệp mang lại rất nhiều lợi ích cho loài người như giải phóng sức lao động, tạo ra nhiều hàng hóa... nhưng lại đẩy xã hội vào tình trạng thất nghiệp, phân hóa giàu nghèo, ô nhiễm môi trường... Vì vậy chức năng định hướng giá trị giúp chúng ta phân biệt các giá trị theo thời gian đồng thời đánh giá được giá trị nào là vĩnh cửu, giá trị nào là nhất thời, giá trị nào lỗi thời, giá trị hiện hành và giá trị đang hình thành cho tương lai. Chức năng định hướng giá trị của văn hóa sẽ giúp chúng ta có cái nhìn biện chứng, khách quan trong việc đánh giá từng giá trị văn hóa trong cộng đồng xã hội.

+ Chức năng giao tiếp

Một trong những điểm khác biệt con người với con vật đó là đời sống xã hội, mà xã hội không thể hình thành và phát triển được nếu thiếu đi sự giao tiếp với nhau. Trong khi đó văn hóa sẽ tạo điều kiện, phương tiện như ngôn ngữ và các hệ thống kí hiệu cho sự giao tiếp của con người. Cho nên, văn hóa chính là môi trường giao tiếp của con người trong xã hội. Thực ra bản thân văn hóa cũng chỉ là sản phẩm của giao tiếp, mà sản phẩm của văn hóa lại được tạo ra từ hoạt động cụ thể của từng cá nhân hay cả cộng đồng trong xã hội. Cho nên, chức năng giao tiếp của văn hóa giống như chất men để gắn kết mọi người trong cộng đồng, tạo nên sự giao thoa để hiểu biết lẫn nhau của con người trong xã hội.

Tóm lại, văn hóa có nhiều chức năng nhưng tất cả đều hướng cho hoạt động của con người đạt đến cái đẹp và làm cho cuộc sống xã hội thêm phong phú đa dạng sắc màu, thúc đẩy xã hội phát triển hơn, văn minh hơn.

1.3. GIÁ TRỊ VÀ GIÁ TRỊ VĂN HÓA

- Khái niệm giá trị

Giá trị là một phạm trù triết học, chỉ những thành quả trong lao động sáng tạo vật chất và tinh thần của con người. Nó có tác dụng định hướng, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động của xã hội nhằm vươn tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp, hướng đến chân, thiện, mỹ và thúc đẩy sự tiến bộ xã hội loài người.

Giá trị là phạm trù rộng lớn mà có liên quan đến lợi ích vật chất cũng như tinh thần của con người và có khả năng thỏa mãn nhu cầu thiết thực của con người cũng như nhu cầu phát triển xã hội. Do đó, giá trị chứa đựng yếu tố nhận thức, tình cảm và hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với sự vật, hiện tượng. Giá trị là những chuẩn mực nhất định của xã hội được tạo ra bởi chính con người và phải vì sự phát triển của con người. Cho nên, giá trị được xác định trong mối quan hệ hoạt động thực tiễn của con người và được thực tiễn cuộc sống kiểm nghiệm, đánh giá.

Trong chiều dài phát triển của lịch sử xã hội loài người, giá trị ở mỗi giai đoạn có thể khác nhau tùy thuộc vào trình độ phát triển, nhận thức và chuẩn mực của mỗi thời đại xã hội. Nhưng cái đích mà giá trị luôn hướng đến đó là chân- thiện- mỹ, quan trọng nhất là việc đáp ứng các nhu cầu vật chất và tinh thần của con người. Giá trị gắn liền với các nhu cầu con người. Chính nhu cầu là động lực thúc đẩy mạnh mẽ mọi hành động của con người, giúp con người tạo nên những giá trị vật chất và tinh thần. Như vậy, ý nghĩa tổng thể nhất của giá trị là tính nhân văn cao cả.

- Giá trị văn hóa

Những biểu hiện của giá trị văn hóa được cá nhân và cộng đồng thừa nhận, duy trì, bảo vệ và phát triển. Đồng thời, giá trị văn hóa chiếm một vị thế đặc biệt đối với tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.

Suy cho cùng, những hành động của con người phải vì nhu cầu và thỏa mãn, đáp ứng nhu cầu trong quá trình tồn tại, phát triển của mình và trong nó luôn ẩn chứa giá trị văn hóa. Trong hoạt động sống của cá nhân, cộng đồng, dân tộc, thì trí tuệ, năng lực sáng tạo, khát vọng nhân văn của con người luôn đóng vai trò quan trọng. Trong đó, ăn, mặc, ở, đi lại, giao tiếp xã hội, giáo dục, tập quán, tín ngưỡng,... tạo nên nét đặc trưng của giá trị văn hóa. Nhu cầu của con người càng cao thì càng tạo điều kiện cho việc hình thành phát triển các giá trị văn hóa ngày càng cao.

Giá trị văn hóa luôn tồn tại trong hoạt động thường ngày hiện tại của dân tộc, thể hiện bản sắc của một dân tộc và có những yếu tố được đặt trong sự tương đồng với các dân tộc khác. Giá trị văn hóa của mỗi dân tộc chính là cái phổ biến trong phạm vi mỗi cộng đồng dân tộc nhưng là cái đặc trưng trong phạm vi xã hội đa cộng đồng. Có thể nói, giá trị văn hóa là cái tạo nên nét độc đáo, truyền thống, bản sắc của mỗi dân tộc. Từ đó, có thể phân biệt được những đặc trưng về văn hóa của dân tộc này với các dân tộc khác trong cộng đồng xã hội. Chẳng hạn, đặc trưng văn hoá Mỹ là coi trọng nguyên tắc, văn hoá Ấn Độ là tính khoan dung, văn hoá Trung Hoa là trọng tôn ty, văn hoá Việt Nam là trọng tình nghĩa...

Giá trị văn hóa cũng như giá trị, nó không phải là cái cố định vĩnh hằng, mà biến đổi cùng sự biến đổi của xã hội, phụ thuộc vào trình độ phát triển của xã hội trình độ nhận thức và chuẩn mực xã hội. Các giá trị văn hóa biểu hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ tư tưởng, tình cảm, quan niệm, biểu tượng, đạo đức thẩm mỹ, lối sống đến những giá trị tinh thần do

con người sáng tạo nên như nghệ thuật, kiến trúc, hội họa, âm nhạc...Tất cả được hình thành và được khẳng định trong quá trình tồn tại phát triển của con người và xã hội.

Có thể hiểu, đặc trưng văn hoá là những nét nổi trội về một hay một số mặt nào đó của văn hoá một dân tộc hay một cộng đồng. Những nét trội này làm thành các giá trị văn hoá cơ bản, tiêu biểu, có tính bền vững, cùng với các giá trị khác, chúng làm thành nền văn hoá. Hành tinh của chúng ta hiện có hơn 220 quốc gia vùng miền lãnh thổ với hàng trăm dân tộc, có khoảng hơn 6 tỷ người đang sinh sống. Với tất cả sự phong phú và đa dạng ấy, con người xét về mặt văn hoá vừa có tính đa dạng trong sự thống nhất, vừa có tính thống nhất trong sự đa dạng. “Thế giới hiện có 38 nền văn minh” [38, tr.31], “có 34 nền văn hoá, trong đó có 17 nền văn hoá có bản sắc” [32, tr.12] trong số đó có văn hoá Việt Nam.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Văn hóa thuộc về hình thái ý thức xã hội cho nên nó sẽ phản ánh trình độ phát triển của xã hội qua các thời kì khác nhau. Trong đó con người là chủ thể sáng tạo, chủ thể thương thức và chủ thể đánh giá các giá trị văn hóa. Cho dù các quan điểm khác nhau về văn hóa nhưng chung quy lại nó là các giá trị vật chất và tinh thần của con người. Vì vậy, nó đã chi phối phần nào đời sống thực tiễn hoạt động của con người, cùng với nó là các giá trị chuẩn mực, thiết chế tương ứng trong xã hội.

Văn hóa có vai trò thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển vậy nên nó có các chức năng nhận thức, cải tạo tự nhiên và xã hội, chức năng giáo dục... Chính những điều này làm nên các giá trị của văn hóa. Ngày nay, xu thế mở cửa và hội nhập mà các giá trị của văn hóa được coi là các yếu tố bền vững nhưng lại dễ bị tác động. Vì vậy, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa là một trong những việc làm đầy cấp bách mà mỗi dân tộc, mỗi địa phương cần phải làm ngay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC JARAI Ở TỈNH GIA LAI

2.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH VĂN HÓA JARAI Ở TỈNH GIA LAI

2.1.1. Tự nhiên và kinh tế xã hội

- Điều kiện tự nhiên

Gia Lai là một tỉnh miền núi nằm ở phía Bắc Tây Nguyên trên độ cao trung bình 700 - 800 m so với mực nước biển. Với diện tích 15.536,92 km² (theo Quyết định số 272/QĐ-TTg ngày 27/2/2007 của Thủ tướng Chính phủ), tỉnh Gia Lai trải dài từ 12°58'20" đến 14°36'30" vĩ bắc, từ 107°27'23" đến 108°54'40" kinh đông. Gia Lai là tỉnh rộng lớn nhất trong 5 tỉnh Tây Nguyên, phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum, phía Nam giáp tỉnh Đắk Lắk, phía Đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Ratanakiri thuộc Campuchia trên chiều dài 90 km đường biên giới. Do những điều kiện đặc thù về địa lí nên địa hình chủ yếu là các cao nguyên xếp tầng rộng lớn với diện tích đất đỏ Bazan là chủ yếu, tầng phong hóa sâu trên mặt bằng rộng lớn.

Chính địa hình như vậy nên ở đây có khí hậu nhiệt đới gió mùa Cao nguyên, một năm có hai mùa: mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 10 mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Vùng Tây Trường Sơn có lượng mưa trung bình từ 2.200 đến 2.500 mm, vùng Đông Trường Sơn từ 1.200 đến 1.750 mm. Nhiệt độ trung bình năm là 22-25°C.

Vị trí về giao thông khá thuận lợi, với 3 trục quốc lộ: Quốc lộ 14 nối với các tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên, Tp.Hồ Chí Minh, Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Quốc lộ 19 nối với cảng Quy Nhơn và Campuchia; Quốc lộ 25 nối Gia Lai với tỉnh Phú Yên và duyên hải miền Trung. Đường Đông Trường Sơn Gia Lai nối các tỉnh

duyên hải Miền Trung và Tây Nguyên từ Thạch Mỹ (Quảng Nam) đến Suối Vàng (Lâm Đồng). Sân bay Pleiku có các chuyến bay thẳng: Pleiku - Hà Nội; Pleiku - Đà Nẵng; Pleiku - Thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại.

Với vị trí địa lý như trên đã tạo cho tỉnh Gia Lai những điều kiện thuận lợi để giao lưu hàng hoá, phát triển, thiết lập mối quan hệ bền chặt cả về kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng trong vùng và cả nước. Đồng thời là một tỉnh biên giới, Gia Lai có điều kiện để hình thành và phát triển các cửa khẩu quốc tế, nhằm mở rộng giao lưu, phát triển kinh tế văn hoá giữa Việt Nam với Campuchia và các nước trong khu vực.

- *Điều kiện kinh tế xã hội*

+ *Về kinh tế*

Thứ nhất, về nông, lâm nghiệp. Gia Lai có gần 500.000 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp, trong đó có hơn 291.000 ha đất cho trồng cây hàng năm và hơn 208.000 ha cây lâu năm nên có tiềm năng rất lớn để phát triển sản xuất nông nghiệp.

Do tính chất đặc trưng của đất đai và khí hậu, tỉnh Gia Lai có thể bố trí nhiều loại cây trồng, vật nuôi phong phú, đa dạng, có giá trị kinh tế cao. Từ đó, xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung có quy mô lớn với những sản phẩm hàng hóa có lợi thế cạnh tranh. Đặc biệt, trong 7 nhóm đất chính của tỉnh, nhóm đất đỏ Bazan có 386.000ha, tập trung chủ yếu vùng tây Trường Sơn có thể canh tác các loại cây công nghiệp như cao su, cà phê, hồ tiêu, điều, bông vải... Các huyện, thị xã phía đông của tỉnh thích hợp cho các loại cây trồng ngắn ngày như lúa, bắp thuốc lá, mía là vùng nguyên liệu mía chính cung cấp cho hai nhà máy đường An Khê và Ayun Pa với công suất 4.000 tấn mía cây/năm. Riêng huyện Đăk Pơ và thị xã An Khê còn là vựa rau, hàng ngày cung cấp trên 100 tấn rau các loại cho các tỉnh thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Các huyện phía đông nam của tỉnh như Phú

Thiện, Ia Pa và thị xã Ayun Pa, với lợi thế có hồ thủy lợi Ayun Hạ, là một trong vựa lúa của cả khu vực Tây Nguyên.

Với diện tích 1.112.452,8 ha đất lâm nghiệp, trong đó, có 773.447,7 ha đất cho rừng sản xuất (chiếm 69,5% diện tích đất lâm nghiệp) nên tỉnh Gia Lai có tiềm năng lớn phát triển lâm nghiệp. Hàng năm, các sản phẩm gỗ khai thác từ rừng (kể cả rừng tự nhiên và rừng trồng) làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ, bột giấy với quy mô lớn và chất lượng cao. Gia Lai còn có quỹ đất lớn để phát triển rừng trồng, rừng nguyên liệu giấy...

Thứ hai, về công nghiệp trên cơ sở nguồn tài nguyên nông, lâm nghiệp và khoáng sản, mở ra triển vọng phát triển các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến nông lâm sản với quy mô vừa và lớn.

Trong chế biến nông lâm sản, với trữ lượng gỗ lớn trong tỉnh và khả năng nhập khẩu gỗ từ các nước Đông Nam Á đảm bảo ổn định nguyên liệu cho sản xuất chế biến các mặt hàng gỗ lâu dài, chế biến song mây, sản xuất bột giấy. Từ mùn cao su có thể chế biến các sản phẩm cao su dân dụng và công nghiệp chất lượng cao. Chế biến cà phê xuất khẩu, chế biến đường, chế biến dầu thực vật, chế biến sắn, chế biến hoa quả.

Thứ ba, về thủy điện với địa hình cao và nhiều sông suối, Gia Lai là một trong những nơi tập trung khá nhiều các nhà máy thủy điện lớn nhỏ. Trên địa bàn tỉnh hiện có 82 dự án thủy điện, trong đó có 7 công trình do EVN đầu tư với tổng công suất 1.841 MW trong đó tiêu biểu nhất là thủy điện Ia Ly công trình được xây dựng trên dòng sông Sê San, sản lượng điện bình quân hàng năm: 3,7 tỷ KWh.

Thứ tư, về du lịch và dịch vụ xuất phát từ điều kiện địa lý, là vùng núi cao có nhiều cảnh quan tự nhiên cũng như nhân tạo, nên Gia Lai có tiềm năng du lịch rất phong phú. Gia Lai là đầu nguồn của hệ thống sông Ba đổ về miền duyên hải Trung Bộ và hệ thống sông Sê San đổ về Campuchia cùng nhiều

sông, suối lớn nhỏ khác. Gia Lai còn có nhiều hồ, ghềnh thác, đèo và những cánh rừng nguyên sinh tạo nên những cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, thơ mộng, mang đậm nét hoang sơ nguyên thủy của núi rừng Tây Nguyên. Bên cạnh sự hấp dẫn của thiên nhiên hùng vĩ, ở Gia Lai còn có nền văn hóa lâu đời đậm đà bản sắc núi rừng của đồng bào các dân tộc, chủ yếu là Jarai và Bahnar thể hiện qua kiến trúc nhà rông, nhà sàn, nhà mồ, qua lễ hội truyền thống, qua y phục và nhạc cụ...

Thêm vào đó, Gia Lai có bề dày lịch sử và truyền thống cách mạng hào hùng được thể hiện qua các di tích lịch sử văn hóa như khu Tây Sơn thượng đạo, di tích căn cứ địa của anh hùng áo vải Tây Sơn Nguyễn Huệ; làng kháng chiến Stor quê hương của anh hùng Núp, nhà lao Pleiku. Nhiều địa danh chiến trường xưa của như Pleime, Cheo Reo, Ia Răng, Đăk Pơ, Ka Nak đã đi vào lịch sử.

Thứ năm, kết cấu hạ tầng về giao thông đường bộ, Quốc lộ 14 chạy theo hướng Bắc - Nam, là con đường huyết mạch của Tây Nguyên, nối Gia Lai với Kon Tum, Đăk Lăk, Đăk Nông, các tỉnh vùng Đông Nam Bộ...

Quốc lộ 19 chạy theo hướng Đông - Tây, nối cảng Quy Nhơn, Bình Định dài 180Km về phía đông với cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh (Đức Cơ) để vào tỉnh Ratanakiri vương quốc Campuchia về phía Tây...

Thứ sáu, về Bưu chính - Viễn thông - Truyền hình. Toàn tỉnh có 07 trạm điều khiển thông tin di động. Hệ thống các mạng điện thoại di động đảm bảo thông tin thông suốt; dịch vụ điện thoại, Internet 3G đã được đưa vào sử dụng. Trên địa bàn tỉnh, ngoài các kênh truyền hình miễn phí, hiện đã có 3 loại dịch vụ truyền hình trả tiền; tỉnh cũng đang xúc tiến đưa sóng truyền hình Gia Lai lên vệ tinh.

+ *Về xã hội*

Gia Lai có 17 đơn vị hành chính, bao gồm: Thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa, huyện Chư Păh, huyện Chư Prông, huyện Chư Sê, huyện Đak Đoa, huyện Đak Pơ, huyện Đrúc Cơ, huyện Ia Grai, huyện Ia Pa, huyện Kbang, huyện Kông Choro, huyện Krông Pa, huyện Mang Yang, huyện Phú Thiện, huyện Chư Pưp.

Dân số của tỉnh là 1.302.000 người (số liệu thống kê năm 2010), thuộc 34 dân tộc khác nhau. Cư dân Gia Lai có thể chia làm hai bộ phận: Bộ phận cư dân đã sinh sống từ lâu đời ở Gia Lai (còn gọi là cư dân tại chỗ hay cư dân bản địa) gồm có dân tộc Jarai và dân tộc Bahnar, bộ phận cư dân mới đến gồm người Việt (Kinh) và các dân tộc ít người khác. Dân tộc có số lượng dân cư đông nhất trong tỉnh là: Việt, Jarai và Bahnar. Dân tộc Kinh chiếm gần 54,2%; dân tộc thiểu số chiếm 45,8%, trong đó dân tộc Jarai 30,3%, dân tộc Bahnar 12,5%, còn lại là đồng bào các dân tộc ít người không thuộc bộ phận cư dân tại chỗ, chiếm 3% dân số toàn tỉnh.

Nguồn lao động có 711.680 người, trong đó số người trong độ tuổi lao động là 653.140 người chiếm 92% tổng nguồn lao động là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo được các cấp, các ngành và toàn xã hội quan tâm; tỷ lệ xã đạt phổ cập trung học cơ sở là 92,8%; toàn tỉnh đầu năm học 2012-2013 có 361.636 học sinh; có 784 trường học, mầm non có 102 trường, tiểu học có 267 trường, trung học cơ sở có 197 trường, trung học phổ thông có 40 trường. Ngoài ra toàn tỉnh có 5 trường trung cấp, cao đẳng chuyên nghiệp và phân hiệu Đại học Nông Lâm của thành phố Hồ Chí Minh, phân hiệu Đại học Đông Á của Đà Nẵng đến nay đã có 6 ngành đào tạo với khả năng đào tạo hàng năm 500-600 sinh viên.

Công tác xây dựng đời sống văn hóa hướng về cơ sở được đẩy mạnh. Nhiều phong trào văn hóa, văn nghệ, các cuộc thi liên hoan, hội diễn văn nghệ được tổ chức. Nhiều sự kiện văn hóa tiêu biểu được tổ chức như: Đại hội đoàn kết các dân tộc Tây Nguyên, lễ đón bằng của UNESCO công nhận “*Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên*” là “*Kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại*” và đã tổ chức thành công Festival công chiêng quốc tế lần thứ Nhất tại tỉnh Gia Lai.

Như vậy, điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh Gia Lai hiện nay đang từng bước thay đổi kích thích kinh tế, văn hóa xã hội của tỉnh nhà ngày càng phát triển, làm cho bộ mặt xã hội ngày càng thay đổi rõ rệt, mức sống của người dân được cải thiện nâng cao. Vì vậy vấn đề gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc bản địa của tỉnh ngày càng có ý nghĩa thiết thực hơn, nhất là trong giai đoạn hiện nay.

2.1.2. Đặc điểm văn hóa dân tộc Jarai ở tỉnh Gia Lai

Về văn hóa vật thể.

- *Văn hóa trồng lúa.*

Người Jarai có tập quán khai thác rừng làm nương rẫy theo hình thức du canh hay luân canh. Cách canh tác nương rẫy theo lối cổ truyền là phát, đốt rồi chọc lỗ bỏ hạt. Vậy nên công việc tìm chọn và quyết định đất canh tác là quan trọng nhất đối với nông nghiệp nương rẫy của người Jarai. Công việc này thường do nam giới đảm nhiệm thông thường là già làng quyết định chọn địa bàn canh tác, ở đơn vị nhỏ hơn là người chủ gia đình. Theo kinh nghiệm, đất ở khu vực đó là loại đất màu mỡ, ít cỏ và thuận lợi cho việc vận chuyển thu hoạch, chăm sóc. Hiện nay, người Jarai không còn đốt rừng để trồng lúa nữa do nhiều nguyên nhân, mà đi vào canh tác ổn định.

Bên cạnh đó, người Jarai còn chăn nuôi các loài gia súc, gia cầm như: trâu, bò, gà, lợn, dê. Trong đó trâu là loài được nuôi nhiều nhất. Những ngày

nông nhân, họ còn săn bắt và thu nhặt lâm thổ sản trong rừng. Để phục vụ cho đời sống và sinh hoạt hàng ngày, người Jarai còn làm các nghề thủ công truyền thống như đan lát, dệt các loại thổ cẩm.

- Nhà ở và thiết chế văn hoá gia đình, dòng họ, làng bản trong đời sống xã hội và sinh hoạt cộng đồng

Người Jarai sống thành từng làng (ploi hay buôn), tên làng thường gắn với một dòng sông, con suối, ngọn núi như: Ia Mnông, Ia Ka, Chur Điết, Chur Tét... (ia là nước, chur là núi). Một số tên làng được đặt theo tên người như plei Vâu (làng của ông Vâu). Cũng có làng được đặt tên theo lối nói làng của cha hay ông một nhân vật nào đó như: Plei Ama Hbur (Làng của cha Hbur). Trong làng ông trưởng làng (già làng) cùng các bô lão (người lớn tuổi) có uy tín lớn, giữ vai trò điều hành mọi sinh hoạt tập thể, ai nấy đều nghe và làm theo. Mỗi làng có nhà rông, bề thế to nhỏ của nhà rông lại phụ thuộc vào tình hình kinh tế của từng làng. Tộc người Jarai là dân tộc duy nhất ở Tây Nguyên đã có một tổ chức xã hội tiền nhà nước với hai vua, vua Nước (thủy xá) và vua Lửa (hỏa xá), mà người Jarai gọi là các PơTao ơtiêu Tiểu quốc Jarai (thuộc huyện Phú Thiện, thị xã Ayun Pa, Chư Sê và một phần huyện Chưprông ngày nay).

Thứ hai, Người Jarai quy hoạch nhà rông và dựng nhà sàn. Đối với dân tộc Jarai thì nhà rông là hình ảnh thu nhỏ các thành tố văn hoá truyền thống của buôn làng, của tộc người. Nhà rông, được dân làng tạo dựng hoàn toàn bằng vật liệu thảo mộc với kỹ thuật đơn giản, kiến trúc đa dạng, tạo nên vẻ đẹp không chỉ ở kiểu dáng, các hình thức trang trí đặc sắc mà còn đặc biệt ở tập quán sử dụng. Ngôi nhà hàm chứa những giá trị tinh thần và ý nghĩa tâm linh đặc biệt, vừa thiêng liêng cao quý, vừa đậm đà sâu lắng trong mỗi cá nhân cũng như toàn thể cộng đồng. Nhà rông hùng dũng vươn lên trời như

chiếc riu khổng lồ, biểu hiện sức mạnh của cộng đồng làng, thể hiện tinh thần thượng võ đầy uy quyền, khẳng định chủ quyền, lãnh địa làng.

Ngoài ra, nhà rông chính là trụ sở của tổ chức quản trị làng, trung tâm chỉ huy chiến đấu khi chiến sự diễn ra, trung tâm chỉ đạo sản xuất, nhà khách tiếp đãi người làng khác hoặc dân tộc khác, trường học cho trai làng về các phong tục, tập quán, nơi diễn ra các lễ hội, tín ngưỡng cộng đồng và là nơi mà mọi người trong làng thường xuyên đến gặp gỡ, trao đổi, chuyện trò. Chính vì thế, ngôi nhà rông của người Jarai nói riêng, của các dân tộc ở Tây Nguyên nói chung đã chiếm một vị trí cực kì quan trọng và một tình cảm thấm thiết, thiêng liêng ở trong tâm trí của mỗi người sống nơi đây. Có thể nói ngôi nhà rông chính là niềm tự hào của người đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Về sinh hoạt cá nhân thì người Jarai ở nhà sàn. Mỗi ngôi nhà dù to dù nhỏ, đều là của một gia đình nhỏ, mẫu hệ. Theo nhà nghiên cứu Chăm Trọng nhà của người Jarai có thể chia thành 2 loại nhà sàn dài kiểu Ayun Pa thuộc nhóm Jarai Chor và nhà sàn loại nhỏ kiểu Hdrung.

Nhà sàn dài kiểu Ayun Pa thường có chiều dài từ 13 - 15m, chiều rộng 3,5 – 3,8m. Nhà thường được chia thành 2 phần, mang mang dùng cho sinh hoạt đón khách. Phần còn lại gọi là mang óc là nơi vợ chồng gia chủ ngủ và óc là nơi dành cho sinh hoạt gia đình. Bước vào ngôi nhà dài Jarai đầu tiên phải bước lên thang (rơ nhan) phía sau thang là một khoảng sân rộng (adring) dành cho trai gái trong làng đến chơi khi chiều tối. Qua khoảng sân sàn, ta mới bước tới cửa bên mang vào nhà (pô mang mang). Gian đầu tiên là nơi dành cho sinh hoạt cộng đồng như tiếp khách, uống rượu cần, nhảy múa và biểu diễn cồng chiêng, còn gọi là khoang rượu (luông tpa). Dọc theo vách của gian nhà khách ở phía Nam là các cửa sổ được trở ra để đón nhận ánh sáng và lưu thông không khí. Ở phía cuối gian khách, người ta đặt một bếp để cúng Yàng gọi là tpo Yang tpo pai, nơi đây cũng là chỗ để cho phụ nữ sời sau

khi sinh đẻ. Phía sau gian khách là không gian dành cho sinh hoạt gia đình, kế tiếp gian khách là buồng riêng dành cho con gái kế thừa cha mẹ, tiếp là buồng của cha mẹ với chiếc giường của chủ nhà (sông băng), rồi đến cuối gian là bếp dùng để nấu ăn (topoi) và khoảng sân dẫn đến cầu thang bước xuống đất cuối nhà. Người Jarai rất kiêng kỵ khi khách vô tình hay hữu ý bước vào gian sinh hoạt của gia đình và xem đó như là một hành vi xúc phạm đến gia chủ.

Kiểu nhà ở thứ hai là kiểu nhà Hdrung. Đây là loại nhà được phân bố rộng rãi trên cao nguyên Pleiku. Đó là nếp nhà nhỏ nhắn, có bề rộng không quá 3m và chiều dài không quá 9m. Chiều cao khoảng 4,5m. Phía trước nhà có cầu thang bước lên sàn phơi rồi đi vào cửa chính của ngôi nhà. Phía bên tay phải có trở một cửa sổ để lấy ánh sáng. Bếp chính được đặt ở phía phải ngôi nhà. Giữa nhà là nơi tiếp khách, chỗ ngủ của vợ chồng con cái được bố trí ở phía trái nhà.

Đối với người Jarai nội thất nhà còn khá đơn giản, người Jarai chưa coi tiền bạc là quý. Mà sự giàu có trong nhà được thể hiện bằng những bộ chiêng đồng, hay những chiếc ché lớn được đặt ở vùng người Kinh hay Lào. Phần lớn những đồ vật này có giá trị tinh thần rất cao vì nó gắn liền với đời sống tinh thần như những nghi lễ tôn giáo truyền thống.

Ngày nay, nhà ở của người Jarai nhiều nơi cũng đã có sự thay đổi. Nhà được dựng bằng khung sàn gỗ vững chắc, các phen liếp bằng nứa cũng đã được thay bằng ván gỗ và nhiều nhà đã lợp ngói, tôn ... Sự thay đổi đó do tác động, chuyển đổi của đời sống kinh tế mới hiện nay.

Thứ ba, gia đình (*Plei hay plây*) là đơn vị cư trú của các gia đình mẫu hệ Jarai. Mỗi gia đình là một đơn vị kinh tế cá thể, có tư liệu sản xuất riêng với một số nương rẫy, ruộng nước nhất định. Các gia đình trong một làng có mối quan hệ thân thiết với nhau. Mỗi nóc nhà của người Jarai chỉ có vợ chồng và con cái. Khi con trai của họ lớn lên thì theo về nhà vợ. Con gái lớn lên lấy

chồng cũng phải tách ra ở riêng. Đến khi về già, cha mẹ thường chọn một đôi vợ chồng con gái ở chung, thường là con út. Các cô gái khi làm nhà thường được cha mẹ chia của, trong khi đó các chàng trai khi đi lấy vợ lại không được gì. Trong gia đình, quyền quản lí các công việc hầu như giành cho đàn bà. Song đàn ông lại đóng vai trò quyết định trong công việc xã hội. Họ là lực lượng chính trong sản xuất, tham gia tổ chức quản lí xã hội và lực lượng chính trong chiến đấu bảo vệ an ninh.

Thông thường cuộc sống vợ chồng trong gia đình người Jarai khá hòa thuận và hạnh phúc. Khi phải li dị, người đàn bà tự tay đập bếp trong nhà biểu thị cho việc tan cửa nát nhà. Vì thế người Jarai kiêng lấy giao chém vào cột nhà bởi đó cũng là biểu thị của sự tan vỡ vợ chồng. Trong gia đình không thấy cha mẹ la mắng hay đánh đập con cái. Trong sinh hoạt hằng ngày con trai, con gái đều được coi trọng như nhau, nếu xét trên cơ sở kinh tế và quan hệ xã hội thì con gái thường vẫn được ưu ái hơn.

Thứ tư, dòng họ, theo thống kê chưa đầy đủ người Jarai có đến 10 dòng họ gồm: *Rchom, Nay, Rơô, Siu, Rma, Ksor, Rah lan, Hieo, Kpa, Pui*. Từ các họ đó lại chia thành các ngành khác nhau như họ Rchom có Rchom Prông (lớn) là ngành trưởng, Rcom prông (bé) là ngành thứ. Họ Nay chia thành bốn ngành như Nay thang, Nay bông bách, Nay Tách, Nay Xốp...

Điều đặc biệt mỗi họ hay một ngành trong một họ lại kiêng một vật tổ, ít ai giả thích được lí do tại sao lại có lệ đó. Từ những tài liệu ít ỏi, có thể chia các vật kiêng của dòng họ Jarai thành hai nhóm chính.

Nhóm thứ nhất kiêng vật trên cạn, họ Rchom kiêng ăn thịt bò. Họ Nay kiêng loại chim đi ăn vào lúc chập tối gọi là hấc. Họ Siêu prông kiêng làm nhà bên cạnh tổ mối, họ Siu ghét lại không ăn con khúu bạc đầu.

Nhóm thứ hai kiêng vật lưỡng cư (vừa sống trên cạn vừa sống dưới nước), họ Nay kiêng con cóc. Họ Kpa kiêng loại bò sát gọi là ria. Con ria

sống ở dưới nước nhưng nhiều khi cũng bò lên bờ bám vào các cành cây để sưởi nắng.

Trong các dòng họ của người Jarai thì họ Siu được giữ địa vị làm Potao (vua), chỉ có phụ nữ dòng họ Rchom mới được kết hôn với Potao. Vậy nên dòng họ Rchom là dòng họ được tôn trọng hơn các dòng họ khác.

Như vậy, nhà ở và thiết chế văn hoá gia đình, dòng họ, làng bản trong đời sống xã hội và sinh hoạt cộng đồng được gắn kết tương đối bền chặt, làm nên bản sắc văn hóa riêng của cộng đồng người Jarai ở Tây Nguyên nói riêng và các cộng đồng trong phạm vi cả nước nói chung.

- Trang phục

Nam giới Jarai thường đóng khố ở trần, đôi khi mặc áo có tay hoặc không tay. Trong sinh hoạt hàng ngày, đàn ông Jarai đều đóng khố bằng vải trắng có kẻ sọc nhiều màu, người địa phương gọi là Toai. Khố có hai loại loại khố mặc thường ngày và loại khố mặc trong nghi lễ. Khố mặc thường có tên là Toai lui, tức là khố bỏ trống, may bằng vải mộc để trắng, có một vài đường kẻ sọc màu đen.

Khố mặc trong dịp nghi lễ gọi là Toai Kteh, dài hơn 4m, may bằng vải chàm đen trên có trang trí hoa văn theo rìa dọc khố đặc biệt là đầu khố có đính thêm hạt cườm và các tua màu đen và đỏ.

Đối với trang phục phụ nữ

Bộ trang phục của phụ nữ Jarai gồm các bộ phận như váy, áo, đồ trang sức. Váy lại gồm váy thường và váy mặc trong nghi lễ. Áo dài tay và áo ngắn tay, áo mặc trong nghi lễ. Bộ đồ trang sức có vòng tay, vòng cổ, nhẫn, hoa tai.

Phụ nữ để tóc dài búi sau gáy hoặc quấn gọn trên đỉnh đầu. Áo là loại áo ngắn, chui đầu, phổ biến là kiểu chui đầu cổ "hình thuyền", riêng nhóm Jarai Mthur lại có kiểu cổ thấp hình chữ V và các loại cổ phổ biến. Trên nền chàm áo được trang trí các sọc hoa văn theo bố cục ngang thân áo ở cổ, vai, ống tay,

giữa ngực, gấu áo và hai cổ tay áo. Đó là các sọc màu đỏ xen trắng và vàng trên nền chàm hoặc màu xanh nhạt diệp và màu chàm.

Váy có 2 loại. Ngày thường mặc loại váy chàm giản dị hay còn gọi là váy thường (*abben*), hầu như không có hoa văn gì đáng kể, kích thước chừng 140 cm x 100 cm. Váy được mặc bằng cách quấn quanh thân từ eo bụng trở xuống, mép giắt vào hông bên phải, rồi dùng thắt lưng buộc lại.

Trong các dịp lễ thì mặc váy đẹp hơn gọi là váy lễ (*abben pnga* bằng váy hoa) do có trang trí hoa văn. Nét đặc trưng trên váy của phụ nữ Jarai không phải là những dải hoa văn trang trí ở hai đầu và chân váy, giữa thân váy mà là tấm vải đắp có nhiều hoa văn trang trí ở vị trí phần hông của váy.

Đồ trang sức: Theo quan niệm của người Jarai đồ trang sức có chức năng thẩm mỹ, biểu tượng của sự giàu sang. Có đồ trang sức được coi như vật hứa hôn của người con gái với người con trai. Đồ trang sức của người Jarai được sử dụng với nhiều chất liệu khác nhau như: bạc non, đồng, mã não, hạt cườm, ngà voi....Bộ đồ trang sức của người Jarai gồm có khuyên tai, vòng cổ, vòng tay, nhẫn.

Có thể nói, hoa văn là một biểu tượng giàu cảm xúc được con người sáng tạo, gửi gắm theo những ước mơ giản dị về cuộc đời và đó còn là một thứ ngôn ngữ không lời gìn giữ những ký ức về văn hóa một tộc người. Đặc biệt, hoa văn còn là biểu hiện của nền văn hóa tâm linh, tâm tư tình cảm, quan điểm thẩm mỹ, và cả niềm tin tôn giáo... của người Jarai chứ không còn chỉ là một giá trị vật chất đơn thuần.

- Văn hóa ẩm thực

Ăn uống của người Jarai cũng khá đơn giản, trừ bữa ăn trong các lễ hội, đặc biệt là lễ bỏ mả có cầu kỳ hơn ngày thường. Nguồn thức ăn ngày thường chỉ có cơm, muối, cá khô, thịt, các loại rau quả tự trồng hoặc kiếm được ở rừng. Người Jarai gọi cơm là *tanăh soi* (luộc trong nước), bên cạnh đó có các

loại cơm khác như cơm nếp (sơi blit), cơm gạo cứng (sơi cá), cơm gạo đỏ (sơi hêm). Khi ăn người Jarai có thể chia khẩu phần cho từng người một, hoặc có nơi cả nhà quây quần bên nồi cơm. Kỹ thuật nấu ăn thường ngày cũng thật đơn giản chỉ là cách luộc, nấu và nướng.

Trong những ngày lễ hội thì có nhiều món ăn hơn, trong đó có những món ăn của người Jarai hiện nay trở thành những món ăn đặc sản cho những ai đến và thưởng thức khi đến Gia Lai như lá mì, cà đắng (hla blang, krong phi); Thịt nướng (a nham ơm); Lòng đắng (Nham Vech); Thịt nướng lò ô (Nham đing); Chuột đồng nướng (kuih glai); Món cháo đặc (Nham pung); Cơm lam (Koch đing); Cà sóc (Boh hung tul); Thịt “thối”(Nham bruk)...

Nếu trong bữa ăn của người Kinh nước mắm không thể thiếu, thì trong bữa ăn của người Jarai muối không thể thiếu. Muối chám của đồng bào Jarai có hai loại, loại thứ nhất (hra dum sao) là muối kiến vàng được giã cùng muối, ớt. Loại thứ hai (Hãng ech), muối lá é, ớt được giã quện vào nhau, lá é có hương vị đặc trưng khác với các loại rau thơm bán ở chợ.

Thứ hai, thức uống trong các lễ hội chủ yếu là rượu cần (Pai ge). Từ trẻ em đến người già coi việc uống rượu là thú vui, coi đó là chỗ có thể trao đổi tâm tư tình cảm. Rượu cần thường được tộc người Jarai làm bằng nhiều loại lương thực như bắp ngô, củ sắn, gạo tẻ, trong các lễ đặc biệt quan trọng thì dùng gạo nếp, bo bo. Phương pháp làm rượu đơn giản nhưng cần độ chính xác với các công thức thực hiện sẽ tạo cho hương men rượu nồng nàn ngất ngây lòng người. Rượu cần là một loại thức uống không thể thiếu trong mọi nghi lễ, lễ hội của dân tộc Jarai cũng như các dân tộc khác ở Tây Nguyên.

- Công cụ lao động và sinh hoạt

Phương thức sản xuất cổ truyền của người Jarai còn khá sơ khai, công cụ sản xuất thô sơ, kỹ thuật canh tác quảng canh. Họ sống chủ yếu dựa vào rừng. Rừng nuôi họ, rừng là nguồn cung cấp chủ yếu từ đất đai canh tác đến các

nhu yếu phẩm cần thiết như cây thuốc, gỗ làm nhà, củi đốt, lương thực, thực phẩm phục vụ đời sống hàng ngày. Người Jarai sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt nương rẫy vậy nên công cụ lao động của họ khá đơn giản chủ yếu là dao chặt cây phát rừng, cuốc xới đất và các cây gậy để tạo lỗ khi gieo hạt giống.

Hiện nay, phương thức sản xuất của đồng bào Jarai có sự thay đổi theo hướng hiện đại. Họ đã biết sử dụng sức kéo của trâu, bò, máy móc trong sản xuất, canh tác nông nghiệp. Mặc dù vậy, sức kéo của trâu hay bò vẫn còn hạn chế ít sử dụng, chủ yếu họ nuôi con vật để dùng hiến sinh cho tế lễ. Kinh tế của đồng bào ít phụ thuộc hơn vào rừng, sản xuất hàng hóa trong vùng đồng bào dân tộc Jarai bắt đầu phát triển. Nhờ vậy, mức sống của người dân được cải thiện đáng kể.

- Săn bắt và hái lượm

Người Jarai sống gắn bó với môi trường tự nhiên và núi rừng cho nên hoạt động săn bắt, hái lượm vẫn được sử dụng như một phương thức kiếm sống tự nhiên để thích ứng trong những trường hợp thiếu đói. Đối với các dân tộc Tây Nguyên nói chung và dân tộc Jarai nói riêng thì săn bắt, hái lượm rất được coi trọng.

Việc săn bắt và hái lượm của người Jarai được tiến hành với nhiều hình thức, trong đó việc sử dụng chiếc nỏ và các loại bẫy diệt thú được phổ biến hơn cả. Những phương tiện săn bắt thô sơ đã giúp người Jarai săn được chim, chuột, hươu, nai, heo, hổ, báo....

Săn bắt theo lối tập thể cũng rất phổ biến với nhiều cách thức như săn đón, săn vây còn có kiểu săn dượt. Kiểu săn dượt là những người đi săn dùng giáo nhọn hay gậy tre được đeo nhọn đầu, cùng với đàn chó dượt đuổi theo thú cho đến khi chúng mệt hoặc cùng đường thì đâm chết. Hình thức săn bắt này hiện nay đã giảm.

Ngày xưa nếu người Êđê, Mnông nổi tiếng với nghề săn voi thì người Jarai nổi tiếng với nghề săn bò tót. Người đi săn cưỡi ngựa dùng lao phóng hoặc dồn cho bò tót ngã xuống vực. Dịp săn bò tót cũng là dịp để thử sức khỏe, gan dạ, lòng dũng cảm và tài năng của từng người tham dự. Thú rừng săn được về làng thường được chia đều theo lối bình quân, mỗi thành viên trong buôn làng đều có một phần thịt. Ngày nay, nghề săn bò tót không còn thịnh hành vì bò tót là loại thú đã được bảo vệ. Thay vào đó người Jarai chỉ còn săn những loại thú nhỏ vậy nên việc chia thịt không còn theo kiểu bình quân nữa.

Như vậy, thông qua đời sống sinh hoạt hàng ngày của người Jarai như trình bày ở trên đã tạo nên các giá trị độc đáo về văn hóa vật thể. Cộng đồng người Jarai đoàn kết gắn chặt với buôn làng nơi họ sinh ra và lớn lên. Nên ý thức cộng đồng của họ rất cao ở việc họ vẫn giữ gìn nét sinh hoạt trong nhà rông, nhà sàn, qua trang phục, sinh hoạt hay ẩm thực. Tất cả các yếu tố đó tạo nên bản sắc và các giá trị trong đời sống của họ.

Về văn hóa phi vật thể: Văn hóa tâm linh và những lễ hội liên quan đến tâm linh

- Văn hóa tâm linh

Người Jarai tin vào thần linh, họ tin rằng trong thế giới tự nhiên muôn hình muôn vẻ, luôn tồn tại một lực lượng vô hình, có quyền năng vô hạn, ảnh hưởng quyết định đến mọi mặt đời sống của cộng đồng, cá nhân và cây trồng. Lực lượng vô hình ấy người Jarai gọi là Yang hay Giàng đều có nghĩa là thần. Từ niềm tin có sự tồn tại của các Yang mà đồng bào thường xuyên tiến hành những nghi lễ, lễ hội lớn nhỏ để cầu khẩn, xin được giúp đỡ khi gặp khó khăn và tạ ơn khi họ tin rằng nhờ có các Yang trợ giúp mà họ đạt được một điều gì đó. Giàng ngự trị trên cao và chi phối đến cuộc sống ở trần gian. Việc cúng tế thần linh được tiến hành với các hình thức rất trọng thể.

Quan niệm về vũ trụ của người Jarai gồm ba yếu tố cấu thành hay còn gọi ba trạng thái của vật chất (thế giới, vũ trụ) gồm nước (lòng, chảy); Lửa (nóng, đốt cháy); Gió (khí, không trung, bốc hơi, bay). Tín ngưỡng của người Jarai là thờ đa thần (vạn vật hữu linh). Khi nhà mới dựng thì phải tiến hành nghi thức lễ đâm trâu và trồng cây gạo. Thần nhà (Yang sang) bảo vệ nhà cửa được cúng trong nhà, thần làng (Yang ala bôn), thần nước (Yang ia). Thần làng và thần nước là lực lượng bảo vệ làng xóm và cuộc sống của mọi thành viên được cúng ở bến nước và chân núi; Thần vua (Yang potao) do vua nước (Pơ tao ta), vua lửa (Pơ tao put), vua gió chuyên cúng trời đất, cầu mưa thuận gió hòa và mùa màng tươi tốt. Ngoài ra còn rất nhiều loại Yang khác liên quan đến lễ hội, mùa màng, dòng họ, thù lĩnh, chiến tranh... Tuy nhiên có ba loại thần được người Jarai xem trọng hơn cả và thường được nhắc nhiều trong các lễ cúng hàng năm đó là thần Yang sang (thần nhà cửa), thần Yang ala bôn (thần làng), Yang pên ia (thần bến nước).

Yang sang là thần giúp cho con người dựng nhà cửa, khi mới dựng nhà người Jarai thường cúng một lần thật to với các nghi lễ rất phức tạp, phải có cây gạo và vật hiến sinh trâu, bò nhằm cầu mong thần ban mệnh phù hộ cho họ được khỏe mạnh, tràn đầy sinh lực trong khi dựng nhà và sau này ở.

Yang ala bôn và Yang pên ia, với người Jarai tất cả những rủi ro như cháy làng, dịch bệnh, đàn bà chết do đường sinh sản... đều do thần Yang ala bôn gây nên. Cho nên, khi trong làng có một trong các rủi ro trên thì người ta thường dời làng để tránh những rủi ro có thể tiếp tục xảy ra. Vì vậy, khi chuyển đến nơi mới phải bói xem Yang ala bôn có ưng thuận hay không.

Người Jarai quan niệm rằng người ta sống được là nhờ thần bến nước, hằng năm vào tháng hai dưới sự chỉ huy của già làng, toàn dân sửa sang đường ra bến nước và máng nước. Nếu phải làm lại máng mới, khi xong việc thì làng phải mổ gà cúng Yang pên ia.

Ngoài ra người Jarai còn rất nhiều những lễ hội liên quan đến tâm linh, sức khỏe con người, đến việc tạ ơn Yang của dân làng như lễ cúng Yàng Pui (thần lửa), lễ cúng Giàng Sori (Thần lúa), lễ cúng Giàng Sawmok (lễ ăn lúa mới), lễ cầu an (Kă jeng), lễ Powkra (lễ rửa xui), lễ cúng Ópolet (thần làng), lễ Duai Plây (dời làng) và Yang lung (dời thần), lễ Júa Tonah (ăn mừng nhà rông mới), lễ Pơ trut (lễ chiến thắng). Tất cả những lễ hội này tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của từng làng mà họ tổ chức lớn hay bé.

- Văn hóa công chiêng

Đối với người Jarai nói riêng, cư dân Tây Nguyên nói chung, công chiêng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thông báo cho cư dân trong làng và các cộng đồng lân cận biết những sự việc liên quan đến con người. Chính sự hiện diện của công chiêng với chức năng của một linh khí trong giao tiếp với thần linh là minh chứng cho sự giàu có của một bộ phận dân cư thuộc tầng lớp trên trong làng. Người Jarai có nhiều nhạc cụ nhưng công chiêng là loại nhạc cụ gỗ độc đáo và quý giá nhất, tiếng công chiêng đi theo suốt cả cuộc đời của mỗi người từ khi sinh ra đến khi mất đi và thật sự công chiêng chính là linh hồn của họ.

Công chiêng của người Jarai có nhiều loại, nhiều kiểu. Chêng honh là loại phổ biến nhất, được đúc hoàn toàn bằng đồng, một bộ chêng honh thường gồm 10 cái: 3 cái công có núm để đệm giữ nhịp và 7 chiếc chiêng để đánh giai điệu. Sau này, bộ chêng honh được tăng lên 2, 3 lần. Làng nào, nhà nào cũng có từ 1 đến 5 bộ chêng honh. Chu vi các loại công chiêng nói chung thường từ 0,6 mét đến 2 mét, nặng tối đa 15 kg, có trường hợp đặc biệt tới 20 kg.

Dàn nhạc hòa tấu công chiêng thường được sử dụng trong những ngày lễ hội lớn như hội đâm trâu (hội đâm trâu mừng chiến thắng ở nhà rông, hội đâm trâu mừng nhà rông mới, hội đâm trâu ở từng gia đình), lễ bỏ nhà mồ, hội ăn

mừng lúa mới...Có thể nói, dàn cồng chiêng là loại nhạc cụ lớn, nhạc cụ chủ chốt trong các dịp lễ hội lớn mang rõ nét nhất tính cộng đồng, thể hiện rõ nhất nét đặc trưng của đời sống văn hóa tinh thần cộng đồng của đồng bào dân tộc Tây Nguyên nói chung và người Jarai nói riêng. Chẳng hạn như trong lễ hội đâm trâu mừng chiến thắng, một lễ hội vào loại lớn nhất của người Jarai. Trong lễ hội này được tổ chức công phu và tốn kém nhất, dàn cồng chiêng thường diễn tấu 3 bài nhạc là *Juar, Trum, Vang* .

Bài *Juar* được sử dụng khi ngày hội chiến thắng đã đến với cộng đồng. Cho nên khi chiêng vang lên với nhịp điệu rất nhanh, rộn rã, biểu hiện khí thế hùng hực của người chiến thắng và lòng tự hào dân tộc trong cộng đồng. Bài *Trum* sử dụng để miêu tả lại cuộc chiến đấu ác liệt đầy mưu trí và dũng cảm của đoàn quân thắng trận, ca ngợi những dũng sĩ ngoan cường, đánh giặc giỏi, thủy chung với cộng đồng, trong sinh hoạt có kèm theo nhảy, múa. Bài *Vang* lại có tiết tấu chậm rãi, thể hiện nỗi tiếc thương đối với những người đã hi sinh vì sự tồn tại của cộng đồng...

Cho đến nay, việc sử dụng dàn nhạc cồng chiêng vẫn được duy trì đều đặn trong dịp lễ hội mang tính chất truyền thống và cả trong những dịp lễ hội có tính chất hiện đại của cuộc sống hôm nay. Âm nhạc cồng chiêng là đặc trưng cơ bản của sắc thái Tây Nguyên nói chung và của người Jarai nói riêng, nó không chỉ là âm nhạc cồng chiêng mà là văn hóa cồng chiêng.

- Tết, lễ

Người Jarai theo nông lịch. Hàng năm, qua mùa khô hanh, khi có hạt mưa đầu tiên rơi xuống, người Jarai coi đó là tháng Giêng. Con mưa đầu tiên với người Jarai rất có ý nghĩa. Đồng bào gọi con mưa này là lệ rah. Hàng năm, con mưa đầu tiên trên mảnh đất Tây Nguyên thường trùng vào tháng tư Dương lịch. Trong 12 tháng theo lịch của đồng bào thì 10 tháng đầu tiên được gọi tên bằng số từ 1 đến 10, còn hai tháng cuối thì có tên riêng lần lượt là

tháng Ning Nung và tháng Wor. Ning Nung là hình tượng con cá dưới nước, con thú trên rừng.

Tháng Ning Nung có thể xem là tháng săn bắt. Wor nghĩa đen của từ này là “quên”. Sau một năm vất vả con người ta cũng cần quên riu rạ, quên lo toan đời thường, để ăn chơi, để chăm lo những việc tinh thần. Như vậy tháng tư dương lịch thường trùng với cái Tết của người Jarai. “Tháng ba mùa con ong đi lấy mật” chính là tháng cuối cùng trong năm, cũng là tháng người Jarai chuẩn bị đón Tết Nguyên Đán. Đất trời Tây Nguyên tháng 4, lúc có cơn mưa đầu mùa, làm cho trời mát mẻ, cỏ cây bắt đầu nảy mầm và phát triển trở lại. Lúc này mà tổ chức các cuộc vui Tết cũng có thể nói là đã hội đủ 3 yếu tố: Thiên thời, địa lợi, nhân hòa.

Trong những ngày Tết, trước khi ăn uống, người Jarai thường mời thầy cúng, nhờ thầy cúng gọi các thần núi, thần sông, thần suối gần đó và gọi tổ tiên về ăn chung. Khi cúng, thầy cúng đặt một ngón tay vào ghè rượu rồi kê lễ vân vi. Lúc kết thúc lời cúng, thầy lấy nước trong bát đồng đổ vào ghè rượu và ai là nhân vật chính trong lễ thì được ưu tiên cầm cần uống đầu tiên.

Như vậy, tuy họ không có Tết giống người Kinh nhưng những lễ hội Lih lễ Pơ-thi, Đị tổ sang... kéo dài được tổ chức trong từng gia đình, từng làng đã làm cho không khí thêm ấm cúng và tính cộng đồng thêm bền chặt và thông qua đó các giá trị văn hóa truyền thống được phát huy. Tuy nhiên, bên cạnh những giá trị của lễ hội thì lại có mặt trái là tốn kém, lễ hội kéo dài, vật hiến sinh nhiều đã làm cản trở sự phát triển kinh tế của họ.

+ *Cưới, hỏi*

Khi đến tuổi trưởng thành cả nam, nữ Jarai đều có quyền lựa chọn người yêu. Phụ nữ chủ động lấy chồng tương lai của mình. Nghi lễ cưới là một trong những nghi lễ lớn của người Jarai, đều được tiến hành ở nhà vợ, cách thức tiến hành đều tuân tự theo các bước như sau.

Thứ nhất, lễ rước rế. Chàng trai và gia đình, dòng họ, người thân của chú rế tự khấn gói theo người làm mỗi tới nhà vợ.

Thứ hai, lễ đôi vòng(Podố ung mố), hay còn gọi là lễ thành thân, lễ thành vợ chồng. Trong nghi lễ này bên nhà gái đặt ché rượu ở giữa nhà đôi uyên ương ngồi song song và quay mặt về phía cửa ra vào. Sau khi làm lễ này, nếu cô gái tự ý bỏ chồng thì em gái buộc phải thay thế. Ngược lại, nếu người con trai bỏ vợ, phải đền bốn con trâu lớn.

Thứ ba, lễ đoán phận trong giấc mơ(chúa hpiếu), đêm đó vợ, chồng nằm mơ thấy bắt cá thả vào nước là sẽ có con. Nếu mơ thấy cầm dây, cắt cỏ tranh là điều giữ, vợ chồng phải ly dị, cửa nhà tan nát. Hiện nay qua khảo sát thực tế thì dường như không thấy nghi lễ này, việc đêm “tân hôn” đôi vợ chồng trẻ có mơ gì hay không, người Jarai không còn quan tâm nữa.

Thứ tư, lễ trở lại nhà mẹ (lễ vít sang ami) chàng trai trở về nhà mình và sau đó cô gái phải chuẩn bị một ché rượu, một con gà mang sang nhà chồng và mời chàng trở lại nhà mình. Lúc đầu, chàng trai khước từ, người vợ đành về một mình, một tháng sau mới quay lại bên nhà chồng. Lúc này cô dâu phải chuẩn bị một bộ áo váy để biếu mẹ chồng, một bộ khó áo cho bố chồng, anh chị em bên chồng mỗi người một tấm áo, một tấm khó. Cô ở lại nhà chồng chừng ba ngày làm phận con dâu, múc nước, lấy củi, quay sợi, dệt vải... Sau đó cả hai vợ chồng mới xin phép đưa nhau về bên nhà vợ và đến đây, mọi thủ tục hôn lễ chính thức kết thúc.

Sau lễ cưới, chàng trai về ở nhà vợ, không được thừa kế tài sản. Trái lại, con gái lấy chồng lần lượt tách khỏi cha mẹ ra ở riêng, được phân chia một phần tài sản. Con cái đều theo họ mẹ. Ngoài xã hội, đàn ông đóng vai trò quan trọng hơn, nhưng trong gia đình phụ nữ có ưu thế hơn. Như vậy, cho đến hiện nay lễ cưới của người Jarai về cơ bản vẫn còn các bước như trên nhưng nghi lễ tổ chức thì đơn giản hơn thậm chí có phần hiện đại. Ví dụ như ở một số gia

đình tổ chức đám cưới giống như người Kinh ngày nay, nhất là những buôn làng sống gần người Kinh.

+ *Ma chay*

Người Jarai rất coi trọng những người đã khuất, vì thế khi người thân trong gia đình, họ tộc mất đi, họ thường tổ chức nhiều nghi lễ tiễn đưa và làm nhà mồ rất cầu kỳ để thờ cúng. Nói chung, trong quan niệm về người chết của người Jarai rất được chú trọng. Họ quan niệm chết là chưa hết mà linh hồn vẫn tồn tại ở thế giới bên kia. Vậy nên khi người chết đi phải tổ chức ma chay theo đúng truyền thống của dân làng nghĩa là chưa diễn ra lễ bỏ mả, người thân trong gia đình hằng ngày phải thay cơm mới, thay nước mát cho người chết (cem asoiak), hàng tháng phải đến uống rượu và tâm sự nơi nhà mả cùng hồn ma (monhum blan). Người Jarai theo tục tất cả người họ mẹ chôn chung một huyệt. Người đàn ông chết phải khiêng về chôn ở huyệt phía mẹ mình. Trước đây, người trong làng chết đi sẽ chôn chung trong một nhà mồ nhưng sau này mỗi gia đình xây dựng riêng thành từng cụm nhà mồ. Nhà mồ hiện tại được xây trùm lên các cụm mồ, theo thời gian, nhà mồ của người Jarai có nhiều thay đổi những nhà mồ cổ xưa vẫn còn thể hiện rõ nét kiến trúc xây dựng độc đáo.

Lễ bỏ mả diễn ra là đánh dấu kết thúc giai đoạn gắn bó giữa người sống và người chết. Sau nghi thức này đàn ông góa vợ, đàn bà góa chồng, tự do tái giá, những bồn phận chăm sóc mả, những ràng buộc với người chết được luật tục bảo vệ một cách nghiêm ngặt cũng chấm dứt từ đây.

- *Văn học nghệ thuật*

+ *Văn học dân gian*

Người Jarai có một kho tàng văn hóa dân gian nhiều sắc màu độc đáo, cũng giống như người Êđê, người Bana nơi cư trú của người Jarai là cao nguyên đất đỏ Bazan, với những dòng sông hùng vĩ, những đêm gió hú,

những tháng khô cằn và nóng bỏng, những tháng mưa giã kéo dài. Đây chính là vùng thiên nhiên hùng tráng và là quê hương của các sử thi bất hủ Đăm săn, Đăm di, Xinh nhã...Nội dung của các áng văn chương này cho thấy sự chuyển biến xã hội từ xã hội công xã nguyên thủy sang giai đoạn phân hóa giàu nghèo, đang xuất hiện những yếu tố hình thành giai cấp và mầm mống của nhà nước sơ khai.

Các sử thi nói lên sự lớn mạnh của cộng đồng Jarai trong quá khứ lịch sử. Những nhân vật chính trong sử thi không những chiến thắng các thế lực phi nghĩa, cản trở sự phát triển của xã hội mà còn vươn tới chiến thắng các vị “thần” đại diện cho sức mạnh của thiên nhiên. Về hình thức, diễn sướng sử thi gọi là *Khan*. Đó là cách ngâm kể theo điệu bộ, thường khi kể *Khan* có đệm thêm tiếng đàn tơ nưng để thể hiện tình cảm qua các diễn biến của truyện.

Đây là bài sử thi Đăm San: *Hãy đánh những cái chiêng kêu thanh nhất. Đánh nhẹ nhẹ cho gió đưa xuống đất. Đánh cho tiếng chiêng vượt qua mái nhà vọng lên trời. Đánh cho khi trên cây quên bám chặt cành đến phải ngã xuống đất. Đánh cho ma quỷ mê mãi nghe đến quên cả làm hại người. Đánh cho chuột sóc quên đào hang, cho rắn nằm ngay đờ, cho thỏ phải giết mình, cho hươu nai đứng nghe quên ăn cỏ, cho tất cả chỉ còn nghe tiếng chiêng của Đăm San* (Sử thi bài ca chàng Đăm San).

+ Câu đố Jarai

Người Jarai ở Gia Lai vốn sở hữu một kho tàng văn học dân gian phong phú, được lưu truyền với những hình thức diễn xướng sử thi (hori, khan), sinh hoạt ca hát (adôh), lời nói vần (pơđok)... Câu đố Jarai hay sinh hoạt đố dân gian người Jarai gọi là pơđao (người Bahnar Gia Lai gọi là pơđâu, người Êđê Đăk Lăk gọi là klei mđăo, người Chăm gọi là panwoc pơđau). Pơđao cũng có nơi gọi là glông pơđao, mơđao, đăo, đă, pơn, bơn...là một hình thức giải trí mang tính trí tuệ cao của đồng bào dân tộc. Câu đố Jarai tồn tại độc lập với

những đặc trưng riêng của một thể loại văn học dân gian khá độc đáo và có ý nghĩa khá quan trọng trong sinh hoạt tinh thần của người Jarai.

Là người dành nhiều thời gian và công sức cho văn hóa dân gian Jarai và Bahnar, Thạc sĩ Nguyễn Quang Tuệ, Trưởng phòng Nghiệp vụ Văn hóa (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) khẳng định: “Đến thời điểm này, theo tôi biết, trong 54 dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam, trừ người Việt, chưa có dân tộc nào sánh được với người Jarai về số lượng câu đố đã được sưu tầm, với khoảng trên 1.150 câu đố (sưu tập câu đố người Việt đến trước 1955 chỉ thể hiện khoảng 2.000 đơn vị câu đố). Tồn tại độc lập với những đặc trưng riêng của một thể loại, không bị ràng buộc bởi tín ngưỡng đa thần, không lệ thuộc vào không gian và thời gian và các điều kiện khác, sinh hoạt đố Jarai có vị trí nhất định trong kho tàng văn hóa, văn học dân gian của tộc người này”.

Trong tập sách “Câu đố Jarai” (Nhà Xuất bản Đà Nẵng, năm 2008) do Nguyễn Quang Tuệ sưu tầm, biên soạn, thì chúng ta có thể nhận ra việc người Jarai thường đố nhau về các vấn đề, khía cạnh liên quan đến cuộc sống hàng ngày, vật dụng hằng ngày từ các loại cây, trái, con vật, đồ vật trong nhà, ngoài rừng, ngoài rẫy hay xung quanh buôn làng (như cây tre, mía, lúa, chó, gà...) đến chuyện đố nhau về sự ốm đau, bệnh tật, những sinh hoạt cá nhân.

Với lối tư duy trực quan nhưng hết sức tinh tế, người Jarai đã sáng tạo nên hàng ngàn câu đố vừa ngộ nghĩnh vừa có chiều sâu, đủ sức gây nên bất ngờ và cả sự bối rối cho những ai mới được nghe đến nó lần đầu. Chẳng hạn, dưới con mắt người Jarai, cái hoa bầu hoa bí quen thuộc lại là “Buổi chiều là thanh niên/ sáng sau đã đau rữ”, quả dưa hấu và cái cuống dây của nó “Người nhỏ đất trâu to”, cái cối giã gạo “No khóc, đói nín”, con cua tám cẳng hai càng thì lại là “Tám thanh niên khiêng đá, hai ông già đi không”.

Ngoài ra, những hoạt động sinh hoạt thường ngày cũng được phản ánh một cách sinh động trong câu đố. Ít ai trong chúng ta có thể nghĩ, trong quan

niệm của đồng bào Jarai, “Ngày đói, đêm no” lại chính là cái nhà, “Người gầy đét, ở nhà dền dẹt” là con dao và cái vỏ dao, “Ban ngày nó trẻ, ban đêm nó già” là cái chiếu được cuộn lại sau một đêm nằm ngủ, “Người ta, ai chả có lược” lại chính là đôi bàn tay...

Theo ông Nguyễn Quang Tuệ, sinh hoạt đồ dân gian Jarai ở Gia Lai là một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian có từ lâu đời, nó không chỉ tạo ra và là một môi trường giải trí lành mạnh, giúp rèn luyện tư duy cho các thành viên trong cộng đồng, ngày nay thông qua đó, người ta còn có thể tìm hiểu được nhiều mặt của cuộc sống xưa. Không lệ thuộc vào không gian, thời gian, không bị ràng buộc bởi những kiêng cử khi thực hành. Mà trái lại sinh hoạt đồ dân gian Jarai có thể diễn ra bất kỳ ở đâu, vào bất kỳ thời điểm nào và không hề kén chọn đối tượng.

+ *Âm nhạc và hát dân ca*

Người Jarai có một nền âm nhạc độc đáo và nổi tiếng. Nhạc cụ có đàn *tơ nung* được làm bằng ống nứa và đàn *Krong put* là những ống tre, được phát âm bằng cách thổi hơi vào miệng ống. Đàn *tơ nung* có 12 dây căng trên cần phím nối với vỏ trái bầu khô. Đáng chú ý nhất là các bộ chiêng 7, 9, 11 chiếc đi kèm với trống mặt trâu. Để biểu diễn được bộ chiêng này đòi hỏi phải có một đội nhạc công phối hợp với nhau nhuần nhuyễn. Trong các nhạc cụ của người Jarai đặc biệt nhất là bộ *sóc (yao)*, bộ nhạc này gồm 9 quả chuông bằng đồng, 2 quả hình tròn, 3 quả dẹt, 4 quả hình trái bầu. Đây là bộ nhạc quý bằng kim khí đến nay dường như không còn do nhiều nguyên nhân.

Hát dân ca gồm các thể loại hát ru, giao duyên nam nữ, đối đáp trao đổi phương thức làm ăn canh tác, lối sống nhằm khuyến khích người dân tham gia với các tiết mục tự biên, tự diễn theo làn điệu dân ca của dân tộc mình. Nhưng trong thực tế thời gian qua làn điệu dân ca nói chung, dân ca của dân tộc Jarai nói riêng ngày càng thưa thớt và ít dần. Do sự tác động của luồng

văn hóa mới như các loại nhạc hiện đại bằng nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt do sự tác động mạnh của nền kinh tế thị trường đã làm thay đổi mạnh mẽ về các làn điệu dân ca của đồng bào dân tộc.

+ Nghệ thuật tạo hình và màu sắc

Nói đến nghệ thuật tạo hình của người Jarai không thể không nói đến những tượng nhà mồ. Khi quan sát những bức tượng nhà mồ, người xem có thể nhận ra hình thể của từng bức tượng qua bàn tay của nghệ nhân, đều xuất phát từ thân gỗ tròn vốn là hình dạng ban đầu nhưng lại trở thành những bức tượng sống động như có hồn. Khi bức tượng đặt ở vị trí linh thiêng thờ cúng trong khung cảnh thiên nhiên thì càng trở nên huyền ảo mặc cho mưa, nắng, sương, gió làm hư hỏng. Cuộc sống của họ gắn liền với thiên nhiên núi rừng Tây Nguyên nên người Jarai đã biết cách tạo hoa văn trang trí trong các dụng cụ sinh hoạt hàng ngày từ quần áo, vòng đeo, gùi, nhà cửa, nhà rông, nhà mồ với các loại tượng như đã trình bày ở trên ... Như vậy, người Jarai là những con người chân thật, bình dị trong nếp sống cho nên trong xã hội không có nạn trộm cướp và lừa gạt. Nhìn chung cuộc sống thường ngày của đồng bào Jarai không thể tách rời với văn hóa tâm linh và lễ hội. Tất cả các yếu tố đó tạo nên nét riêng độc đáo trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của tộc người Jarai. Tuy nhiên, khoảng hơn 10 năm trở lại đây cuộc sống của người Jarai có nhiều thay đổi đó là điều tất yếu trong phát triển kinh tế, xã hội. Về kinh tế từ lâu vốn là cư dân lúa rẫy chiếm vị trí quan trọng và là nguồn sống của cư dân. Hiện nay đã có sự chuyển dịch sang trồng cây công nghiệp cà phê, hồ tiêu, cao su đã làm thay đổi bộ mặt đời sống. Về trang phục thay đổi nhanh nhất, Âu phục với áo sơ mi, quần Âu, đi nhiều kiểu dép đã trở thành phổ biến, khi lao động hay tham gia lễ hội, thậm chí trong lễ cưới chú rể, cô dâu mặc Âu phục giống người Kinh. Trong các lễ hội vẫn được tổ chức nhưng bị cách tân, không được chú trọng như trước nữa. Không phải gia đình nào cũng gìn giữ

được các bộ chiêng quý, không phải buôn làng nào cũng tổ chức các lễ hội theo nghi thức truyền thống... Đó là những thách thức lớn cho việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc hiện nay.

Những ngôi làng truyền thống của người Jarai cũng biến đổi nhiều. Đã có nhiều ngôi nhà xây, lợp ngói, trong nhà các vật dụng truyền thống như ghế, guì, ché, chiêng... đã có những sản phẩm hiện đại thay thế như salon, giường, tủ, ti vi, xe máy... Như vậy, tất cả các yếu tố của nền kinh tế thị trường đang tác động mạnh mẽ đến đời sống văn hóa xã hội của người Jarai. Bên cạnh nhiều mặt được thì cũng có nhiều mặt bị đánh mất, đặc biệt là các giá trị văn hóa nên vấn đề bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa là việc làm mang tính cấp bách đầy ý nghĩa.

2.2. NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA VĂN HÓA DÂN TỘC JARAI Ở TỈNH GIA LAI

2.2.1. Văn hóa công chiêng

Công chiêng Tây Nguyên gắn bó mật thiết với mỗi đời người, mỗi gia đình, dòng họ và gắn liền với lễ nghi cổ truyền của cộng đồng. Với người Tây Nguyên nói chung và người Jarai nói riêng, công chiêng và văn hoá công chiêng là tài sản vô giá. Âm nhạc công chiêng Tây Nguyên không những là một giá trị nghệ thuật đã có từ lâu được khẳng định trong đời sống xã hội mà còn là kết tinh của hồn thiêng sông núi qua bao thế hệ. Công chiêng không chỉ có ý nghĩa về mặt vật chất mà còn mang giá trị tinh thần, giá trị về nghệ thuật mà quan trọng hơn nó còn là "tiếng nói" của con người với thần linh, với thiên nhiên và núi rừng.

Đồng bào Jarai tin rằng tiếng chiêng chính là ngôn ngữ con người dùng để giao tiếp với thần linh, với tổ tiên, với siêu nhiên và để xua đuổi tà ma. Tiếng chiêng đánh dấu những chặng đường đời, gắn bó với vòng đời của một con người, từ khi đứa trẻ mới sinh ra nó được cộng đồng thừa nhận bằng lễ

"thời tai" với âm thanh của một chiếc chiêng cổ nhất của làng. Đứa trẻ lớn lên đến tuổi trưởng thành, nam giới đánh cồng chiêng và nữ giới múa theo trong các nghi lễ cộng đồng. Tiếng cồng chiêng ngày cưới, tiếng cồng chiêng lên nhà mới, vừa xua đi tà ma, vừa ngây ngất men rượu cần tỏa ra vẻ nồng say của hạnh phúc và yên vui. Đến khi con người nằm xuống và trở về với đất, có tiếng cồng chiêng buồn thảm đưa họ đến nhà mồ. Trong lễ bỏ mả vẫn tiếng cồng chiêng đưa dẫn linh hồn trở về với cộng đồng tổ tiên. Cồng chiêng thúc giục trai đinh trong chiến đấu, cồng chiêng hát ca trong lễ đâm trâu mừng thắng trận và cồng chiêng trầm hùng hoà với giọng hát kể sử thi. Cồng chiêng có mặt trong mọi nghi lễ quan trọng của con người và cộng đồng.

Cho đến ngày nay, dù trong bất cứ không gian nào thì cồng chiêng Tây Nguyên vẫn còn nguyên giá trị lịch sử, giá trị nghệ thuật đặc sắc, độc đáo *"Ngày 25/11/2005, UNESCO đã công nhận Không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên là kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại."* Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá, tinh thần của nghệ thuật cồng chiêng nói riêng và văn hoá Tây Nguyên nói chung là trách nhiệm của những ai yêu mến nền văn hoá cổ sơ của dân tộc, từ đó khẳng định những giá trị đích thực về cuộc sống mà cha ông ta đã để lại cho con cháu đời sau.

2.2.2. Văn hóa Nhà rông

Nhà rông là biểu tượng văn hoá của tộc người Jarai cũng như của một số tộc người khác ở Tây Nguyên. Nhà rông dân gian luôn gắn liền với cộng đồng buôn làng. Trong quan niệm đồng bào từ xưa đến nay thì nhà rông là nơi cư trú của thần linh, nơi diễn ra phần lớn các hoạt động liên quan đến thế giới tâm linh của cộng đồng.

Người Jarai gọi nhà rông là rôông hay ruông, đây là một ngôi nhà sàn lớn, là công trình công cộng của cả làng, là một loại kiến trúc đặc biệt với chức năng đặc thù. Nhà rông được làm hoàn toàn bằng những vật liệu tự

nhiên có trong rừng như gỗ, mây, song, tre, dây rừng và cỏ tranh...được làm bởi những công cụ thô sơ như rìu, rựa, chày gạc...nhưng nó lại rất đồ sộ, bề thế.

Chức năng của ngôi nhà rông trong đời sống của các dân tộc Tây Nguyên nói chung và người Jarai nói riêng thì nó là trụ sở của tổ chức quản trị làng, trung tâm chỉ huy chiến đấu khi hữu sự, trung tâm chỉ đạo sản xuất, trường học cho trai làng về phong tục tập quán, nơi diễn ra các nghi thức lễ và tín ngưỡng của cộng đồng, nơi để dân làng thường xuyên trao đổi chuyện trò.

2.2.3. Nghệ thuật tạo hình tượng nhà mồ

Tượng nhà mồ là nét văn hóa độc đáo của đồng bào dân tộc Tây Nguyên nói chung và của người Jarai nói riêng nên khi đeo tượng họ làm với tất cả tâm lòng và tâm huyết. Tượng được dựng sau khi đã chôn cất người xấu số ít nhất vài ba tháng. Gỗ đúc tượng thường là cây cam se, cà chít (gỗ rất cứng, nặng và chịu được mưa nắng, mối, mọt). Tượng thường có hình hài của người đàn bà, tóc để dài, ngồi trên một phiến đá hoặc đứng. Hoa văn trang trí, cột tượng, hình dáng ngôi nhà mồ mới rất phong phú đa dạng với những hình ảnh quen thuộc như người đi lấy nước, người khóc, người chia cơm lam, người đánh trống...Sự khác biệt tùy theo từng vùng người Jarai và từng tộc người khác nhau. Việc tạc tượng là nét văn hóa đẹp truyền thống của người Jarai mà bất kỳ người đàn ông đứng tuổi nào cũng có thể làm được. Tuy nhiên hiện nay, do nhiều nguyên nhân mà không phải người đàn ông Jarai nào cũng làm được. Thực tế hiện nay một số gia đình phải mời các nghệ nhân ở làng khác về tạc tượng. Đây là một sự thật đáng buồn khi họ đang đánh mất dần đi giá trị văn hóa tượng nhà mồ trong đời sống tinh thần.

2.2.4. Văn hóa lễ hội

- Lễ bỏ má

Lễ bỏ má (Lễ Pơ thi) là một trong những lễ hội độc đáo, tưng bừng nhất của người Jarai nói riêng và đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên (Ba na và

Ê đê) nói chung, vì đây là lễ cuối cùng trong đời người. Người Jarai quan niệm rằng con người gồm phần xác và phần hồn, phần xác tồn tại hữu hạn, phần hồn là vĩnh viễn nên phần hồn vẫn có nhu cầu như người sống. Xuất phát từ quan niệm như thế, cộng với tình cảm gắn bó ruột rà, nên trong tháng đầu tiên họ vẫn mang cơm nước ra nhà mồ cho hồn. Sau đó, sau hàng tháng lại sửa sang nhà mồ, mỗi lần sửa đều đánh chiêng và uống rượu (monhum blan). Trong vòng từ 3 đến 10 năm tùy theo từng điều kiện của gia đình mà tiến hành làm lễ Pthi, xem như cắt đứt mối quan hệ với người chết và khi này hồn trở thành ma và đi vào thế giới vĩnh hằng.

Sau khi làm lễ bỏ mã coi như mọi ràng buộc giữa người sống và người chết mới chấm dứt, người nhà không bao giờ đến thăm mã nữa. Hồn ma cũng từ đó vĩnh viễn về với tổ tiên ở thế giới hoàn toàn khác biệt. Sau nghi thức này người đàn ông góa vợ, người đàn bà góa chồng được tự do tái giá, những bổn phận chăm sóc mã, những ràng buộc với người chết được luật tục bảo vệ một cách nghiêm ngặt cũng chấm dứt từ đây.

Lễ bỏ mã thường diễn ra vào buổi chiều, bắt đầu một cuộc trình diễn lớn quanh nhà mồ. Không có thầy cúng chỉ có người nhà của người chết đầu tiên được chôn trong nhà mồ làm chủ trì buổi lễ, thân nhân của người quá cố vào nhà mồ khóc than lần cuối với người đã chết. Lễ kéo dài khoảng 30 phút, đem lễ vật tới bỏ vào mã sau đó mời mọi người tới uống rượu. Hầu như suốt cả đêm cho đến sáng, cả làng quây quần bên ngôi nhà mồ, ai múa nhảy cứ múa nhảy, ai đánh cồng chiêng cứ đánh, ai uống rượu cứ uống, ai mệt thì ngủ ngay bên những đồng lửa ấm áp để sáng hôm sau bước vào ngày hội chính của lễ bỏ mã. Tiếng cồng chiêng, tiếng trống nổi lên, đoàn rước gồm những người đánh chiêng và đánh trống, người đánh cồng chiêng, họ đi vòng quanh nhà mồ biểu diễn những động tác của mình theo tiếng nhạc.

Đối với người Jarai, chỉ có đêm bỏ má mới là huyền diệu nhất trong cuộc đời mỗi người, đêm mà con người và hồn ma giao hòa cùng trời đất để rồi chia tay nhau vĩnh viễn. Có thể nói lễ Pơ Thi là biểu tượng nổi trội nhất, hấp dẫn nhất trong các lễ hội của người Jarai. Bởi thông qua đó mọi người không phân biệt trai gái, già trẻ đều nhảy múa ăn nhậu bên nhau trong tiếng chiêng và hương men ngát ngậy của rượu cần.

- Lễ mừng lúa mới

Từ bao đời nay, cuối năm dương lịch, đồng bào Jarai gom góp sản vật và tổ chức ăn mừng lúa mới. Theo truyền thống người Jarai, những nghi lễ một chu kỳ công tác nông nghiệp luôn là bộ phận quan trọng trong đời sống gia đình và cộng đồng.

Lễ mừng lúa mới tiếng Jarai gọi là Bong tơ kul thum thường diễn ra nhiều ngày, liên tục trong làng nên người Jarai, Bahnar thường gọi là mùa lễ hội - lễ mừng lúa mới. Lễ hội có ý nghĩa tôn vinh hạt thóc của Giàng ban cho dân làng và tập tục cúng Giàng, cúng các thần linh như cúng trời đất, cúng các thần sông suối, thần núi, thần mưa, thần sấm, thần mùa màng để mưa thuận gió hòa, là một nghi thức cầu mưa của dân làng. Lễ mừng lúa mới không chỉ nghi thức cúng lễ mà còn là sự giao hòa giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên và cảnh vật.

Đây là nét độc đáo và cũng là một trong lễ hội lớn của bà con với ước mong mang lại cuộc sống cho dân làng. Dù lễ cúng lớn hay nhỏ không quan trọng, quan trọng nhất là cơm phải nấu bằng hạt lúa mới vào đầu buổi lễ. Soạn theo mẫu cổ theo nghi thức và khẩn mong thần lúa mang lại sự ấm no cho dân làng không để con cheo, con chồn phá hoại mùa màng.

- Lễ hội đâm trâu

Đồng bào Jarai thường tổ chức ngày hội đâm trâu trong khoảng thời gian từ đầu tháng chạp năm trước cho đến tháng ba âm lịch năm sau. Thời gian tổ

chức khoảng hai ngày. Lễ hội đâm trâu với biểu tượng “cây nêu thần” là một sinh hoạt văn hoá dân gian nổi bật nhất, mang tính tổng hợp cao, với ý nghĩa mong muốn cuộc sống ấm no, hạnh phúc, trở thành một nghi lễ độc đáo trong các ngày hội của buôn làng. Đây là những ngày hội thực sự mang những nét văn hóa truyền thống, thể hiện rõ yếu tố cộng đồng, tình yêu thiên nhiên, thần linh được gắn với nhau chặt chẽ, là sự kế tục truyền thống văn hóa xa xưa của người Tây Nguyên. Nhiều loại hình dân gian được huy động tham gia vào lễ hội này như âm nhạc, múa hát, múa kiếm, nghệ thuật tạo hình.

Chủ trì ngày hội đâm trâu là một già làng, còn gọi là “Riu Yang” (thầy cúng). Riu Yang đứng nghiêm trang bên cột đang buộc con trâu, sau lưng ông là nam thanh nữ tú, ban nhạc cồng chiêng.

Sau khi mọi thứ đã chuẩn bị sẵn sàng, thầy cúng khẩn cầu xin thần trời, thần nước, thần núi, thần sông, suối hãy đến đây chứng kiến ngày hội đâm trâu của dân làng. Cầu xin các thần linh thiêng hãy phù hộ cho dân làng trồng được nhiều lúa, nuôi được nhiều trâu bò, súc vật... Sau đó dẫn ra một con trâu đực và cột chặt vào cây nêu với một sợi dây thật chắc được làm bằng vỏ cây rừng, gọi là cột Gung. (Cột Gung là một cây gỗ quý to lớn cao thẳng dựng lên sân tổ chức lễ hội đâm trâu, cột chia làm ba phần. Phần từ đất lên làm thành giàn cho già làng bước lên cúng tế. Phần thân cột được chạm trổ công phu các hình ảnh hoa văn, các màu sắc rực rỡ buộc các chùm tua ngũ sắc chuốt sợi từ thân nứa. Phần trên cùng là biểu tượng chim hoặc cá, dưới treo chùm ống nứa già gọi là toong nơng nhờ gió phát ra âm thanh).

Sau khi tiếng chiêng lặng xuống cũng là lúc các chàng trai đầu chít khăn đỏ trong tay mang lưỡi kiếm sáng loáng nhảy ra múa tiếp. Nhảy múa một lúc, họ đặt vũ khí xuống, dùng những gậy gỗ dài một thước đấu với nhau. Tốp này vào nghi đã có tốp khác ra thay. Trong lúc họ múa, các cô gái thi nhau té

nước vào họ. Chàng nào tài hoa thì không bị ướt, chàng nào bị ướt nhiều tức là bị thần quỷ và có nguy cơ ế vợ.

Sau các màn múa hát họ bắt đầu đâm trâu. Chàng nào chỉ đâm một nhát mà trâu chết ngay thì được khen ngợi. Trâu ngã xuống bắt đầu xẻ thịt chia đều cho từng bếp trong buôn làng. Một phần thịt trâu được dành lại ăn uống chung tại nhà rông. Đầu trâu được gác lên cột lè. Sáng ngày sau còn có lễ rước đầu trâu lên nhà rông. Đầu trâu được chẻ ra làm món ăn. Riêng cặp sừng được giữ lại và treo lên vách nhà rông. Người làng còn lấy máu trâu hòa với rượu để rửa những bảo vật truyền kiếp trong nhà rông của làng.

Lễ hội đâm trâu với nhiều hoạt động văn hóa truyền thống mang ý nghĩa nhân văn và tâm linh. Đỉnh cao và linh hồn của lễ hội là lúc mũi lao cắm vào tim con trâu, cùng lúc tiếng cồng chiêng, tiếng hát, những vũ điệu theo cột đâm trâu vút lên không trung tạo niềm tin mùa bội thu, hăng say lao động sản xuất trước cuộc sống thường trực bất trắc, thiên tai, dịch họa. Để sinh tồn phát triển và vượt qua thách thức ấy con người cần giao lưu gắn kết cộng đồng, cùng hướng tới sức mạnh siêu nhiên qua hình ảnh các thần linh trong nghi lễ.

Tiếp nghi lễ, bắt đầu cuộc ăn uống vui chơi. Nữ cao tuổi nhất được mời nâng cần rượu đầu tiên rồi lần lượt theo thứ tự già trước trẻ sau.

Ý nghĩa của lễ hội đâm trâu còn được phản ánh qua không khí linh thiêng, đậm chất núi rừng linh ứng, khi vị chủ lễ thông báo tình hình bản làng trong năm, cung thỉnh sự phù hộ của các vị thần linh, ma quý về dự lễ, chứng giám cho tấm lòng của dân làng. Sau lễ hội đâm trâu mọi nỗi buồn, hiềm khích, đổ kỵ trong làng được thần linh mang đi, niềm vui và hạnh phúc được nâng lên gấp bội, ai nấy hăng hái trở lại chuỗi ngày lên nương xuống rẫy dưới mưa dầm nắng. Hòa cùng với tiếng trống, tiếng chiêng là sự cổ vũ của dân làng, những chàng trai tay lao, tay giáo nhảy múa xung quanh con trâu tạo một không khí nhiệt huyết, đầy sức sống.

Như vậy, các giá trị văn hóa của người Jarai như văn hóa công chiêng, nghệ thuật văn hóa nhà rông, điêu khắc tượng gỗ nhà mồ và các lễ hội đâm trâu, lễ hội bò mã, lễ hội lúa mới đã làm nên bản sắc riêng. Dù như các lễ hội ấy có điểm chung là gắn kết sức mạnh cộng đồng và cầu mong thần linh đem đến cho dân làng những điều may mắn và như mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, mọi người trong làng không bị ốm đau, dịch bệnh... Trong các lễ hội ấy khi tiếng công, chiêng vang lên cùng với những điệu múa thì tất cả như hòa vào nhau tạo thành một bản nhạc rộn ràng, đầy lạc quan, báo hiệu những điều tốt đẹp bắt đầu.

2.3. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC JARAI Ở TỈNH GIA LAI

2.3.1. Thuận lợi

Gia Lai, là một tỉnh thuộc Bắc Tây Nguyên là nơi giao thương trọng yếu với các tỉnh miền trung với 34 dân tộc cùng sinh sống, Gia Lai luôn coi trọng công tác phát triển văn hoá, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Sự phát triển của tỉnh Gia Lai những năm qua, đặc biệt là thành tựu sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 đã khẳng định sự quyết tâm cao của toàn Đảng bộ, cùng sự đồng thuận, đoàn kết, thống nhất ý chí của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Quán triệt các nghị quyết, quyết định của Đảng, nhà nước về công tác phát triển văn hoá ở vùng đồng bào dân tộc, tỉnh Gia Lai đã cụ thể hoá những nghị quyết, quyết định của Đảng, nhà nước bằng những chương trình, đề án cụ thể nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc bản địa ở tỉnh nhà. Các cấp ủy đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân đã có những chuyển biến tích cực trong nhận thức về vai trò, vị trí của văn hóa, đưa các giá trị văn hóa thấm sâu vào mọi mặt đời sống nhân dân trong toàn tỉnh.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Gia Lai đã đoàn kết, chỉ đạo xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới. Việc xây dựng môi trường văn hóa và đời sống văn hóa lành mạnh, phong phú luôn được tinh chú trọng. Nhiều công trình văn hóa, khu vui chơi giải trí được đầu tư hiệu quả. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được phát triển sâu rộng. Các phong trào, cuộc vận động như: “Xây dựng gia đình ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”; “Xây dựng gia đình hiếu học”, “Cuộc vận động vì người nghèo”, “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững”... đã tạo được dư luận xã hội tốt và được nhân dân hưởng ứng tham gia tích cực.

Về việc xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội đã có những chuyển biến rõ nét, hạn chế được một số tiêu cực, hủ tục lạc hậu, thủ tục rườm rà trong việc cưới, việc tang. Thực hiện đăng ký kết hôn đúng quy định, việc thách cưới không còn quá nặng nề, một số hủ tục, mê tín dị đoan cơ bản được loại bỏ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (tục chôn chung, nổi dây, ma lai, thuốc thư...). Các lễ hội dân gian của đồng bào dân tộc thiểu số Jarai và Bahnar được rút ngắn lại tổ chức từ 1 đến 2 ngày (trước kia 5 đến 7 ngày). Số lễ vật hiến sinh tới hàng chục con trâu, bò như trước đây không còn, việc ăn uống tại khu vực lễ hội cũng được đảm bảo vệ sinh...

Trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật có nhiều khởi sắc, với 22 công trình nghiên cứu về văn hoá Gia Lai, như: *Luật tục Jarai, Dân ca Jarai, Lễ hội nông nghiệp của người Bahnar, Sứ thi Bahnar...* Nhiều tác phẩm của các lĩnh vực chuyên ngành văn học, nghệ thuật của văn nghệ sĩ Gia Lai ra đời mang đậm dấu ấn mảnh đất, con người Gia Lai và Tây Nguyên.

Về công tác thông tin đại chúng không ngừng được củng cố, phát triển và từng bước hiện đại hoá. Hệ thống phát thanh, truyền hình có bước phát triển quan trọng. Thành tựu của sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và

Công nghệ đã góp phần không nhỏ trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa tinh Gia Lai và là một trong những tiền đề cơ bản để đưa Nghị quyết Trung ương 5 (Khoá VIII) đi vào cuộc sống.

Hiện nay Gia Lai quan tâm việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa nói chung và giá trị văn hoá các dân tộc thiểu số nói riêng. Theo báo cáo thực hiện nghị quyết Trung ương 5 thì “Tỉnh đã tiến hành sưu tầm, bảo quản, trưng bày hơn 7.000 hiện vật về khảo cổ học, dân tộc học và lịch sử của địa phương. Năm 2003, toàn tỉnh có 37 di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, 26 di chỉ khảo cổ, 12 di tích và cụm di tích được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di tích cấp Quốc gia. Các di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh và di tích khảo cổ học đang được bảo tồn, chưa xảy ra tình trạng vi phạm.

Từ năm 2003, ngành văn hóa đã tiến hành điều tra di sản văn hóa phi vật thể trong khu vực người Jarai, thống kê được 427 nghệ nhân thuộc lĩnh vực âm nhạc dân gian. Năm 2005, điều tra trong khu vực người Bahnar, thống kê được 1.748 nghệ nhân âm nhạc dân gian, chủ yếu là sử dụng công chiêng. Năm 2008, toàn tỉnh có 5.655 bộ công chiêng, phần lớn là những bộ công chiêng có giá trị cao, trong đó, huyện Ia Grai có số lượng công chiêng nhiều nhất (1.116 bộ/92 làng). Toàn tỉnh có khoảng 900 nghệ nhân đánh chiêng giỏi và hơn 60 nghệ nhân biết chỉnh chiêng”.

Đặc biệt, không gian văn hóa Cồng Chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại vào ngày 15/11/2005. Tỉnh đã phối hợp tích cực với các ban, bộ, ngành Trung ương tổ chức thành công Festival Cồng chiêng quốc tế tại Gia Lai năm 2009. Đây là một hoạt động văn hóa quan trọng trong công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể, đồng thời là dịp để mở rộng giao lưu với bạn bè quốc tế của đồng bào các dân tộc tỉnh Gia Lai.

Chính sách văn hóa đối với tôn giáo được Gia Lai chú trọng. Tỉnh quan tâm chăm lo phát triển kinh tế, giúp đỡ đồng bào theo đạo xoá đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khoẻ, xây dựng môi trường văn hoá, các cơ sở thờ tự và sinh hoạt tôn giáo đủ điều kiện và đúng pháp luật được xây dựng khang trang hơn, qua đó, đã tạo được sự phấn khởi, tin tưởng của đồng bào vào chính sách tôn giáo của Đảng và nhà nước ta.

Thành tựu ấy đã giúp Gia Lai từ một tỉnh nghèo, lạc hậu trở thành một tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, tình hình chính trị, an ninh ổn định. Quốc phòng được củng cố, khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh được tăng cường, đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. Kinh tế, xã hội phát triển tạo thuận lợi cho văn hóa phát triển. Nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân tiếp tục được nâng cao, tạo động lực cho phát triển văn hóa. Có thể nói, Gia Lai hôm nay đang thay đổi từng ngày, trở thành một vùng đất sôi động, giàu tiềm năng, phấn đấu giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng an ninh, phong phú và đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, đang từng bước trở thành vùng kinh tế động lực của khu vực Bắc Tây Nguyên, khu tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia và là nơi giao lưu văn hóa của khu vực, trong nước và quốc tế.

2.3.2. Khó khăn

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Gia Lai đã và đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa.

Một là, nhận thức về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa ở một số cấp ủy, chính quyền còn ít nhiều hạn chế. Chưa nhận thức đúng vai trò, vị trí của văn hóa trong trong sự nghiệp phát triển đất nước. Chỉ thấy một chiều, văn hóa là kết quả của quá trình chuyển đổi kinh tế xã hội, chưa thấy được văn hóa sẽ tạo động lực cho sự phát triển. Từ đó dẫn tới những chủ trương và

sự chỉ đạo thực tiễn nhiều lúc, nhiều nơi không đáp ứng và làm chủ được những biến đổi đang diễn ra, có biểu hiện xem nhẹ văn hóa, không chú ý đầu tư cho văn hóa. Đời sống nhân dân tuy được cải thiện nhưng vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước. Khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, giữa các tầng lớp dân cư ngày càng xa. Các chương trình quốc gia đầu tư về văn hóa còn dàn trải, lãng phí, kém chất lượng.

Việc đầu tư cho sưu tầm, kiểm kê, bảo vệ và phổ biến các giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số chưa có hệ thống, từ đó dẫn tới mơ hồ trong sự chỉ đạo đánh giá các giá trị văn hóa, cái nào quan trọng, phù hợp với sự phát triển chung cần được bảo vệ, giữ gìn, kế thừa, cái nào cần hạn chế xóa bỏ. Nhận thức, chỉ đạo và định hướng cho các hoạt động giao lưu văn hóa còn thiếu cơ sở khoa học, lúc thì áp đặt, lúc thì quá buông lỏng, lúc thì mang tính thời vụ cho hoạt động du lịch do vậy thường bị động, chưa phát huy được vai trò của giao lưu văn hóa để thúc đẩy sự phát triển văn hóa và xã hội, nhiều khi các hoạt động giao lưu văn hóa còn mang nặng tính hình thức, phong trào, thành tích.

Hai là, công tác quản lý nhà nước về văn hóa còn nhiều hạn chế. Việc khôi phục và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, các di sản văn hóa còn một số bất cập, nhất là việc công nhận nghệ nhân dân gian, chế độ ưu đãi và phát huy vai trò của họ trong việc bảo tồn, lưu giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống còn bỏ ngỏ. Chưa có những biện pháp hữu hiệu để khai thác, bảo quản, giữ gìn, kế thừa và phát huy vốn nghệ thuật dân gian, nhiều giá trị văn hóa truyền thống bị mai một và có nguy cơ bị mất do các nghệ nhân người dân tộc thiểu số ngày một ít dần do nhiều nguyên nhân, các già làng thì khuyết dần. Các hình thức hoạt động văn hóa, văn nghệ thiếu khoa học trong cách thức tổ chức, dàn dựng tiết mục bởi vì đạo diễn, dàn dựng chủ yếu là người Kinh, không có hiểu biết nhiều về phong tục tập quán,

văn hóa truyền thống, thậm chí nhiều người còn không biết một chút ít tiếng dân tộc. Kết quả là người ta dễ dàng nhận thấy những màu sắc văn hóa có cái gì na ná như nhau giữa nền văn hóa của các tộc người khác nhau.

Ba là, các thiết chế văn hoá đã được tăng cường nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội cũng như nhu cầu nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân. Hầu hết các thiết chế văn hoá cơ bản ở cơ sở và các thôn làng còn thiếu và chưa được quy hoạch cơ bản. Việc đầu tư một số công trình văn hoá như chợ, nhà sinh hoạt văn hóa, nhất là nhà rộng văn hoá và nhà sinh hoạt cộng đồng còn mang tính chủ quan, không phù hợp với tâm lý, nhu cầu nguyện vọng, phong tục tập quán của nhân dân nên hiệu quả hoạt động thấp, thậm chí gây lãng phí nghiêm trọng. Vì khi xây xong người dân không đến sinh hoạt nên lại bỏ không.

Bốn là, đầu tư cho hoạt động bảo tồn tinh hoa văn hoá của các dân tộc còn thấp. Các nghệ nhân có nhiều kinh nghiệm, tâm huyết với văn hoá cổ chưa được quan tâm hỗ trợ và đang mất dần. Các làng nghề truyền thống, nghệ thuật điêu khắc, trang phục truyền thống vẫn chưa tìm được “chỗ đứng” trong quá trình đổi mới. Việc triển khai dạy song ngữ còn gặp nhiều khó khăn. Các chương trình ca múa nhạc truyền thống chưa đến được nhiều với số đông quần chúng nhân dân lao động, nhất là đồng bào ở những vùng khó khăn.

Năm là, công tác tuyên truyền giáo dục và vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước cho các hoạt động văn hóa còn chưa đầy đủ, kịp thời. Nhiều phong trào còn chưa sát thực với điều kiện thực tế địa phương cho nên chưa phát huy được hiệu quả.

Sáu là, địa hình toàn tỉnh Gia Lai có hướng thấp dần từ bắc xuống nam, thoải dần từ đỉnh (là trục quốc lộ 14) sang hai phía đông và tây với các đồi

núi, cao nguyên và thung lũng xen kẽ nhau khá phức tạp, sông, suối nhiều chia cắt giao thông. Bên cạnh đó với đặc điểm Tây Nguyên 6 tháng mưa thì lại gây không ít khó khăn như lũ quét cục bộ và gây ngập úng, chia cắt giao thông.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Gia Lai với điều kiện tự nhiên chủ yếu là đồi núi, khí hậu 6 tháng nắng, 6 tháng mưa đã tạo nên bản chất con người nơi đây hiền hòa, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống. Dân tộc Jarai là một trong những dân tộc bản địa của tỉnh, với lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Do khí hậu và địa hình đặc trưng của núi rừng Tây Nguyên nên đã tạo cách sống, sinh hoạt mang bản sắc riêng. Tuy điều kiện kinh tế còn khó khăn nhưng tộc người này có nền văn hóa truyền thống đặc sắc, nhiều giá trị. Đó là, văn hóa vật thể như trồng trọt, săn bắt, hái lượm, nhà ở, trang phục... Văn hóa phi vật thể như tâm linh, tín ngưỡng, lễ hội đã trở thành nét độc đáo của người Jarai. Trong đó có những văn hóa mang lại giá trị tiêu biểu như văn hóa công chiêng, đến nghệ thuật văn hóa nhà rông, đến điêu khắc tượng gỗ nhà mồ và các lễ hội đâm trâu, lễ hội bỏ mã, lễ hội lúa mới... Những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc này thể hiện, trong hành vi và cách thức sinh hoạt hàng ngày của mỗi cá nhân, trong đời sống cộng đồng, trong triết lý sống nói lên tinh thần đoàn kết, tinh thần nhân văn, nhân đạo sâu sắc.

Tuy nhiên, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc Jarai ở Gia Lai hiện nay đạt được một số kết quả quan trọng nhưng vẫn đang đứng trước những khó khăn về chủ quan và khách quan cần phải tháo gỡ. Muốn thực hiện được cần có sự chung tay góp sức của nhiều cấp, nhiều ban ngành, yếu tố quyết định nhất vẫn là ý thức giữ gìn của chính đồng bào Jarai.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ VỀ GÌN GIỮ, PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC JARAI Ở GIA LAI

3.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH CÁC GIẢI PHÁP

3.1.1. Cơ sở lý luận

- Quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin về bảo tồn văn hóa

Trong toàn bộ các tác phẩm kinh điển của mình, Mác dường như không để lại một tác phẩm nào với tư cách là sự trình bày hệ thống các quan điểm của mình về văn hóa. Văn hóa không được Mác đề cập như một lĩnh vực nghiên cứu chuyên biệt, độc lập. Nhưng toàn bộ tư tưởng của Mác về vấn đề này tự nó lại được khái quát lên và thể hiện ra trong hệ thống các quan điểm của phép biện chứng duy vật cũng như duy vật biện chứng về con người và xã hội.

Theo nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin kế thừa là đặc trưng của phủ định biện chứng, là sự kế tiếp và phát triển những gì đã có trong lịch sử cho phù hợp với thời đại mới. Đối với kế thừa trong sự phát triển của văn hóa là sự kế thừa đặc thù có chọn lọc và có phê phán, giữ lại những yếu tố tích cực tiến bộ, là điều kiện để ra đời và phát triển cái mới phù hợp với thời đại. Kế thừa của sự phát triển văn hóa còn chỉ ra con người của thế hệ sau phải kế tục bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, những thành quả của thế hệ trước đó, và tiếp biến làm cho nền văn hóa hiện đại phù hợp với nhu cầu và trình độ phát triển của xã hội mới.

Học thuyết Mác-Lênin về văn hoá được dựa trên những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử về các hình thái kinh tế, xã hội như những giai đoạn phát triển tuần tự từ thấp đến cao của xã hội loài người, về mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Theo đó văn hoá

là tính đặc thù của xã hội, thể hiện mức độ phát triển lịch sử mà con người đạt được. Lênin viết: “Nền văn hoá vô sản không phải từ trên trời rơi xuống, nó không phải là do những người tự cho mình là chuyên gia về văn hoá vô sản bịa đặt ra... văn hoá vô sản phải là sự phát triển hợp quy luật của vốn kiến thức mà loài người đã tạo ra dưới ách áp bức của xã hội tư bản, địa chủ và của xã hội quan liêu” [21, tr. 402]. Sự tiếp biến, tồn tại và phát triển không ngừng của các giá trị văn hóa trong lịch sử chính là đặc thù cơ bản, là bản chất và quy luật của kế thừa biện chứng của văn hóa. Quy luật của kế thừa là phải đi liền với sự mở rộng và giao lưu văn hóa các nước và các dân tộc, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại. Vì rằng các dân tộc tồn tại và phát triển không thể biệt lập mà luôn có mối liên hệ tác động đan xen và giao thoa lẫn nhau trên nhiều phương diện, hơn thế nữa, con người lúc nào cũng luôn vươn tới các giá trị chân, thiện, mỹ. Như vậy, quan điểm về văn hóa của Chủ nghĩa Mác - Lênin bao hàm khá rộng kể cả lĩnh vực hoạt động vật chất và tinh thần gắn với lịch sử phát triển của con người.

Vì vậy, nắm vững được quan điểm biện chứng của Mác và vận dụng sáng tạo trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa sẽ cho ta chìa khóa khám phá thế giới văn hóa đầy bí ẩn. Qua đó giúp chúng ta có những phương pháp, cách thức gìn giữ, phát triển văn hóa trong tình hình mới.

- Quan điểm của Hồ Chí Minh về kế thừa và phát huy văn hóa

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề về văn hoá luôn có một vị trí quan trọng. Những quan điểm của Người về văn hoá là kim chỉ nam để Đảng và nhà nước ta hiện nay tiếp tục kế thừa phát huy cho phù hợp với thời đại mở cửa và hội nhập nhằm xây dựng con người Việt Nam mới. Những quan điểm và hoạt động văn hoá của Người đã góp phần vào sự tiến bộ và phát triển nền văn minh của nhân loại.

Ngày nay việc kế thừa và phát triển văn hóa Việt Nam trong bối cảnh mới dựa trên cơ sở phương pháp luận Hồ Chí Minh, đó là sự vận dụng một cách biện chứng các nguyên lý để giải quyết những vấn đề thực tiễn cho phù hợp với tình hình cụ thể: “không phải cái gì cũ cũng bỏ hết và cái gì cũng làm lại từ đầu”. Những biểu hiện đoạn tuyệt với cái cũ, phủ định cái cũ, phá, bỏ tất cả những gì do xã hội trước để lại, kể cả việc “hiện đại hóa” các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống cũng đều xa lạ với phương pháp luận Hồ Chí Minh. Vận dụng những nguyên lý văn hóa Mác xít và phương pháp luận Hồ Chí Minh trong kế thừa và phát triển văn hóa chúng ta cần quán triệt tư tưởng “cái gì cũ mà xấu phải bỏ, cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý, cái gì cũ mà tốt thì phát triển lên cho phù hợp”. Trong giao lưu và tiếp nhận văn hóa từ bên ngoài cần phải lưu ý tính nguyên tắc đó là tiếp thu có phê phán và chọn lọc những tinh hoa, cũng như sử dụng và phổ biến ở đâu, lúc nào, cho ai cần phải hết sức linh hoạt và cân nhắc cho phù hợp với tình hình cụ thể.

Trong báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ những mục tiêu cơ bản mà cách mạng Việt Nam cần phải đạt được trong lĩnh vực văn hoá là: “Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hoá đế quốc, đồng thời phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hoá tiến bộ thế giới để xây dựng một nền văn hoá Việt Nam có tính dân tộc, khoa học và đại chúng”[23, tr.173].

Chủ trương trên đây thể hiện rõ ràng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giá trị văn hoá dân tộc. Người cho rằng: “Càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin bao nhiêu thì càng phải coi trọng những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cha ông bấy nhiêu”[16, tr154]. Người đòi hỏi phải biết giữ gìn vốn văn hoá quý báu của dân tộc, khôi phục những yếu tố tích cực trong

kho tàng văn hoá dân tộc, loại bỏ những yếu tố tiêu cực trong đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân. Đây là quan điểm bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc có chọn lọc của Hồ Chí Minh.

Tư tưởng bảo tồn các giá trị văn hoá dân tộc không những thể hiện ở dân tộc bản địa mà còn học hỏi các giá trị của các nền văn hóa lớn trên thế giới. Vấn đề này được thể hiện trong sắc lệnh về bảo tồn tất cả cổ tích trong toàn cõi Việt Nam, ký ngày 23/11/1945, tức là ngay sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mới ra đời. Trong đó quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Đông phương Bắc cổ học viện. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến những di sản văn hoá dân tộc. Đối với người những làn điệu dân ca, những áng thơ cổ là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần. Tư tưởng về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo nên sự gắn kết giao thoa giữa các dân tộc khác nhau. Chính điều này đã thúc đẩy sự phát triển văn hoá của mỗi dân tộc, làm cho nó hoàn thiện hơn, phong phú hơn. Người cho rằng: “Văn hoá Việt Nam ảnh hưởng lẫn nhau của văn hoá Đông phương và Tây phương chung đúc lại...Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt ta phải học lấy để phải tạo ra một nền văn hoá Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hoá xưa và văn hoá nay trau dồi cho văn hoá Việt Nam thật có tinh thần thuần túy Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ”[25, tr.30]. Quan điểm văn hoá của Hồ Chí Minh chống lại mọi biểu hiện kỳ thị, độc tôn về văn hoá. Người đề ra chủ trương kế thừa truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc phải đi đôi với việc học tập và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại. Vì vậy, Người kêu gọi phải học cái hay trong từng nền văn hoá của mỗi dân tộc trên thế giới. Dù trong hoàn cảnh nào, cương vị nào Hồ Chí Minh đều có sự am hiểu chi tiết, cụ thể về các danh nhân tiêu biểu của từng nền văn hoá của các dân tộc khác nhau trên thế giới. Người khâm phục học hỏi nền văn hoá phát triển của các dân tộc khác, không kể đó là dân

tộc nào, chế độ chính trị nào. Nhà báo Mỹ đã nhận xét: “Cụ Hồ Chí Minh là một con người yêu mến văn hoá Pháp trong khi chống thực dân Pháp. Một con người biết coi trọng những truyền thống cách mạng Mỹ, khi Mỹ phá hoại đất nước cụ”[33, tr.2].

Những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hoá là kim chỉ nam cho chúng ta trong việc xây dựng một nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trên cơ sở đó nền văn hóa Việt Nam có thể hội nhập và giao lưu với các nền văn hoá khác trên thế giới để cùng nhau phát triển.

- Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa

Quan điểm của Đảng ta về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là quan điểm nhất quán và xuyên suốt thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Bởi vì, di sản văn hóa là tài sản, của cải quý báu kết tinh sự sáng tạo lâu dài của dân tộc do lịch sử để lại, bao gồm các di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Di sản văn hóa không chỉ nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần của nhân dân, góp phần khẳng định niềm tự hào dân tộc, mà còn là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Cho nên, đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, nâng cao trách nhiệm của nhân dân đối với việc bảo vệ và phát huy vai trò của di sản văn hóa dân tộc là công việc cơ bản, cấp bách, cần phải được tiến hành nghiêm túc, kiên trì và thận trọng.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội lần thứ VII (6-1991) đã xác định nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc là một trong sáu đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Như vậy, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu phấn đấu, vừa là một nhiệm vụ trọng yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã chỉ rõ "Nền văn hóa mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc". Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ra nghị quyết riêng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng tiếp tục khẳng định: "Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội" [9, tr.114].

Tháng 7-2004, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã ra kết luận về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong những năm sắp tới. Đại hội lần thứ X của Đảng (4-2006) khẳng định: "Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội" [10, tr. 106].

Nhận thức toàn diện và sâu sắc về phương hướng, đặc trưng, nhiệm vụ và giải pháp để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong những yêu cầu cấp thiết để tạo nên sự thống nhất và đồng thuận xã hội, tạo động lực cho việc triển khai các nghị quyết của Đảng về lĩnh vực văn hóa trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định: "Mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của

dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [9, tr. 114].

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc không thể không chú ý tới nhiệm vụ hết sức quan trọng là bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh: “Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc, các giá trị văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc; tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; khai thác các kho tàng văn hóa cổ truyền. Tiếp thu tinh hoa và góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa của nhân loại. Đấu tranh chống sự xâm nhập của văn hóa độc hại” [9, tr.115].

Cương lĩnh đại hội Đảng XI (2011) khẳng định: “ Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc phát triển toàn diện, thống nhất, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ tiến bộ, trở thành sức mạnh nội sinh của sự phát triển”.

Như vậy, quan niệm của Đảng ta về văn hoá, lý luận văn hoá nằm trong toàn bộ hệ thống lý luận cách mạng. Nó gắn liền với quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn quan tâm đến văn hóa và càng coi trọng hơn trong thời kỳ đổi mới, trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Đại hội Đảng các kỳ VII, VIII, IX, X, XI; các kết luận, chỉ thị của Hội nghị Trung ương các khóa trên đều thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng trong nhìn nhận, đánh giá, chỉ đạo xây dựng và phát triển văn hóa, gắn chặt với chiến lược xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Theo hướng đó, văn hóa phải thực sự trở thành động lực và mục tiêu của sự phát triển, đồng thời đòi hỏi một cơ chế chính sách đảm bảo cho văn hóa và kinh tế cùng phát triển.

- Văn kiện đảng bộ tỉnh Gia Lai về văn hóa

Vấn đề gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa luôn được Đảng và các cấp quan tâm trong đó có đảng bộ và nhân dân tỉnh Gia Lai đã xác định rõ vấn đề này trong nghị quyết đại hội Đảng bộ lần XIV như sau: “Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục thể thao. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào. Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư. Thực hiện nếp sống văn hóa mới, nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; đẩy lùi hủ tục lạc hậu và các tệ nạn xã hội. Tiếp tục làm tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống, tập trung nghiên cứu, chuẩn bị tốt cả về nội dung và hình thức tổ chức, để Festival công chiêng quốc tế trở thành thương hiệu của tỉnh. Triển khai xây dựng tượng đài Bác Hồ với các dân tộc Tây Nguyên đảm bảo đúng tiến độ, có chất lượng tốt. Xúc tiến quy hoạch, xây dựng khu di tích lịch sử văn hóa vùng căn cứ cách mạng của tỉnh; đồng thời trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá khác. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động về văn hóa, thể thao ở những vùng có điều kiện. Có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ văn nghệ sĩ, nghệ nhân trong hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật. Nâng cao chất lượng báo chí, phát thanh truyền hình, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhân dân. Tăng thời lượng phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng tiếng Bahnar, Jarai và phần đầu phát sóng truyền hình của tỉnh qua vệ tinh”. [37, tr.124].

Bên cạnh Nghị quyết Đảng bộ của tỉnh Gia Lai cùng với quan điểm chỉ đạo của Đảng và pháp luật của nhà nước thì vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc hiện nay là một việc làm cấp thiết và đầy ý nghĩa. Vì vậy, ở Gia Lai các cấp, các ngành, đoàn thể tiếp tục triển khai và thực hiện nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” trong điều kiện mở cửa

hội nhập. Nhằm góp sức xây dựng con người mới trong toàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung đó là con người xã hội xã hội chủ nghĩa trong thời đại mới.

Như vậy, từ quan điểm của Mác về kế thừa và phát triển trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật biện chứng đến quan điểm của Hồ Chí Minh về bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa là việc làm hết sức quan trọng và đầy ý nghĩa đặc biệt trong thời kỳ mở cửa hội nhập. Chính vì tầm quan trọng như vậy mà hiện nay Đảng và nhà nước ta đã cụ thể hóa thành nghị quyết trong lĩnh vực văn hóa để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cùng quyết tâm thực hiện xây dựng nền văn hóa mới, con người Việt Nam mới xã hội xã hội chủ nghĩa.

3.1.2. Cơ sở thực tiễn

- Bối cảnh kinh tế xã hội của tỉnh Gia Lai trong thời kì đổi mới

Thứ nhất, về kinh tế của tỉnh Gia Lai trong thời kì đổi mới, đặc biệt từ năm 2005 trở lại đây tình hình phát triển kinh tế, xã hội đã có sự chuyển biến rõ rệt. Gia Lai được xem là một tỉnh có tốc độ phát triển khá so với các tỉnh ở Tây Nguyên trong những năm qua.

Kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực. Theo cục thống kê tỉnh Gia Lai thì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 13,6%/năm, GDP bình quân đầu người đạt 14,54 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, đến nay tỷ trọng nông - lâm nghiệp chiếm 39,84%, công nghiệp - xây dựng chiếm 32,08%, dịch vụ chiếm 28,07%.

Nông nghiệp tăng trưởng bình quân 6,36%/năm. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi chuyển dịch theo hướng đa dạng, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Ngành chăn nuôi duy trì được tốc độ tăng trưởng, công tác phòng chống dịch bệnh được chú trọng, nhiều mô hình chăn nuôi trang trại theo hướng công nghiệp bước đầu phát huy hiệu quả.

Công tác trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng

và xử lý các vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng được triển khai tích cực. Đã trồng mới 16,5 nghìn ha rừng. Công tác giao đất, giao rừng, khoán quản lý bảo vệ rừng được chú trọng, từng bước nâng cao thu nhập của người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

Công nghiệp, xây dựng tăng trưởng bình quân 23,97%/năm. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp năm 2010 gấp 3,35 lần năm 2005, tăng bình quân 28,1%/năm. Đã chú trọng triển khai quy hoạch và thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp tập trung, các vùng kinh tế động lực như Pleiku, An Khê, Ayun Pa, Chư Sê... Một số ngành công nghiệp có lợi thế như chế biến nông - lâm sản, thủy điện, khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng tiếp tục được đầu tư và mở rộng quy mô sản xuất, góp phần quan trọng trong phát triển công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Thương mại, dịch vụ tăng trưởng bình quân 14,98%/năm. Thị trường hàng hóa phong phú, đa dạng, hệ thống phân phối hàng hóa được củng cố, mở rộng. Các mặt hàng chính sách được cung ứng kịp thời đến các đối tượng ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Hoạt động xuất khẩu chuyên biến tích cực, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khá với các mặt hàng chủ lực như cà phê, cao su, hồ tiêu, gỗ tinh chế. Các ngành dịch vụ như bưu chính viễn thông, vận tải, ngân hàng, bảo hiểm... phát triển nhanh đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

Hoạt động tài chính, ngân hàng chuyển biến tích cực. Khai thác có hiệu quả các nguồn thu, thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 21,7%.

Thứ hai, về văn hóa xã hội của tỉnh Gia Lai trong thời kì đổi mới. Lĩnh vực văn hóa, xã hội đạt được những kết quả quan trọng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiếp tục được đầu tư và phát triển. Giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển và đạt được một số kết

quá quan trọng. Quy mô các bậc học, ngành học và hệ thống trường lớp tăng nhanh. Chất lượng giáo dục được nâng lên, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp tăng đều qua các năm, nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh và quốc gia. Hoạt động khoa học và công nghệ được quan tâm, đã chú trọng nghiên cứu triển khai và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Công tác chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh cho nhân dân đạt được một số kết quả tích cực. Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe được quan tâm, nhất là các đối tượng thuộc diện chính sách và người nghèo. Công tác giám sát, phòng chống dịch bệnh được triển khai đồng bộ, hiệu quả, không để xảy ra dịch lớn. Các chương trình quốc gia về y tế thực hiện có kết quả, các bệnh xã hội, dịch bệnh đều giảm. Đội ngũ cán bộ y tế tăng về số lượng và chất lượng, đến nay đạt 5,2 bác sỹ/1 vạn dân, tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ đạt 60%. Chủ trương xã hội hóa y tế được chú trọng triển khai.

Văn hoá - thông tin, thể dục thể thao phát triển và ngày càng nâng cao về chất lượng. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng làng văn hóa được triển khai. Công tác nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc đạt được một số kết quả tích cực. Nhiều sự kiện văn hóa có ý nghĩa về chính trị xã hội và nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào các dân tộc trong tỉnh được tổ chức thành công, tạo nên không khí vui tươi, phấn khởi trong cộng đồng các dân tộc trong tỉnh.

Các hoạt động báo chí, phát thanh truyền hình, xuất bản phát triển đa dạng, chất lượng ngày càng được nâng lên, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Báo Gia Lai, Đài Phát thanh, truyền hình đã có nhiều chuyên trang,

chuyên mục phong phú và chất lượng, nhất là đã tăng số lượng, thời lượng và chất lượng các ấn phẩm, chuyên mục bằng tiếng Bahnar, Jarai. Văn học nghệ thuật không ngừng phát triển, đã có một số tác phẩm văn học, nghệ thuật đạt giải trong và ngoài nước.

Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên. Chất lượng cuộc sống của người dân được nâng lên rõ rệt, GDP bình quân đầu người năm 2010 gấp 2,82 lần so với năm 2005. Công tác xóa đói giảm nghèo đạt được nhiều kết quả quan trọng tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, từ 29,8% (năm 2005) xuống còn 10,8% (năm 2010).

Đời sống vật chất, tinh thần và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân ngày càng khá hơn; 100% xã có điện thoại, đạt 20 thuê bao cố định/100 dân; 100% thôn, làng, 95% số hộ được dùng điện; 80% dân cư nông thôn dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 95% số hộ được xem truyền hình; gần 100% số hộ được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam; 85% hộ gia đình văn hóa, 75% thôn, làng, tổ dân phố văn hóa.

Thực hiện chính sách dân tộc đạt được một số kết quả quan trọng. Đã huy động nhiều nguồn lực, lồng ghép nhiều chương trình mục tiêu, dự án, ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bộ mặt nông thôn chuyển biến tích cực. Đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt được quan tâm giải quyết. Nhà ở tạm bợ, dột nát giảm nhanh. Đến nay 99,2% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được định canh định cư, mặt bằng dân trí được nâng lên. Đội ngũ cán bộ người dân tộc tại chỗ được quan tâm đào tạo. Văn hóa truyền thống của các dân tộc được gìn giữ và phát huy; đoàn kết giữa các dân tộc tiếp tục được củng cố, ngăn chặn có hiệu quả hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc để phá hoại khối đại đoàn kết, làm mất ổn định chính trị - xã hội của các thế lực thù địch.

Có thể nói kinh tế xã hội của tỉnh Gia Lai trong những năm gần đây

không ngừng được cải thiện rõ rệt. Bộ mặt kinh tế xã hội đã thay đổi nhanh chóng từ thành thị đến nông thôn. Đạt được kết quả như vậy là do sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh và sự quan tâm của các cấp lãnh đạo cũng như sự quyết tâm của nhân dân trong toàn tỉnh.

- Kinh nghiệm thành công và hạn chế của sự phát triển văn hóa ở Gia Lai trong những năm qua

Cán bộ và nhân dân luôn ý thức tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Trên tinh thần đó Đảng bộ Gia Lai luôn chăm lo sự nghiệp phát triển văn hoá, nhất là từ khi có Nghị quyết Trung ương 5, khoá VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; Chi thị số 27 của Bộ Chính trị, khoá VIII về “Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội”. Quá trình lãnh đạo và tổ chức thực hiện đã thu được những kết quả như sau.

Thứ nhất, về giá trị văn hóa vật thể, Bảo tàng tỉnh Gia Lai đã sưu tầm được hàng ngàn hiện vật, bao gồm hiện vật khảo cổ học, hiện vật dân tộc học và hiện vật lịch sử địa phương có giá trị về lịch sử, văn hóa như công cụ đá, bàn mài, gốm, đồ trang sức... của cư dân thời tiền sử; trống đồng An Thành; những di vật liên quan đến văn hoá Chăm-pa, đến hoạt động của phong trào Tây Sơn trên vùng Thượng đạo... Tất cả đã phản ánh được phần nào đời sống của các dân tộc bản địa từ thời tiền sử cho đến hiện nay.

Hiện nay, Gia Lai đã tiến hành sưu tầm, bảo quản, trưng bày hơn 7.000 hiện vật về khảo cổ học, dân tộc học và lịch sử của địa phương. Năm 2003, toàn tỉnh có 37 di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, 26 di chỉ khảo cổ, 12 di tích và cụm di tích được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di tích cấp Quốc gia. Từ những di tích lịch sử cổ, trung đại như Plei Oi (làng của Ptao Apui-thường được dịch là “Vua lửa”); Lũy An Khê, An Khê trường, kho tiền Boók Nhạc (những di tích về tụ nghĩa của anh em Tây Sơn

trên đất Thượng đạo), cho đến những di tích cách mạng kháng chiến như làng kháng chiến Sitor, chiến thắng Đăk Pơ, chiến thắng đường 7 Sông Bờ, chiến thắng PleiMe... đã phản ánh khá rõ nét tiến trình lịch sử cũng như cảnh quan thiên nhiên của địa phương.

Hai là, về văn hóa phi vật thể, thông qua tổ chức các hội thi văn hoá nghệ thuật quần chúng, hội thi văn hoá - nghệ thuật các dân tộc thiểu số của tỉnh. Tỉnh đã xây dựng nhà văn hoá với nhiều chức năng, xây dựng nhà văn hoá truyền thống; phục hồi và duy trì hoạt động của các đội văn nghệ quần chúng, các đội công, chiêng ở các buôn, làng mà nòng cốt là các nghệ nhân và lực lượng thanh, thiếu niên, đã góp phần khai thác được tính cộng đồng, nhu cầu tham gia các hoạt động lễ hội của nhân dân, của tuổi trẻ, ngăn chặn được nạn “cháy máu” công, chiêng. Theo thống kê của Sở văn hóa thể thao và du lịch từ năm 2003, ngành văn hóa đã tiến hành điều tra di sản văn hóa phi vật thể trong khu vực người Jarai, thống kê được 427 nghệ nhân thuộc lĩnh vực âm nhạc dân gian. Năm 2005, điều tra trong khu vực người Bahnar, thống kê được 1.748 nghệ nhân âm nhạc dân gian, chủ yếu là sử dụng công chiêng. Năm 2008, toàn tỉnh có 5.655 bộ công chiêng, phần lớn là những bộ công chiêng có giá trị cao, trong đó, huyện Ia Grai có số lượng công chiêng nhiều nhất (1.116 bộ/92 làng). Toàn tỉnh có khoảng 900 nghệ nhân đánh chiêng giỏi và hơn 60 nghệ nhân biết chinh chiêng.

Đến tháng 11- 2005 UNESCO đã công nhận công, chiêng Tây Nguyên là kiệt tác truyền khẩu, di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại. Trong đó, Gia Lai đã có những đóng góp quan trọng trong việc sưu tầm, cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu... để lập hồ sơ đề nghị công nhận. Đây là niềm tự hào của cả nước nói chung và Gia Lai nói riêng.

Các lễ hội truyền thống, các làn điệu dân ca, phục hồi và duy trì nghề dệt thổ cẩm, điêu khắc, đan lát, nhạc khí... cũng được quan tâm đầu tư và đạt được

nhiều kết quả. Việc phục hồi luật tục Jarai, Bahnar cùng với pháp luật của Nhà nước góp phần xây dựng quy ước, hương ước ở các buôn, làng có tác dụng trong việc xây dựng đời sống văn hóa mới. Đặc biệt việc tái bản 2 cuốn từ điển Việt - Jarai và từ điển Việt - Bahnar là cơ sở khoa học để xây dựng giáo trình dạy song ngữ để phục vụ cho công tác giảng dạy tiên địa phương trong trường học.

Về văn học nghệ thuật dân gian, đã có nhiều khởi sắc, với 22 công trình nghiên cứu về văn hoá Gia Lai, như: *Luật tục Jarai, Dân ca Jarai, Lễ hội nông nghiệp của người Bahnar, Sử thi Bahnar...* Nhiều tác phẩm thuộc các lĩnh vực chuyên ngành văn hóa nghệ thuật của văn nghệ sĩ Gia Lai ra đời mang đậm dấu ấn mảnh đất, con người Gia Lai và Tây Nguyên.

Phong tục, tập quán, lối sống, nếp sống, nghề thủ công... của cư dân lâu đời ở Gia Lai cũng là vấn đề được các nhà khoa học Trung ương và địa phương quan tâm. Thời gian qua, đã xuất bản được những ấn phẩm mang ý nghĩa lịch sử to lớn như: *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Kon Tum* (Nhà xuất bản Khoa học xã hội 1981), *Nhà mồ và Tượng mồ Bắc Tây Nguyên* (1990), *Nhà Rông các dân tộc Bắc Tây Nguyên* (1991), *Hôn nhân và gia đình truyền thống của các dân tộc Trường sơn - Tây Nguyên* (1994), *Lễ bỏ mả Bắc Tây Nguyên* (1995), *Văn hoá cổ truyền Tây Nguyên* xuất bản năm 1996, và gần đây là công trình Lễ trưởng thành của người Bahnar do Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa - Thông tin và Du lịch) thực hiện đã được đánh giá cao.

Tất cả những kết quả trên khẳng định việc xây dựng và gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc trên địa bàn Gia Lai đã có nhiều tiến bộ và đóng góp không nhỏ vào việc xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Mặt khác, quá trình đổi mới và hội nhập cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự giao thoa giữa các nền văn hóa, giúp cho văn hoá của mỗi dân tộc vừa giữ được bản sắc riêng vừa tiếp thu những tinh hoa văn hoá

của các dân tộc khác, của nhân loại, thông qua các hoạt động giao lưu văn hoá của các địa phương, của khu vực, của quốc gia và giao lưu văn hoá quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Gia Lai đã và đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa thể hiện ở những lĩnh vực sau.

Chưa quan tâm phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, từ đó, đầu tư cho phát triển văn hóa chưa tương xứng, thậm chí còn coi nhẹ hơn so với kinh tế. Các chương trình quốc gia đầu tư về văn hóa còn dàn trải, lãng phí, kém chất lượng. Dẫn đến đời sống nhân dân tuy được cải thiện nhưng vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước. Khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, giữa các tầng lớp dân cư giữa thành thị và nông thôn ngày càng xa.

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa còn nhiều hạn chế. Việc khôi phục và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc Bana và Jarai, các di sản văn hóa còn một số bất cập. Việc công nhận nghệ nhân dân gian, chế độ ưu đãi và phát huy vai trò của các nghệ nhân, già làng trưởng bản trong việc bảo tồn, lưu giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống chưa được quan tâm đúng mức.

Các thiết chế văn hoá đã được tăng cường nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội cũng như nhu cầu nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân. Hầu hết các thiết chế ở cơ sở chưa được quy hoạch cơ bản mà nếu có thì vẫn còn thiếu thốn nhiều, chưa đáp ứng được yêu cầu thường thức của nhân dân. Việc đầu tư một số công trình văn hóa như nhà rồng văn hoá và nhà sinh hoạt cộng đồng còn mang nặng tính chủ quan, không phù hợp với tâm lý, nhu cầu nguyện vọng của nhân dân. Nên khi xây dựng xong hiệu quả đi vào hoạt động thấp, thậm chí bị bỏ hoang, gây lãng phí nghiêm trọng.

Đầu tư cho hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị tinh hoa văn hoá của các dân tộc còn thấp. Các nghệ nhân già làng, trưởng bản có nhiều kinh

nghiệm, tâm huyết với giá trị văn hoá của dân tộc mình chưa được quan tâm hỗ trợ và đang mất dần. Các làng nghề truyền thống, nghệ thuật điêu khắc, trang phục truyền thống bị mai một dần do sự tác động mạnh của cơ chế thị trường và sự phong phú của hàng hóa. Vì vậy các làng nghề truyền thống chưa tìm được “chỗ đứng” trên thị trường trong quá trình đổi mới. Việc triển khai dạy song ngữ trong các cấp học gặp còn gặp nhiều khó khăn. Những lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc diễn ra mang tính tự phát, lễ tế nên chưa đến được với số đông quần chúng nhân dân lao động, nhất là đồng bào ở những vùng khó khăn.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

3.2.1. Các giải pháp

- Các giải pháp về kinh tế

Với tư cách là nhân tố thúc đẩy sự phát triển đời sống tinh thần của xã hội, văn hóa được đặt trong mối quan hệ biện chứng với chính trị, kinh tế, xã hội. Xuất phát từ tính có trước và quyết định của vật chất đối với ý thức, phát triển kinh tế là để nâng cao đời sống vật chất, nâng cao mức sống và tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển văn hóa. Phát triển kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng cơ sở của việc xây dựng kiến trúc thượng tầng, xây dựng văn hóa xã hội của con người mới, do đó cần.

Thứ nhất, đầu tư hoàn thiện dần cơ sở hạ tầng kinh tế như điện, đường, trường, trạm đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế.

Thực tế cuộc sống của người Jarai bó hẹp trong phạm vi làng. Địa hình cách trở bởi sông, suối và đồi núi nên việc thông thương đi lại gặp nhiều khó khăn. Việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế là cấp bách nhằm mục đích thúc đẩy phát triển kinh tế ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đường, mở rộng thông thương, giao lưu kinh tế, văn hóa giữa

các xã với các trung tâm huyện thị, tạo điều kiện cho người dân đi lại và giao lưu hàng hóa thuận lợi, dễ dàng. Việc đầu tư, hoàn thiện hệ thống điện cung cấp đến các hộ dân góp phần đem ánh sáng văn minh đến vùng sâu, vùng xa. Đầu tư xây dựng trường học, cơ sở vật chất, đảm bảo điều kiện cho sự phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí.

Hiện nay, cơ sở hạ tầng kinh tế ở vùng sâu, vùng xa chưa được quan tâm nhiều, do tập trung thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa.. ở các vùng trung tâm và đô thị. Dẫn đến sự chênh lệch về kinh tế và cơ sở hạ tầng, các điều kiện cho phát triển kinh tế giữa miền xuôi và miền ngược rất lớn. Trong khi, tiềm năng kinh tế vùng núi Tây Nguyên như tài nguyên rừng, khoáng sản, cây công nghiệp... chưa có giải pháp khai thác hiệu quả. Do đó, việc đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế là giải pháp cấp bách nhất nhằm phát triển kinh tế- xã hội, xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và người Jarai nói riêng.

Trong văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần XIV cũng đã xác định “Vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng: Chú trọng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, tài nguyên rừng. Đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn như giao thông, thủy lợi, khai hoang xây dựng đồng ruộng và các công trình văn hóa xã hội. Phát triển du lịch sinh thái, du lịch lịch sử, văn hóa. Tiếp tục huy động các nguồn vốn đầu tư và lồng ghép nhiều chương trình mục tiêu của nhà nước để thúc đẩy kinh tế xã hội của các xã phát triển nhanh, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Ổn định định canh định cư, từng bước chuyển biến phương thức canh tác, xóa bỏ hủ tục lạc hậu, nâng cao dân trí, cải thiện điều kiện ăn, ở, vệ sinh, phòng chống dịch bệnh.” [37, tr.65].

Thứ hai, quy hoạch tái định cư cho dân để đảm bảo an cư và tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, đảm bảo lương thực tại chỗ cho miền núi Tây Nguyên. Bên cạnh đó, nhà nước cần hỗ trợ vốn ban đầu để người dân đầu tư mở rộng các mô hình kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, kinh tế trang trại và tiểu thủ công nghiệp.

Từ cách thức sinh hoạt kinh tế, sản xuất của người Jarai là kinh tế nương rẫy, dụng cụ thô sơ, lấy sức lao động tay chân là chính gắn với cách thức tự cung, tự cấp. Nên phải mở rộng quy mô sản xuất và phát triển tiểu thủ công nghiệp bằng việc hỗ trợ vốn, đầu tư trang thiết bị, hướng người dân vào xu thế canh tác tập trung, có trọng điểm, mở rộng quy mô đầu tư sản xuất lâu dài và có sản phẩm để trao đổi với bên ngoài. Từ đó, đảm bảo an cư lập nghiệp, tập trung vùng sản xuất, đảm bảo khai thác hiệu quả tài nguyên đất và mô hình sản xuất đặc thù ở vùng núi Tây Nguyên nhằm khắc phục tình trạng du canh và phát rừng đầu nguồn làm nương rẫy.

Trong những năm gần đây, Gia Lai đã chú trọng khai thác, sử dụng thủy điện, đã và đang xây dựng nhiều nhà máy thủy điện như Yaly, An Khê, Sê san... dẫn đến một diện tích đất canh tác, một số làng bản của đồng bào đã bị chìm ngập trong nước. Khi tái định cư, cơ chế tái định cư nơi ở mới chưa thỏa đáng, nhà cửa làng bản được xây mới nhưng lại không phù hợp với phong tục truyền thống, dẫn đến hệ lụy là có nguy cơ mai một bản sắc văn hóa dân tộc, bắt đầu từ việc thay đổi phương thức sinh hoạt và từ sự thiếu đất sản xuất nông nghiệp... Bên cạnh đó, người dân miền núi đã và đang chịu tác động tiêu cực từ việc khai thác tài nguyên thiên nhiên. Việc khai thác thủy năng xây dựng thủy điện đã mở đường tiếp tay cho nạn khai thác trái phép tài nguyên rừng và khoáng sản, gây đảo lộn nhịp sống truyền thống của người dân vùng núi.

Thứ ba, trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ dịch vụ nông nghiệp và đầu tư giống cây trồng, con vật nuôi đến từng hộ dân.

Từ sự hạn chế về trình độ nhận thức của người Jarai cho nên việc áp dụng kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp dường như là chưa có. Vì vậy cần phải trực tiếp hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ nông nghiệp, nâng cao ý thức áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất là việc làm hết sức quan trọng. Thực tế, địa phương đã có chính sách hỗ trợ giống cây trồng và con vật nuôi nhưng lại thiếu hỗ trợ hoặc có nhưng chưa đến nơi về mặt khoa học kỹ thuật phục vụ cho sản xuất. Vì vậy, kết quả chưa đạt được theo mong muốn chủ trương đề ra.

Một khía cạnh khác nữa là, từ tập quán trồng lúa rẫy và khai thác tài nguyên rừng, người Jarai chưa chú ý khai thác nhiều diện tích lúa nước và chưa chú trọng trồng rừng, trồng cây công nghiệp, đây là hạn chế cần khắc phục. Việc mở rộng diện tích lúa nước ở vùng đồng bào dân tộc Jarai là nhiệm vụ cấp thiết nhằm đảm bảo lương thực tại chỗ. Vì hiện nay diện tích đất rẫy trồng lúa bị thu hẹp dần do nhiều yếu tố như bạc màu, sạt lở, hay bị người Kinh mua để trồng cây công nghiệp... Và nếu khắc phục được các vấn đề trên thì sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất là lương thực cho đồng bào dân tộc ở Gia Lai nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

Từ những thuận lợi và khó khăn, giải pháp về phát triển kinh tế có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Ông cha ta có câu “có thực mới vực được đạo” nếu kinh tế của người Jarai ổn định thì chắc rằng các thiết chế văn hóa sẽ gìn giữ và phát huy.

- Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc Jarai ở Gia Lai phải gắn liền với công tác y tế và giáo dục đào tạo

Thứ nhất, đẩy mạnh phát triển y tế, giải pháp hết sức quan trọng trong điều kiện hiện nay ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc.

Việc phát triển y tế cần chú trọng mở rộng mạng lưới y tế cấp xã, y tế thôn bản, đảm bảo chăm sóc y tế cộng đồng, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, tạo thói quen cho người dân đến các cơ sở y tế để khám chữa bệnh.

Qua khảo sát người Jarai thường xuất hiện các loại bệnh sốt rét, sốt xuất huyết, tiêu chảy, giun sán, đau mắt hột, lao phổi, bứu cổ... Để phòng tránh các dịch bệnh trên thì phải mở rộng mạng lưới y tế cơ sở cả về số lượng và chất lượng, mỗi xã phải có ít nhất một bác sĩ, y tá và phải có chế độ thỏa đáng cho đội ngũ y bác sĩ ở vùng sâu, vùng xa. Tăng cường giáo dục sức khỏe cộng đồng, vệ sinh phòng bệnh cho đồng bào bằng nhiều hình thức phong phú, màn chống muỗi, vệ sinh nguồn nước, xóa các thủ tục lạc hậu cúng bái để chữa bệnh, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. Thực hiện chế độ khám miễn phí cho vùng đồng bào dân tộc. Có chính sách đào tạo cán bộ y tế người Jarai và khuyến khích đội ngũ cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa, ở các trạm xá nên đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố, có đủ trang thiết bị để cấp cứu ban đầu các bệnh thường gặp. Hiện nay, có một sự thật bất cập là ở các trung tâm y tế xã và huyện được đầu tư trang thiết bị tương đối khang trang nhưng đội ngũ cán bộ y tế lại không đáp ứng được yêu cầu. Vì vậy phải có chính sách đào tạo và đào tạo lại đội ngũ y bác sĩ để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Để nâng cao chất lượng y tế cần có chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với những người làm công tác y tế đặc biệt là người đồng bào dân tộc, để họ tự nguyện và yên tâm công tác ở vùng sâu, vùng xa.

Bên cạnh việc tích cực triển khai có kết quả các chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, công tác y tế cần chú ý đến sự hài hòa giữa những bài thuốc cổ truyền của người địa phương với phương pháp chữa bệnh Tây y hiện đại. Nếu dịch vụ y tế thực sự đến với người dân, bên cạnh việc nâng cao sức khỏe cộng đồng thì sự phát triển của y tế sẽ tác động tích cực vào văn hóa, theo cách nâng cao nhận thức

của người dân về vấn đề y học, khoa học, kỹ thuật và khắc phục những hủ tục lạc hậu, tình trạng mê tín, dị đoan trong đời sống cộng đồng dân tộc Jarai nói riêng và đồng bào dân tộc Tây Nguyên nói chung.

Thứ hai, không thể nào thực hiện bình đẳng dân tộc, chiến thắng được nghèo nàn, lạc hậu, không thể giữ gìn bản sắc văn hóa nếu không phát triển giáo dục, mở mang dân trí. Giải pháp về giáo dục cần chú trọng vào vấn đề chất lượng dạy và học, nâng cao trình độ dân trí ở vùng sâu, vùng xa, từ đó góp phần nâng cao nhận thức, ý thức của người dân đối với vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Giáo dục đào tạo ở đây phải toàn diện, ngay từ khi các em đặt chân đến trường tìm chữ thì phải giáo dục cho các em ý thức tự gìn giữ giá trị bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Giải pháp giáo dục phải thực hiện thường xuyên và không chỉ riêng ngành giáo dục mà phải kết hợp với các ngành khác để thực hiện đồng thời hai mặt. Mặt thứ nhất là tuyên truyền, vận động học sinh đến trường, giúp những hộ dân và con em họ ý thức vai trò của việc học, và vai trò của tri thức trong đời sống. Mặt thứ hai là đảm bảo điều kiện vật chất, kinh tế gia đình cho con em theo học, khắc phục tình trạng bỏ học giữa chừng. Để khắc phục được trình độ dân trí thấp thì chúng ta cần phải mở rộng các trường nội trú tỉnh, huyện, các điểm trường, các hình thức bán trú dân nuôi để con em đồng bào đi học thuận lợi hơn. Ngoài việc học văn hóa còn phải thực hiện bổ túc văn hóa cho cán bộ cơ sở, mở các lớp bồi dưỡng về kỹ thuật nông, lâm nghiệp, chăn nuôi, phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật là người Jarai. Sau khi học xong trung học cơ sở hay trung học phổ thông mà không có nhu cầu học tiếp thì chuyển sang trung tâm xúc tiến việc làm của huyện, tỉnh để dạy nghề, nhanh chóng tạo ra đội ngũ cán bộ kỹ thuật cho địa phương.

Xã hội hóa triệt để công tác xóa mù chữ cho đồng bào dân tộc Jarai, khuyến khích những người đi học. Ở Gia Lai trong những năm qua đã thực

hiện nhiều chính sách và đã thu hút được số lượng học sinh đến trường tương đối đông. Cần phải phát huy và mở các thêm nhiều mô hình bán trú dân nuôi, để thu hút học sinh tới trường. Nên giao khoán chi tiêu cho các làng bản, các dòng họ để tạo nên sự thi đua giữa dòng họ này với dòng họ khác. Cần đưa ra nhiều chính sách thiết thực gắn gũi với đồng bào để họ cho con em mình đến trường.

Chăm lo đào tạo đội ngũ cán bộ, giáo viên là người dân tộc Jarai. Xây dựng được đội ngũ giáo viên người Jarai để dạy học cho dân tộc mình là việc làm có ý nghĩa chiến lược. Bên cạnh đào tạo giáo viên người Jarai phải có chính sách khuyến khích đội ngũ giáo viên yên tâm công tác ở vùng sâu, vùng xa. Trong công tác giáo dục ở miền núi, vùng sâu, vùng xa cũng cần chú ý đến việc giáo dục tiếng mẹ đẻ và có biện pháp xây dựng cho thế hệ trẻ ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc mình cũng như giúp chúng nhận thức những phong tục, tập quán những giá trị văn hóa tốt đẹp trong đời sống.

Tựu chung lại, vai trò của giáo dục và đào tạo có ý nghĩa rất to lớn đối với công cuộc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc Jarai. Giáo dục và đào tạo không chỉ đi sâu vào phát triển con người mà phải gắn liền với bảo tồn và phát triển văn hóa của dân tộc Jarai nói riêng và văn hóa truyền thống của các dân tộc anh em trên cả nước nói chung.

- Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc Jarai phải gắn liền với việc giáo dục chính trị tư tưởng, củng cố an ninh quốc phòng ở Gia Lai hiện nay

Giải pháp về chính trị là một những giải pháp quan trọng nằm trong hệ cơ cấu kinh tế - chính trị - văn hóa của một xã hội. Do đặc thù của vùng miền núi, vùng biên giới Việt - Campuchia và Gia Lai là “điểm nóng” ở Tây Nguyên về tôn giáo và dân tộc trong những năm hiện nay, nên vấn đề tư

tướng - chính trị được đặt ra một cách cấp thiết. Theo đó, cần chú trọng một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục về chính trị tư tưởng, giúp đồng bào nâng cao nhận thức, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.

Do điều kiện miền núi nên Gia Lai bị cách trở bởi địa hình, giao thông đi lại khó khăn, thông tin liên lạc đến với người dân chậm nên cần chú trọng thực hiện giải pháp này. Thực hiện nhiều giải pháp nhưng quan trọng hơn cả là phát huy vai trò của đảng bộ, chi bộ, của chính quyền, mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp, vai trò của già làng... để trực tiếp phổ biến, tuyên truyền về chính trị tư tưởng, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước đến từng người dân, từng hộ gia đình nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chính trị trong nhân dân, đồng thời góp phần thực hiện thắng lợi công tác xóa đói giảm nghèo, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng thôn văn hóa, gia đình văn hóa. Bên cạnh đó, phát huy vai trò của ngành tư pháp ở địa phương trong việc phổ biến kiến thức về luật, vận động nhân dân xóa bỏ dần những hủ tục trong đời sống.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đồng bào Jarai đã theo cách mạng có công cưu mang, nuôi giấu cán bộ cách mạng, bộ đội. Tinh thần này cần phải được phát huy hơn nữa trong thời bình. Muốn vậy, các cấp ủy Đảng, chính quyền cần phải xây dựng các chương trình hành động cụ thể, công tác dân vận phải thiết thực. Đối với mỗi cán bộ, đảng viên ngoài việc thực thi chính sách công, phải tận tụy với đồng bào để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đồng bào một cách nhanh nhất, chính xác nhất để tham mưu cho Đảng, chính quyền đề ra những chính sách phù hợp, kịp thời, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của đồng bào. Đặc biệt hiện nay phải củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng, nhà nước, góp phần chống lại những luận điệu xuyên

tạc, lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của đồng bào để lôi kéo làm việc xấu, chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Thứ hai, giải quyết hài hòa vấn đề dân tộc, tôn giáo. Mặc dù vấn đề dân tộc, tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc Jarai chưa trở thành điểm nóng như những đồng bào dân tộc khác ở Tây Nguyên, nhưng hiện nay các thế lực thù địch đang lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, nhà nước ta để truyền đạo trái phép ở một số khu vực. Nhân hoàn cảnh đồng bào Jarai còn khó khăn về kinh tế, thấp kém về trình độ học vấn và trình độ nhận thức, các thế lực thù địch đang dùng lợi ích vật chất để mua chuộc, lôi kéo đồng bào, gieo rắc niềm tin tôn giáo mù quáng làm mê muội đồng bào để xúi giục họ gây rối trật tự xã hội, tham gia các tổ chức chính trị phản động. Trước thực trạng đó, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương phải thường xuyên theo dõi, tăng cường giám sát hoạt động tôn giáo để nắm bắt tình hình, ngăn chặn kịp thời những biểu hiện tiêu cực, tránh xảy ra căng thẳng và hình thành điểm nóng.

- Đảm bảo tính truyền thống và hiện đại trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc Jarai ở Gia Lai

Văn hóa dân tộc Jarai là bộ phận quan trọng của văn hóa các dân tộc Việt Nam. Kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc này là góp phần vào sự nghiệp xây dựng nền văn hóa chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Quá trình thực hiện công tác này đòi hỏi phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa yếu tố truyền thống và hiện đại.

Giải pháp này đề ra những cách thức trực tiếp, cụ thể chú trọng vào vấn đề bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc Jarai trên cơ sở nhận thức điểm mạnh và khó khăn trong công tác văn hóa ở địa phương. Giải pháp về văn hóa phải thực hiện đồng thời hai mặt phát huy những giá trị, những

yếu tố tích cực và xóa bỏ những phong tục, tập quán lạc hậu, gây cản trở sự phát triển văn hóa.

Thứ nhất, chú trọng khôi phục không gian sinh hoạt văn hóa làng bản

Chính không gian văn hóa làng bản đã gắn kết cuộc sống cộng đồng các dân tộc trong lao động sản xuất hàng ngày, tâm linh, quan hệ gia đình và xã hội. Người Jarai có ý thức cao về dòng tộc, làng là gốc, tinh thần tập thể, không gian sinh tồn, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi đối với làng của từng cá nhân. Có thể nói từng cá nhân trong từng gia đình chịu sự chi phối bởi ý chí chung của làng bản nơi họ sinh ra và lớn lên. Nếu không gian làng bản mất đi, thì tính gắn kết cộng đồng không còn nữa, mô hình tự quản truyền thống bị phá vỡ thì các giá trị văn hóa cũng bị phá vỡ theo. Vì thực tế, hiện nay ở Gia Lai, đã có nhiều khu tái định cư được quy hoạch bởi các nhà quản lý kinh tế nên có làng bản, có khu định cư mới nhưng không mang màu sắc tâm linh, có nhà ở, nhà sinh hoạt cộng đồng (nhà ở và nhà rông làm bằng bê tông, cốt thép khung trảng) nhưng không ai tới lui, thậm chí bỏ hoang. Từ đó, không gian làng bản, không gian sinh hoạt cộng đồng bị phá vỡ dẫn đến nguy cơ mai một các giá trị văn hóa. Vì vậy, khi quy hoạch tái định cư hay xây dựng nông thôn mới cần chú trọng đến không gian làng bản nơi mà mỗi cá nhân, mỗi gia đình đang gắn kết với nhau bao đời nay.

Những đặc điểm tâm lý, tính cách của người Jarai và không gian văn hóa làng bản đã nêu trên không chỉ là nguồn cội nuôi dưỡng truyền thống tốt đẹp của người Jarai mà nó còn trở thành thế mạnh trong việc xây dựng đời sống văn hóa mới, phát huy tinh thần đoàn kết trong cộng đồng người Jarai. Những thế mạnh đó muốn phát triển bền vững phải đặt trong không gian làng bản nguồn sinh ra và nuôi dưỡng những giá trị tâm lý, đạo đức, tập quán, truyền thống tốt của người Jarai. Bởi, từ cộng đồng làng bản, văn hóa người Jarai sẽ đáp ứng được nhiều yêu cầu trong việc xây dựng nền văn hóa mới đoàn kết,

yêu dân tộc, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ, tôn trọng truyền thống... với một bản sắc riêng.

Chính vì những giá trị văn hóa Jarai được hình thành, phát triển và biểu hiện trong không gian làng bản, nên muốn phát huy những giá trị đó phải khôi phục và bảo tồn không gian văn hóa làng bản để tạo môi trường nuôi dưỡng văn hóa.

Thứ hai, khôi phục và phát triển ngành nghề truyền thống. Giải pháp này có ý nghĩa quan trọng nhằm phát huy và gìn giữ những ngành nghề truyền thống như đan lát, rèn, dệt thổ cẩm... Đồng thời mang lại giá trị kinh tế và gìn giữ được bản sắc văn hóa của người Jarai.

Những sản phẩm thủ công, mỹ nghệ của người Jarai là những biểu hiện sinh động góp phần làm nên bản sắc văn hóa của dân tộc. Hiện nay, những ngành nghề truyền thống như đan lát, đồ mây tre, dệt thổ cẩm, gốm, rèn... chỉ để phục vụ nhu cầu gia đình, cá nhân của cộng đồng người Jarai. Để các ngành nghề thủ công, mỹ nghệ không bị mai một, thì giải pháp khôi phục và phát triển chúng thực hiện bằng cách quy hoạch, phát triển các làng nghề và quảng bá, giới thiệu sản phẩm. Công việc này có thể thực hiện một cách thuận lợi do tập quán của người Jarai là tập trung sinh hoạt khi kết thúc mùa rẫy, thời gian còn lại là nông nhàn nên có điều kiện cho ngành nghề này. Hơn nữa phần đông gái trai Jarai ít nhiều đều biết ngành nghề này. Nhưng cái khó hiện nay do hiệu quả kinh tế của những ngành nghề này mang lại thấp, hơn nữa những vật dụng hiện đại có thể thay thế ngày một nhiều và phong phú, cho nên mọi người không còn mặn mà với những ngành nghề thủ công truyền thống. Nhưng vấn đề đặt ra rất khó khăn là làm thế nào để những sản phẩm thủ công của họ được nhiều người biết tới và sử dụng chúng như những vật dụng trong gia đình. Chứ hiện nay ít người biết đến những vật dụng này mà có biết thì chỉ là những đồ trang trí trong gia đình mà thôi.

Thứ ba, vận động xóa bỏ những hủ tục trong cưới xin, tang ma, lễ nghi là giải pháp cụ thể và trực tiếp đối trong đời sống người Jarai hiện nay. Bởi vì, người Jarai giành quá nhiều thời gian, công sức, tiền bạc... cho các lễ hội hàng năm.

Những giá trị cũ, có thể cải biến, chắt lọc những yếu tố tích cực để phục vụ cho sự phát triển. Chẳng hạn như phong tục cưới xin, tang ma, lễ hội nhưng phải cải biến tránh tốn kém, lãng phí về thời gian và tiền bạc. Cần phải giữ lại những yếu tố tích cực như lòng biết ơn tổ tiên, trọng tình nghĩa, tính gắn kết cộng đồng, nhưng tính gắn kết cộng đồng ấy không được dẫn đến cục bộ địa phương, cục bộ dân tộc. Các phẩm chất đạo đức cá nhân như trung thực, thật thà, chất phát, trọng chữ tín, cần cù lao động... cũng là những giá trị cần phải giữ gìn và kế thừa.

Những yếu tố văn hóa tuy cũ, nhưng không gây cản trở cho sự phát triển, thậm chí còn đáp ứng được một phần nhu cầu trong đời sống tinh thần của nhân dân thì không nên vận động xóa bỏ. Chẳng hạn, như y phục giàu màu sắc, hoa văn phong phú và cả đồ trang sức của người Jarai ở Gia Lai là nét đẹp truyền thống, vừa nói lên tính cách tâm lý vừa thể hiện trình độ thẩm mỹ của tộc người.

Những giá trị gây cản trở cho sự phát triển thì phải tổ chức vận động, thuyết phục để tự bản thân người dân thấy rõ tác hại và loại bỏ chúng, như tục lệ tang ma, cưới hỏi kéo dài nhiều ngày, chôn cất người chết theo phong tục truyền thống, chữa bệnh bằng các hình thức phép thuật, ma thuật, thầy cúng...

Thực thi giải pháp này phải tiến hành từng bước, đi từ việc nhận thức của người dân về cái lạc hậu trong đời sống để tạo bước chuyển sang hành động, trên cơ sở kết hợp các ngành văn hóa, thông tin, mặt trận, đoàn thể để vận động tuyên truyền trong nhân dân. Làm cho người dân nhận thức được cái hay, cái đẹp, cái tiến bộ của văn hóa dân tộc mình và nhận diện được cái

lạc hậu, phân văn hóa, phân giá trị để họ có ý thức trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc. Già làng, trưởng thôn, người có uy tín trong làng, cán bộ, cán bộ hưu trí, giáo viên, sĩ quan và chiến sĩ lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn, và những quần chúng tiên tiến đã được giáo dục, giác ngộ tham gia công tác tại địa phương có trách nhiệm vận động, tuyên truyền và làm gương cho bà con trong làng bản mình học tập, noi theo. Do tính chậm biến đổi của ý thức xã hội, của phong tục, tập quán, thói quen đã in sâu vào trong quan niệm của mỗi người, nên giải pháp này phải thực hiện thận trọng, từng bước, tránh chủ quan, nóng vội.

- Có những chính sách phù hợp đối với cán bộ làm công tác văn hóa, nhất là cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở làm động lực cho việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc Jarai ở Gia Lai

Trong công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của người Jarai ở Gia Lai, việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa và làm công tác chuyên môn, nhằm đáp ứng yêu cầu công tác hiện nay là một đòi hỏi cấp bách. Do đó, phải quan tâm đặc biệt đến đội ngũ những người làm công tác văn hóa và các tri thức người Jarai, văn nghệ sĩ hoạt động trên lĩnh vực bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Cần có kế hoạch ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nghiên cứu văn hóa các dân tộc thiểu số cả về số lượng và chất lượng. Nên có chế độ đãi ngộ thích hợp, coi đó là sự động viên để họ an tâm công tác, đóng góp sức lực vào công việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, trong đó có dân tộc Jarai ở Gia Lai.

Để có đội ngũ cán bộ làm văn hóa có chất lượng và chuyên môn cần phải tuyển chọn những người có trình độ chuyên môn, được đào tạo chính quy, có thời gian thử việc trước khi chính thức tuyển. Việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ phải toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm theo yêu cầu của công việc,

theo điều kiện của từng dân tộc, từng địa phương, từng vùng. Bố trí sử dụng cán bộ phải đúng người, đúng việc, có tính đến đặc thù địa bàn, đặc thù dân tộc, đặc thù phong tục tập quán. Cần đổi mới cách thức, quy trình thực hiện quy hoạch cán bộ là người dân tộc thiểu số, phải có chương trình đào tạo một cách quy củ và bồi dưỡng thường xuyên để có những hiểu biết đúng đắn, có năng lực thật sự trong công tác vận động, ở buôn làng, ở xã, ở huyện, thị...

Cần sử dụng học sinh tốt nghiệp các trường dân tộc nội trú trong tỉnh, dự bị đại học dân tộc sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương. Mở các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số cho cơ sở với các điều kiện ưu tiên cao... Cần có kế hoạch ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nghiên cứu văn hóa các dân tộc thiểu số cả về số lượng và chất lượng. Nên có chế độ đãi ngộ thích hợp, coi đó là sự động viên để họ an tâm công tác, đóng góp sức lực vào công việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở Gia Lai, trong đó có dân tộc Jarai.

Cán bộ văn hóa thông tin là những người làm các công việc trực tiếp liên quan tới văn hóa, thường xuyên đi xuống cơ sở. Vì vậy, cần có chế độ bồi dưỡng, đãi ngộ thích đáng để khuyến khích họ toàn tâm, toàn ý cho công việc. Đặc biệt, hiện nay số lượng cán bộ văn hóa còn thiếu và yếu ở tất cả các cấp, các bộ phận. Số lượng biên chế ít gây khó khăn không nhỏ cho hoạt động văn hóa. Theo báo cáo của Ban tuyên giáo tỉnh ủy Gia Lai: Một điều đáng quan tâm là tỷ lệ cán bộ sử dụng thành thạo được tiếng dân tộc Jarai hoặc Bahnar trong hoạt động tuyên truyền, theo kết quả điều tra là rất thấp. Cán bộ người Kinh làm công tác tuyên truyền sử dụng ngôn ngữ của đồng bào địa phương thành thạo trong quá trình tác nghiệp chỉ chiếm tỷ lệ 4,6%. Có đến trên 70% cán bộ tuyên truyền và cán bộ lãnh đạo quản lý người Kinh các cấp từ tỉnh đến cơ sở chưa sử dụng được tiếng đồng bào trong hoạt động tuyên truyền. Cũng qua kết quả điều tra cho thấy chỉ có 76,2% cán bộ tuyên truyền, 75,8%

cán bộ quản lý người dân tộc Jarai sử dụng thành thạo tiếng mẹ đẻ trong công tác tuyên truyền và giao tiếp hàng ngày (Chỉ số này đối với cán bộ tuyên truyền là người Bahnar 66,7%; cán bộ lãnh đạo, quản lý là 72,7%). Bất đồng ngôn ngữ giữa cán bộ tuyên truyền và đối tượng tuyên truyền đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của hoạt động tuyên truyền thời gian qua trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Vì vậy, trên bình diện chung toàn tỉnh, cũng như các địa phương cần rà soát đánh giá khả năng sử dụng tiếng dân tộc địa phương của đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở thường xuyên tiếp xúc với dân ở các xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo lộ trình cụ thể.

- Giải pháp phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, những người có uy tín

Già làng, trưởng bản là những người có uy tín họ có sức lan toả và có ảnh hưởng đến cộng đồng dân tộc. Họ đóng vai trò như là người “Thủ lĩnh”, thực hiện mối giao tiếp giữa con người với con người trong cộng đồng. Đây là những người có khả năng vận dụng những phong tục, tập quán để giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh trong đời sống cộng đồng.

Hiện nay, vai trò của một số già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ và người có uy tín, tiêu biểu trong các thời kỳ trước đã bị hạn chế do tuổi cao, sức yếu. Tuy vậy, họ vẫn được cộng đồng tôn trọng vì những thành tích quá khứ và tuổi tác cao, được cộng đồng tin theo trong một phạm vi nhất định. Vì ở những người này có những kinh nghiệm sống, hiểu biết tập tục và những nghi thức cộng đồng, giải quyết tốt những xích mích nội bộ theo truyền thống. Đồng thời, trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội trong mỗi cộng đồng dân tộc thiểu số lại xuất hiện một lớp người tiêu biểu mới có trình độ học vấn, am hiểu khoa học kỹ thuật, mạnh dạn đi đầu trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, biết cách làm giàu, được cộng đồng tin nhiệm, suy tôn, dẫn dắt quần chúng trong

việc phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng... Đó là tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ, những nhà giáo, thầy thuốc, những nhà sản xuất kinh doanh giỏi, những cán bộ lãnh đạo các cấp có uy tín ở tỉnh, huyện và đặc biệt là đội ngũ cán bộ tại địa phương, những người luôn vì lợi ích của cộng đồng, với mong muốn dân tộc mình, quê hương mình ngày càng tiến bộ, phát triển. Do đó, vai trò của người có uy tín, tiêu biểu đang thực sự phát huy tác dụng trong mỗi cộng đồng. Người đồng bào họ rất tự hào về những người tiêu biểu thế hệ trước và tự hào cả về những người tiêu biểu thế hệ mới đang đi đầu trong mọi lĩnh vực xây dựng đời sống xã hội. Nên những người này nói gì, làm gì là họ nghe theo.

Chính vì vậy, việc phát huy một cách tối đa vai trò của những người có uy tín, tiêu biểu trong cộng đồng các dân tộc thiểu số là việc làm có ý nghĩa và quan trọng trong việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc hiện nay.

3.2.2. Kiến nghị

Thứ nhất, đối với UBND Tỉnh Gia Lai

Hiện nay, ở tỉnh Gia Lai đang quy hoạch phát triển mạng dưới thùy điện vừa và nhỏ rất nhiều cũng như quy hoạch và mở rộng đô thị ở một số huyện thị đã trực tiếp hay gián tiếp tác động đến không gian văn hóa làng, bản của người dân tộc thiểu số, trong đó có dân tộc Jarai. Vì vậy, khi quy hoạch các dự án cần phải tính đến hệ sinh thái bị tác động, ảnh hưởng đến sinh hoạt truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Bởi vì, cuộc sống của họ chủ yếu vẫn dựa vào canh tác tự nhiên là rẫy và rừng. Nếu môi trường sinh thái bị thay đổi sẽ kéo theo hàng loạt các yếu tố truyền thống đã theo họ hàng trăm năm nay cũng thay đổi theo. Thực tế hiện nay nhiều làng bản bị di dời sang nơi ở mới, diện tích đất bị thu hẹp thậm chí mất hết do bị ngập nước bởi lòng hồ thùy điện. Khi chuyển sang nơi ở mới thì các nhà đầu tư lại bỏ bê họ dẫn đến

đời sống của họ không bằng nơi ở cũ, theo đó các giá trị văn hóa bị ảnh hưởng và mai một dần.

Hơn nữa, do quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, các nhà quy hoạch khi quy hoạch phát triển đô thị đã không tính đến các yếu tố của đô thị đã trực tiếp phá vỡ không gian văn hóa làng, bản. Như phân tích ở trên thì không gian văn hóa làng, bản là nền tảng, nội dung, hình thức của các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số.

Vì vậy, tôi mạnh dạn kiến nghị các cấp mà quản lý trực tiếp là ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai khi phê duyệt triển khai các dự án về quy hoạch phát triển đô thị hay thủy điện cần cân nhắc kỹ, tính đến nhiều yếu tố cái được, cái mất, trong đó yếu tố văn hóa. Tỉnh cần có nhiều chính sách để gìn giữ các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số trong đó có văn hóa của dân tộc Jarai.

Thứ hai, đối với Sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Gia Lai

Đây là một ngành trực tiếp quản lý về văn hóa và các giá trị văn hóa của các dân tộc anh em trong tỉnh. Nên ngành cần đưa ra các giải pháp cụ thể, tiết thực, gắn với đời sống của họ để họ tự gìn giữ các giá trị văn hóa của dân tộc họ.

Ngoài ra hàng năm ngành cần tổ chức rà soát, đánh giá những yếu tố nào đang trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến bản sắc văn hóa để tìm ra giải pháp tháo gỡ. Ngành cũng là đơn vị tham mưu trực tiếp với ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương chính sách thiết thực liên quan đến việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Chẳng hạn hỗ trợ cho các hộ gia đình vẫn còn gìn giữ công, chiêng. Hỗ trợ cho các nghệ nhân trong việc truyền thụ, giáo dục các giá trị văn hóa của dân tộc mình cho thế hệ sau...

Hàng năm, Sở nên tổ chức những cuộc thi giữa các buôn làng, các huyện thị về các giá trị văn hóa như công chiêng, tượng nhà mồ và một số ngành

nghe thêu dệt, đan lát truyền thống... Qua đó họ sẽ thấy được tầm quan trọng để họ có ý thức trong việc gìn giữ và truyền đạt lại cho con cháu. Bên cạnh đó tổ chức những cuộc hội thảo mời các nhà văn hóa tham dự để tìm ra giải pháp, tháo gỡ những khó khăn trong việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa đang bị mai một.

Thứ ba, đối với Sở Giáo dục và đào tạo

Những năm qua Nhà nước đã ban hành một số chính sách hỗ trợ học tập cho học sinh dân tộc thiểu số như nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh dân tộc thiểu số, Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông bán trú, Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/06/2013 về việc hỗ trợ gạo cho học sinh các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/11/2011 về việc quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015... Chưa có bao giờ chính sách hỗ trợ học tập cho học sinh dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn lại được Đảng và nhà nước chú trọng quan tâm như hiện nay. Các chính sách ấy đã tạo được khí thế mới thúc đẩy sự nghiệp giáo dục, nhằm hạn chế tình trạng thất học, bỏ học giữa chừng đang diễn ra phổ biến hiện nay.

Tuy nhiên, do đặc thù ở tỉnh Gia Lai dân tộc Jarai chiếm đa số nên chẳng ở các trường nội trú, bán trú, các điểm trường mà đại đa số người đồng bào dân tộc nên khuyến khích các em mặc trang phục truyền thống của dân tộc mình đến trường. Vì hiện nay đồng phục của các em chủ yếu bị “Kinh hóa”, để ngay từ đầu các em thấy được ý thức gìn giữ bản sắc ngay từ khi còn nhỏ.

Vấn đề dạy song ngữ tiếng Jarai và tiếng Kinh vẫn tiếp tục triển khai nhưng hàng năm cần tổng kết đánh giá những gì đạt được và chưa đạt được để có giải pháp tháo gỡ. Việc đào tạo giáo viên là người dân tộc thiểu số hiện nay ở trường cao đẳng sư phạm tỉnh Gia Lai vẫn đang còn ít. Sở cần có chính sách thu hút các học viên là người dân tộc thiểu số, vì đây chính là nguồn giáo viên kế cận sau này về lại buôn làng để truyền thụ tri thức cho các thế hệ tiếp theo.

Hàng năm ban dân tộc tham mưu cho Sở nên có những cuộc thi tìm hiểu về bản sắc văn hóa, thi về đánh chiêng, thi về những trò chơi dân gian... của dân tộc mình dành cho các em học sinh là người dân tộc thiểu số. Qua các cuộc thi như vậy sẽ động viên khuyến khích các em tìm hiểu học hỏi và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình trong cộng đồng hơn.

Khi giáo dục và đào tạo được quan tâm nghĩa là trình độ nhận thức và dân trí của người dân dần được cải thiện và nâng cao. Lúc đó ý thức về gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa mới có tác dụng và ý nghĩa.

Thứ tư, đối với chính quyền cơ sở

Đối với chính quyền cơ sở xã, phường là cấp gắn liền với đời sống hàng ngày cũng như sinh hoạt văn hóa của người dân. Chính quyền cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc nắm tình hình cũng như định hướng cho sinh hoạt văn hóa của người dân theo đúng luật pháp, văn minh, đúng tập tục truyền thống. Tránh tình trạng bị một số đối tượng lợi dụng, lôi kéo, kích động, tuyên truyền lôi kéo người đồng bào dân tộc thiểu số làm việc xấu chống phá chính quyền trong đó có người Jarai. Thực tế vấn đề này ở Gia Lai trong những năm qua trở thành “điểm nóng” cần quan tâm.

Tất cả các lễ hội, cũng như mọi sinh hoạt văn hóa của người dân đều diễn ra ở cơ sở. Chính quyền xã, phường nắm rất rõ gia đình nào, thôn nào, làng nào, bản nào còn gìn giữ những nét sinh hoạt truyền thống. Những hộ nào còn gìn giữ các bộ công, chiêng, người nào biết chơi, người nào tâm

huyết, để tham mưu với chính quyền cấp trên có chính sách hỗ trợ, có biện pháp bảo tồn và gìn giữ. Hơn nữa chính quyền cơ sở là nơi nắm rõ nhất về phong tục tập quán, thói quen, lối sống của người dân trong địa bàn mình quản lí nên họ sẽ có biện pháp, cách thức định hướng cho các hoạt động văn hóa theo hướng tiến bộ nhưng không đánh mất đi các giá trị bản sắc truyền thống. Điều quan trọng hơn cả là họ nói thì đồng bào nghe và làm theo.

Vì vậy, đối với cán bộ lãnh đạo và cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở phải là những người có trình độ, hiểu biết, tâm huyết, gần dân thì mới làm tốt vấn đề gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa. Cho nên, hàng năm họ phải được tham gia các lớp tập huấn về văn hóa do các cấp tổ chức. Có như vậy thì vấn đề gìn giữ các giá trị văn hóa từ cấp cơ sở mới phát huy được hiệu quả và tác dụng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác, quan điểm của Hồ Chí Minh cũng như chủ trương chính sách của Đảng về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Thực tiễn thành công và thất bại trong công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa ở Gia Lai hiện nay cho ta thấy cần kết hợp nhiều biện pháp. Theo tôi muốn gìn giữ và phát huy tốt các giá trị văn hóa dân tộc Jarai hiện nay cần kết hợp về phát triển kinh tế, văn hóa giáo dục, chính trị tư tưởng, y tế. Trong đó, phát triển kinh tế và văn hóa giáo dục miền núi là nhiệm vụ quan trọng nhằm xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí đây tạo điều kiện thực hiện chiến lược phát triển văn hóa. Giải pháp về chính trị tư tưởng nhằm nâng cao ý thức chính trị, nâng cao nhận thức của người dân trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội... từ đó xây dựng ý thức dân tộc và cộng đồng trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa trong giai đoạn hiện nay.

Qua đó tôi cũng đề xuất, kiến nghị với các ban ngành từ cấp tỉnh đến cơ sở một số ý kiến mà theo tôi là thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Gia Lai. Hy vọng những đề xuất kiến nghị đó phần nào giúp sức trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của người Jarai trong giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

Chủ nghĩa Mác đã nghiên cứu vấn đề văn hóa bắt đầu từ sự phân tích mối quan hệ biện chứng giữa con người và xã hội, tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Theo đó, văn hóa được xem là một dạng hoạt động của con người và những thành tố văn hóa thuộc chủ yếu vào ý thức xã hội và bị quy định bởi tồn tại xã hội mà trong đó con người là chủ nhân của các sáng tạo đó.

Văn hóa ra đời, tồn tại và phát triển gắn liền với sự phát triển của lịch sử xã hội loài người. Mỗi dân tộc với điều kiện và lịch sử cụ thể của mình đều có một nền văn hóa với những nét riêng, lâu đời và bền chặt, mà chúng ta gọi đó là bản sắc văn hóa. Bản sắc văn hóa là một tiêu chí để khẳng định sự tồn tại của một dân tộc trong sự phát triển chung của lịch sử nhân loại.

Văn hóa là khái niệm rộng lớn, liên quan đến toàn bộ đời sống vật chất tinh thần của con người trong xã hội. Trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có thể hiểu văn hóa là hệ thống những giá trị vật chất và tinh thần của con người, do con người sáng tạo qua quá trình hoạt động thực tiễn và biểu thị trình độ phát triển lịch sử nhất định của một xã hội. Do đó, văn hóa gồm những yếu tố như tri thức, tư tưởng, tín ngưỡng, giá trị đạo đức, giá trị thẩm mỹ, lối sống, văn học, âm nhạc, luật tục... của con người. Trên cơ sở quan điểm triết học Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, giúp chúng ta nhận thấy rằng việc bảo tồn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa của từng dân tộc là vấn đề có ý nghĩa, góp phần tạo sự “thống nhất trong đa dạng” của văn hóa. Nhiệm vụ này phải được thực hiện trên tất cả các dân tộc, nhằm bảo tồn những nét đặc sắc của văn hóa dân tộc đó.

Ngày nay, trong xu thế đổi mới và hội nhập Đảng và nhà nước Việt Nam luôn xem văn hóa là động lực của sự phát triển xã hội. Nhận thức tầm quan trọng của nhân tố văn hóa trong đời sống xã hội, việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân là vấn đề mà Đảng quan tâm hàng đầu trong sự

phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Bên cạnh kinh tế thì văn hóa có vai trò quan trọng trong sự định hướng đảm bảo cho tính bền vững của xã hội trong giai đoạn mở cửa và hội nhập. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống là đòi hỏi có tính nguyên tắc của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Ở Gia Lai với điều kiện tự nhiên đồi núi và bị chia cắt bởi sông suối cùng với khí hậu nhiệt đới (6 tháng nắng, 6 tháng mưa) và kinh tế xã hội đặc trưng của núi rừng Tây Nguyên nên đã tạo ra tính cách và con người nơi đây cũng mang nhiều nét riêng biệt. Đặc biệt ở Gia Lai tập trung hơn 90% dân tộc Jarai trong cả nước với một bề dày lịch sử tồn tại và phát triển. Tuy điều kiện kinh tế của đồng bào dân tộc còn nhiều khó khăn nhưng họ lại có một nền văn hóa lâu đời, phong phú, đa dạng, độc đáo và hết sức đặc sắc. Nền văn hóa thể hiện nét sinh hoạt đời sống thường ngày, những phong tục tập quán, truyền thống, lễ nghi nhưng lại chứa đựng rất nhiều giá trị. Người Jarai chính là chủ nhân của các giá trị văn hóa như không gian văn hóa làng bản, công chiêng, các lễ hội, nhà sàn, nhà rông, tượng nhà mồ... tính đa dạng về bản sắc văn hóa nên văn hóa có khả năng chi phối toàn bộ đời sống tâm linh, tâm lý, lối sống và phương thức hoạt động của con người trong xã hội. Chính điều này đã tạo nên bản sắc riêng của văn hóa núi rừng Tây Nguyên. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan hiện nay các giá trị văn hóa của người Jarai đang bị mai một dần. Do đó, cần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc Jarai là việc làm cấp bách hiện nay. Muốn thực hiện được phải có sự đồng thuận của toàn thể nhân dân, của các cấp, các ngành nhất là toàn thể dân tộc Jarai. Bên cạnh đó cần thực hiện hệ thống các giải pháp kết hợp trên nhiều phương diện về kinh tế, chính trị, giáo dục, y tế và kết hợp các ban ngành cùng thực hiện. Đây là những giải pháp chủ yếu có ý nghĩa quyết định trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc Jarai ở Gia Lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Hữu Ái, Nguyễn Tấn Hùng (2010), *Triết học*, Nxb Đà Nẵng.
- [2] Nguyễn Đồng Chi (2002), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Kinh Chi, Nguyễn Đồng Chi (2011), *Người Ba Na ở Kon Tum (mọi Kon Tum)*. Nxb Tri thức.
- [4] Nguyễn Trọng Chuẩn và Nguyễn Văn Huyền (2002), *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội.
- [5] Nguyễn Tất Cứ, Phan Cẩm Thượng (1995), *Điều khắc tượng mô Tây Nguyên*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
- [6] Jacques Dournes (2013) *PoTao một lý thuyết về quyền lực ở người Jarai Đông Dương*, Nxb Tri thức.
- [7] Ngô Văn Doanh (1995), *Lễ bỏ mũ Bắc Tây Nguyên*, Nxb Văn hóa dân tộc.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Khoa Điềm (2002), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [12] Tạ Đức (2002), *Tìm hiểu văn hóa Katu*, Nxb Thuận Hóa.
- [13] Phạm Duy Đức (2008), *Quan điểm Chủ nghĩa Mác- Lênin về văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [14] Phạm Minh Hạc- Nguyễn Khoa Điềm (2003), *Về phát triển văn hóa và xây dựng con người trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [15] Nguyễn Huy Hoàng (2002), *Mấy vấn đề triết học văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [16] Đỗ Huy, Trường Lưu (1990), *Bản sắc dân tộc văn hóa*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [17] Đỗ Huy (1977), *Nhận diện văn hóa và sự biến đổi của nó trong thế kỷ XX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [18] Đỗ Huy (2002), *Cơ sở triết học của văn hóa nghệ thuật Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [19] Nguyễn Văn Huy (1997), *Bức tranh văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [20] V.I. Lênin, *Toàn tập*, Tập 31 (1969), Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [21] V.I. Lênin, *Bàn về văn hoá, văn học*, Nxb Văn học Hà nội.
- [22] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T6, (1995), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [23] Hồ Chí Minh (1996) “*Báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng*”. *Toàn tập*, T6. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [24] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T.12 (1996). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [25] Hồ Chí Minh về văn hoá (1997). *Bảo tàng Hồ Chí Minh xuất bản*, Hà Nội.
- [26] Hoàng Xuân Lương (2002), *Văn hóa dân tộc-một số vấn đề triết học*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [27] Trường Lưu (1999), *Văn hóa- một số vấn đề lý luận*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [28] C. Mác và Ph. Ăng-ghen, *Toàn tập*, Tập 1 (1980), Nxb Sự thật, Hà Nội.

- [29] C. Mác và Ph. Ăng- ghen, *Tuyển tập*, Tập 3 (1995), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [30] Henri Maitre (1982) *Rừng người thượng*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
- [31] Phạm Xuân Nam (1998), *Văn hóa phát triển*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [32] Phan Ngọc (2000), *Thử xét văn hoá-văn học bằng ngôn ngữ học*, Nxb Thanh niên.
- [33] Petghidapphơ. *Báo Diễn đàn*. Dẫn theo: Bùi Đình Phong. “*Hồ Chí Minh. Trí tuệ, văn hoá*.” *Báo Nhân dân* 19/5/1989.
- [34] Hồ Sĩ Quý (2003), *Con người và phát triển con người trong quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [35] Chu Thái Sơn, Nguyễn Trường Giang (1999), *Người Jarai*, Nxb Trẻ.
- [36] Nguyễn Hữu Thông (2005), *Văn hóa làng miền núi trung bộ Việt nam (dẫn liệu từ miền núi Quảng Nam)*, Nxb Thuận Hóa.
- [37] Tỉnh ủy Gia Lai (2010), *Văn kiện đại hội Đảng bộ Tỉnh Gia Lai lần XIV*.
- [38] Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb Tp HCM, 2001.
- [39] Nguyễn Quang Tuệ (2008) *Câu đố Jarai*, Nxb Đà Nẵng.
- [40] Đặng Nghiêm Vạn (1981), *Các dân tộc tỉnh Gia Lai, Kon Tum*, Nxb Khoa học xã hội.
- [41] Hoàng Vinh (1999), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [42] Trần Quốc Vượng (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

